

**TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN**

**KHAI SÁNG  
KỶ NGUYÊN THỨ HAI**

*Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên*



**2015**



# **Khai sáng kỷ nguyên thứ hai**

*Dự án chính trị dân chủ đa nguyên*



*Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên*  
*2015*

## Mục Lục

I. Nhiệm vụ lịch sử	1
II. Làn sóng dân chủ thứ tư và một trật tự thế giới mới	8
III. Việt Nam trước một khúc quanh lịch sử trọng đại	34
IV. Nền tảng tư tưởng cho kỷ nguyên dân chủ	49
V. Những định hướng lớn của mô thức Việt Nam	91
VI. Thể chế và hiến pháp cho Cộng Hòa Việt Nam	122
VII. Đấu tranh thiết lập dân chủ đa nguyên	141
VIII. Chuyển tiếp thành công về dân chủ	169
IX. Chung một giấc mơ Việt Nam	195



## I. Nhiệm vụ lịch sử

Chúng ta đứng hàng thứ 14 trên thế giới về dân số, trên mặt đất này cứ 1.000 người thì có 15 người Việt Nam. Người Việt Nam được thế giới nhìn nhận là thông minh và cần mẫn. Địa lý của chúng ta khá thuận lợi nhờ bờ biển dài và đẹp, nằm sát các trục giao thông quan trọng, trong một vùng đặc biệt năng động. Chúng ta có tiềm năng của một nước lớn và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào việc xây dựng một thế giới hoà bình, thịnh vượng và văn minh.

Mặc dầu vậy hiện nay chúng ta chỉ là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới. Tổng sản lượng quốc gia trên mỗi đầu người của ta còn ở rất dưới mức trung bình thế giới. Chúng ta vẫn chưa có một công nghiệp kỹ thuật cao nào và còn tụt hậu bi đát hơn nữa so với thế giới về văn hóa và nghệ thuật; chúng ta đứng tốp cuối trong mọi bảng xếp hạng các quốc gia về con người, xã hội và môi trường; và chúng ta thiếu ngay cả những quyền con người cơ bản nhất. Mâu thuẫn đau lòng và không thể chấp nhận đó phải chất vấn mọi người Việt Nam.

Bẩm sinh mọi con người, dù thuộc chủng tộc nào, đều có những khả năng như nhau. Những chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống của các dân tộc là hậu quả của điều kiện văn hóa, địa lý, tài nguyên thiên nhiên và cách tổ chức xã hội. Trong những yếu tố đó tổ chức xã hội có tầm quan trọng vượt hẳn. Tổ chức xã hội tốt hay xấu, khéo hay vụng có thể thay đổi hẳn số phận của một dân

tộc. Chính vì thế mà nhiều quốc gia mặc dầu đất đai chật hẹp, tài nguyên ít ỏi vẫn vươn lên mạnh mẽ trong khi nhiều quốc gia khác tuy rất được thiên nhiên ưu đãi mà vẫn quần quai trong nghèo đói. Trong nhận thức đó sự thua kém hổ nhục hiện nay vừa bắt buộc chúng ta suy nghĩ về mình để tìm một lối đi cho mình vừa cho phép chúng ta tin tưởng rằng nếu tổ chức lại đất nước một cách hợp lý, nghĩa là đặt nền tảng trên những giá trị đúng, chúng ta chắc chắn sẽ thoát khỏi cảnh nghèo đói và sẽ vươn lên mạnh mẽ.

Chúng ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội lịch sử.

Vào buổi rạng đông của thời đại mới, đánh dấu bởi sự bùng nổ của tư tưởng trong thế kỷ 18 và cuộc cách mạng kỹ nghệ trong thế kỷ 19, chúng ta, cũng như nhiều nước Châu Á khác, đã không ý thức được rằng đã đến lúc phải xét lại toàn bộ các giá trị và tập quán, phải đổi mới hoàn toàn cách suy nghĩ và tổ chức. Trong nhiều thế kỷ chúng ta đã hài lòng với khuôn mẫu Không Mạnh xơ cứng, bỏ mất óc sáng tạo và dẫm chân tại chỗ; trong khi người Phương Tây, nhờ óc khách quan và phương pháp, nhờ biết xét lại và đổi mới không ngừng đã tiến lên mạnh mẽ và hơn hẳn phần còn lại của thế giới.

Vì không biết thích nghi kịp thời như một số quốc gia may mắn khác, chúng ta đã mất chủ quyền và bị ngoại thuộc. Mất chủ quyền, chúng ta đã mất luôn khả năng hội ý với nhau để cùng nhau tìm một lối thoát cho đất nước, rồi mất luôn tinh thần đối thoại để dàn xếp những bất đồng.

Bước vào thế kỷ thứ hai mươi, chúng ta phải giải quyết cùng một lúc hai vấn đề khó khăn: giành chủ quyền dân tộc và thích nghi với một nền văn minh mới. Vì không đồng ý được với nhau trên một dự án quốc gia mới nên chúng ta đã xung đột với nhau ngay cả trên mục tiêu mà mọi người Việt Nam đều ao ước là lấy lại quyền tự chủ. Chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội để giành lại độc lập và vươn lên khi chế độ thực dân sụp đổ sau Thế Chiến II. Chúng ta đã chia rẽ, lên án nhau, mặt sát nhau và tiêu diệt nhau, khiến đất nước bị nội chiến và phân tranh, với kết quả sau cùng là phải chuốc lấy một trong những chế độ độc tài độc hại nhất sau khi đã phải chịu đựng những tàn phá kinh khủng nhất; trong khi các dân tộc khác dù không tồn hay chỉ tồn rất ít xương máu cũng đã được độc lập, và trong nhiều trường hợp còn xây dựng được cả dân chủ.

Sự thiển cận đã khiến chúng ta lỡ mất một cơ hội lớn khi hòa bình được tái lập năm 1975. Thay vì hòa giải dân tộc để hàn gắn những vết thương do chiến tranh để lại phe thắng trận đã áp đặt một chủ nghĩa toàn trị đã bị vứt bỏ từ một thế kỷ trước ngay tại cái nôi của nó và chỉ ít lâu sau cũng sẽ bị chối bỏ ngay tại trung tâm của nó, đồng thời bị cả thế giới văn minh lên án như một tai họa cho nhân loại. Sự thiển cận cũng đã khiến chúng ta bỏ lỡ một cơ hội lớn khác khi chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản sụp đổ.

Nhìn lại đoạn đường đã đi qua ta phải nhìn nhận rằng nguyên nhân của mọi đổ vỡ mà nước ta đã phải chịu đựng



là chúng ta đã rất thiếu tư tưởng chính trị và đã không đầu tư đủ suy nghĩ để nhìn rõ những vấn đề trọng đại đặt ra cho mình và để tìm ra hướng giải quyết. Ở mỗi thời điểm, chúng ta luôn luôn thiếu một dự án chính trị thích hợp với thời đại mới và hoàn cảnh đất nước. Cuối cùng chúng ta đã tàn sát nhau vì những ý hệ vay mượn mà chúng ta tiếp thu một cách sơ đẳng và bảo vệ một cách cuồng nhiệt hơn cả những dân tộc đã khởi xướng ra chúng.

Chúng ta cần khẩn cấp một bước nhảy vọt về tư tưởng chính trị để nhanh chóng đạt tới đồng thuận trên những giá trị nền tảng mới cho tổ chức xã hội. Bước nhảy vọt văn hóa này phải đi đôi với kiên trì và bao dung. Những kinh nghiệm lịch sử bi thảm và sự tủi nhục vì thua kém hiện nay buộc chúng ta rút ra bài học dứt khoát là phải từ bỏ tâm lý nóng vội, từ bỏ óc độc quyền lẽ phải, chế ngự lòng đam mê để đối thoại và thỏa hiệp với nhau trong tinh thần tương kính. Không thể khác bởi vì mọi người Việt Nam đều ràng buộc với nhau trong một thân phận chung: nếu đất nước chúng ta giàu mạnh và tiên tiến cuộc sống của chúng ta sẽ vinh quang và tất cả chúng ta đều được kính trọng; ngược lại nếu đất nước chúng ta nghèo khổ và lạc hậu, tất cả chúng ta đều bị coi thường, bất luận chúng ta thuộc thành phần nào, khuynh hướng nào, hay theo chủ nghĩa nào. Trong hoàn cảnh bi đát hiện nay, điều tốt nhất cho mọi người cũng là điều tốt nhất cho mỗi người.

Ngày hôm nay đại bộ phận nhân dân ta cơ cực, chán nản và phẫn uất, đất nước ta tụt hậu và bế tắc. Các vấn đề

kinh tế, xã hội, môi sinh, đạo đức, giáo dục, nhân mãn, v.v. chông chất không được giải quyết càng ngày càng trở nên gay gắt hơn và đã đạt tới mức độ nguy ngập, chẳng bao lâu nữa có thể sẽ không còn giải đáp nếu đà băng hoại này không được đảo ngược nhanh chóng. Nước ta lúc đó có thể bị xóa tên khỏi danh sách các dân tộc có quyền mơ ước một chỗ đứng xứng đáng trên thế giới. Chúng ta phải khẳng định rằng sẽ không thể có lối thoát cho đất nước dưới chế độ cộng sản này. Trong suốt quá trình tồn tại và cầm quyền nó đã chứng tỏ chỉ có ưu tư duy nhất là duy trì ách thống trị trên dân tộc bằng mọi giá, kể cả tàn phá đất nước, hy sinh lợi ích dân tộc và thân phục ngoại bang. Nó cũng là một chế độ cực kỳ tham nhũng, và lịch sử mọi dân tộc đều đã chứng tỏ rằng chỉ có thể thay thế chứ không thể cải thiện một chính quyền tham nhũng. Nhiệm vụ lịch sử của thời đại chúng ta là nhanh chóng giải thoát dân tộc khỏi ách độc tài toàn trị và cứu đất nước khỏi nguy cơ bị thua kém vĩnh viễn.

Nguy cơ thua kém vĩnh viễn cũng là nguy cơ mất nước bởi vì trong thời đại này, khi ý niệm quốc gia dân tộc đang bị công phá từ mọi phía và đang bị xét lại, những quốc gia không đem lại được hạnh phúc, niềm tự hào và hy vọng vươn lên không sớm thì muộn cũng sẽ bị giải thể.

Con đường ra khỏi bế tắc và vươn lên của chúng ta là dân chủ đa nguyên và nhân quyền, trên nền tảng của lòng yêu nước được quan niệm như tình yêu và sự gắn bó giữa người Việt Nam.

Dân chủ để đặt những vấn đề một cách đúng đắn và chọn một cách đúng đắn những giải pháp và những người trách nhiệm. Đa nguyên để tôn trọng mọi khác biệt, và để thực hiện hòa giải dân tộc sau những xung đột đẫm máu. Nhân quyền để tôn vinh mỗi người Việt Nam và để phát huy sinh lực và sáng kiến của mọi người. Kinh nghiệm của mọi dân tộc đều đã chứng tỏ nhân quyền chưa bao giờ ngăn cản ai xây dựng đời mình và dân chủ chưa bao giờ cấm đoán một dân tộc nào tiến lên. Dân chủ đi trước và mở đường cho phát triển, phát triển củng cố và phát huy dân chủ. Dân chủ cũng là chọn lựa khôn ngoan cho phép một nước chưa mạnh tranh thủ cảm tình và hậu thuẫn của thế giới để bảo vệ quyền lợi và lãnh thổ.

Dân chủ hóa đất nước là mục tiêu hiển nhiên nhưng cũng đầy trở ngại. Đảng Cộng Sản đã chứng tỏ họ có thể làm tất cả để duy trì độc quyền chính trị trong khi đa số người Việt Nam không còn quan tâm tới đất nước nữa, sự thất vọng kéo dài quá lâu đối với một chính quyền tham bạo đã biến thành sự chán nản với chính đất nước. Như vậy những người đấu tranh cho dân chủ phải chống lại cùng một lúc sự ngoan cố của Đảng Cộng Sản và tâm lý bỏ cuộc của quần chúng. Cuộc vận động dân chủ cũng đồng thời phải là nỗ lực phục hồi lòng yêu nước đã bị thương tổn trầm trọng; nó sẽ đòi hỏi rất nhiều quyết tâm, dũng cảm và kiên trì. Nhưng nó là cuộc đấu tranh bắt buộc.

Chúng ta đã rất chậm trễ trong cuộc hành trình của nhân loại về tự do và của các quốc gia về dân chủ. Cho đến

nay dù có lịch sử khá dài nhưng trong thực tế chúng ta đã chỉ có những chế độ nô lệ; các giai đoạn tự chủ cũng chỉ có tác dụng thay thế ách nô lệ ngoại bang bằng ách nô lệ bản xứ. Cuộc vận động dân chủ chính là cuộc đấu tranh để đưa dân tộc từ bóng đêm của nô lệ vào ánh sáng của tự do, mở ra kỷ nguyên dân chủ, kỷ nguyên lịch sử thứ hai của nước ta. Tùy theo chọn lựa và thái độ của những con người hôm nay mà họ sẽ được các thế hệ mai sau đánh giá là đã đóng góp cho cuộc cách mạng trọng đại nhất trong lịch sử nước ta hay đã khiếp nhược trốn tránh trách nhiệm vào lúc đất nước cần nhất.

Dự án chính trị này có tham vọng đóng góp vào một ý thức chính trị mới cho Việt Nam và kết hợp những người còn ý chí và niềm tin để theo đuổi một lý tưởng chung là một đất nước Việt Nam xứng đáng để những con người hôm nay phấn đấu xây dựng và các thế hệ mai sau tiếp nối trong niềm tự hào. Sự kết hợp này là cần thiết và bắt buộc bởi vì đấu tranh chính trị không bao giờ là đấu tranh cá nhân cả mà chỉ có thể là đấu tranh có tổ chức.

Một làn sóng dân chủ toàn cầu mới đang trào dâng. Chúng ta không có quyền bỏ lỡ vận hội này.

## **II. Làn sóng dân chủ thứ tư và một trật tự thế giới mới**

Chúng ta đang ở trong một bối cảnh thế giới thuận lợi đầy triển vọng. Chưa bao giờ khả năng chấm dứt chế độ độc tài toàn trị và bước vào kỷ nguyên dân chủ lớn bằng lúc này. Một làn sóng dân chủ mới, làn sóng dân chủ thứ tư trong lịch sử thế giới, đã bắt đầu và đang tiếp tục dâng lên trong khi chế độ độc tài đã rã rượi, cạn kiệt về cả uy tín, trí tuệ, lòng tin và ý chí.

### **1. Làn sóng dân chủ thứ tư**

Lịch sử loài người có thể được nhìn như là cuộc hành trình của con người về tự do, để tự giải phóng khỏi sự ngu dốt, bệnh tật, đói khổ, nhọc nhằn, và nhất là khỏi ách thống trị của các bạo quyền; và vì dân chủ đã chứng tỏ là phương thức tổ chức xã hội hợp lý nhất để thực hiện tự do nên lịch sử thế giới cũng là cuộc hành trình của các dân tộc về dân chủ.

Trong cuộc hành trình khó khăn đó dân chủ đã gặp sự chống trả ngoan cố của những quyền lực thống trị. Ngoài bạo lực trắng trợn các thế lực thống trị còn vận dụng cả những vũ khí ý thức hệ. Từ những triết lý bi quan coi cuộc đời là không đáng sống và do đó không đáng đấu tranh để cải thiện đến những ảo tưởng về một thiên đường tương lai đòi hỏi những hy sinh hôm nay, qua những chế độ thần quyền trong đó kẻ cầm quyền tự xưng là đại diện của một đấng tối cao và chỉ chịu trách nhiệm trước đấng

tối cao đó, những chủ nghĩa dân tộc cực đoan, những chủ nghĩa thực dụng coi thỏa mãn những nhu cầu vật chất là ưu tiên duy nhất hoặc cao nhất, những chủ nghĩa tập thể coi con người chỉ có ý nghĩa như là thành tố của một tập thể được coi là trên hết như tổ quốc, giáo hội, đảng, v.v. Đánh phá thâm độc và dai dẳng nhất nhắm vào dân chủ là đồng hóa chủ nghĩa cá nhân, nền tảng của dân chủ, với chủ nghĩa vị kỷ, với hệ luận là dân chủ dẫn đến rời rạc và hỗn loạn.

Vì những chống phá đó dân chủ đã không tiến một cách đều đặn mà theo từng đợt mà chúng ta có thể gọi là những làn sóng dân chủ. Mỗi làn sóng dân chủ nhắm bác bỏ một chủ nghĩa chuyên chính và sau đó đánh đổ một số chế độ độc tài đặt nền tảng trên chủ nghĩa đó. Tiếp theo là một giai đoạn trong đó dân chủ khựng lại, thậm chí có thể lùi bước, do sự phản công của các thế lực chống dân chủ lợi dụng những sai lầm và lúng túng không tránh khỏi của các chế độ dân chủ mới thành lập trong những ngày đầu khó khăn.

Sự thăng trầm này có lý do của nó. Trước hết là vì dân chủ vừa khó đạt được lại vừa khó gìn giữ do sự phức tạp của nó. Bằng cứ là phải nhiều ngàn năm sau khi con người biết sống có tổ chức dân chủ mới có dạng tại Hy Lạp rồi tắt lịm, phải đợi thêm hai ngàn năm nữa nó mới xuất hiện trở lại một cách rụt rè tại một vài nơi tại Châu Âu và mới chỉ phát triển mạnh gần đây. Một lý do quan trọng khác là bởi vì sinh hoạt dân chủ đặt nền tảng trên các chính

đảng trong khi các chế độ độc tài sau suốt quá trình cầm quyền và tiêu diệt các đảng đối lập chỉ để lại một khoảng trống chính trị khi cuối cùng chúng phải sụp đổ. Nhưng dân chủ là cách sinh hoạt tự nhiên của xã hội văn minh nên sự thoái bộ nếu xảy ra cũng không thể triệt tiêu những thành quả của làn sóng dân chủ trước đó, dân chủ vẫn chín muồi dần với đà tiến hóa của xã hội và tới một mức độ nào đó nó đủ mạnh để tạo ra một làn sóng dân chủ mới. Trào lưu dân chủ hóa không thể đảo ngược như thực tế đã chứng tỏ. Đầu thế kỷ 20, hơn một thế kỷ sau làn sóng dân chủ đầu tiên, chỉ có khoảng mười nước dân chủ: Mỹ và một vài nước Tây và Bắc Âu. Đã thế, trừ Hoa Kỳ, các nước này cũng chưa hẳn là dân chủ bởi vì đồng thời cũng là những nước thực dân vi phạm nhân quyền ở các thuộc địa. Mặc dù những thăng trầm, bước vào thế kỷ 21 hai phần ba trong tổng số gần hai trăm quốc gia trên thế giới đã có dân chủ. Hiện nay, năm 2015, tỷ lệ này là hơn ba phần tư và trong số các nước bị coi là độc tài cũng chỉ có vài nước dám công khai khẳng định chế độ độc đảng. Cuộc hành trình của thế giới về dân chủ đang gia tốc, một trật tự thế giới mới đang hoàn tất.

Cho tới năm đầu thế kỷ 21 thế giới đã chứng kiến ba làn sóng dân chủ.

Làn sóng dân chủ đầu tiên bắt đầu với cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ năm 1776 và Cách Mạng Pháp 1789 và nhắm lật đổ các chế độ quân chủ tuyệt đối dựa trên thần quyền, dù là thần quyền Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo hay

Khổng Giáo. Nó đã buộc các chế độ quân chủ Châu Âu phải từ bỏ thực quyền để trở thành quân chủ lập hiến, đã đánh gục đế quốc Ottoman và các chế độ quân chủ tại Nga và Trung Quốc.

Làn sóng dân chủ thứ hai đã bắt đầu cùng với Thế Chiến II và nhằm đánh đổ chủ nghĩa quốc gia sô vanh. Chủ nghĩa này, xuất hiện và phát triển sau sự sụp đổ của các chế độ quân chủ, coi xung đột giữa các dân tộc là tự nhiên vì mọi dân tộc đều phải bảo vệ và mở rộng không gian sinh tồn của mình. Làn sóng dân chủ thứ hai bác bỏ chủ nghĩa dân tộc quá khích này và khẳng định sự bình đẳng giữa những con người thuộc mọi chủng tộc và quyền tự quyết của mọi dân tộc. Kết quả là các chế độ Quốc Xã Đức, Phát Xít Ý và Quân Phiệt Nhật bị tiêu diệt; cả ba nước Đức, Ý và Nhật đều trở thành dân chủ, Nhật trở thành nước dân chủ đầu tiên tại châu Á; hầu hết các thuộc địa của Anh cũng trở thành những nước dân chủ. Tuy nhiên làn sóng dân chủ này đã nhanh chóng khựng lại và nhường chỗ cho chiến tranh lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản được nhìn vào thời điểm đó như hai công thức dân chủ hóa cạnh tranh với nhau. Điều cần được nhấn mạnh là phong trào cộng sản đã ra đời như một phong trào dân chủ, nó đã là một phương thức xây dựng dân chủ sai lầm trước khi bị khai thác để trở thành một tội ác.

Làn sóng dân chủ thứ ba nhằm bác bỏ chủ nghĩa cộng sản và loại bỏ các chế độ độc tài sản phẩm của chiến tranh lạnh. Nó bắt đầu năm 1974 bằng cuộc cách mạng đánh đổ



chế độ độc tài Salazar tại Bồ Đào Nha vào lúc cuộc tranh luận giữa hai công thức tự nhận là dân chủ, tư bản và cộng sản, đã ngã ngũ và khái niệm dân chủ đã có nội dung đủ chắc chắn. Sự thất bại của công thức cộng sản đã khá rõ rệt, các tiến bộ về giao thông và truyền thông đã phơi bày sự thua kém tinh thần cũng như vật chất của các nước cộng sản so với các nước tư bản. Chủ nghĩa cộng sản đã mất hết sức quyến rũ. Các nước dân chủ không còn lo ngại một thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản nữa và đã đủ tự tin để bỏ rơi các chế độ độc tài chống cộng ngay cả nếu cái giá phải trả là chúng sẽ nhất thời nhường chỗ cho những chế độ cộng sản. Làn sóng dân chủ này đã diễn ra trong hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu nó xô ngã các chế độ độc tài cánh hữu tại Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Philippines, Nam Cao Ly, Đài Loan, Nam Việt Nam và nhiều nước khác ở Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh. Một số trở thành những nước dân chủ, nhưng một số khác rơi vào quỹ đạo cộng sản, như Nam Việt Nam, Lào, Campuchia, Angola, Ethiopia, Yemen, Nicaragua. Nhưng ngay sau đó nó đã tràn tới làm sụp đổ hầu hết các chế độ cộng sản, kể cả Liên Bang Xô Viết, đất thánh của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Làn sóng dân chủ thứ ba này đã khựng lại từ giữa thập niên 1990. Nguyên nhân của sự suy thoái này trước hết là tâm lý lạc quan sau khi bức tường Berlin sụp đổ và chiến tranh lạnh chấm dứt. Người ta nghĩ rằng như thế là dân chủ đã thắng và các chế độ độc tài còn sót lại sẽ đủ khôn ngoan để tự chuyển hóa về dân chủ. Tâm lý này đã

làm mất cảnh giác. Sau đó là chủ nghĩa thực tiễn được đẩy mạnh bởi các chính quyền Clinton tại Mỹ và Chirac tại Pháp. Về mặt quan hệ quốc tế chủ nghĩa này đặt quyền lợi, đặc biệt là quyền lợi kinh tế, lên trên hết và mỗi khi có mâu thuẫn giữa quyền lợi và đạo đức thì quyền lợi phải được dành ưu tiên. Thăng tiến dân chủ và nhân quyền không còn là quan tâm hàng đầu nữa và mọi chính quyền, dù độc tài và vi phạm nhân quyền, vẫn có thể là đối tác của Hoa Kỳ, Châu Âu và các nước dân chủ phát triển nói chung. Sang đầu thế kỷ 21 thế giới bị cuốn hút vào cuộc chiến chống khủng bố, tâm lý lạc quan tuy không còn nhưng chính sách đối ngoại thực tiễn vẫn tiếp tục và còn được đẩy mạnh trong nhiệm kỳ đầu của Obama. Thêm vào đó thể hiện kinh tế của chủ nghĩa thực tiễn là chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế bằng cách khuyến khích tiêu thụ, ngay cả với cái giá phải trả là cán cân thương mại thâm thủng nặng, song song với đầu cơ bất động sản và chứng khoán. Chính sách này trong một thời gian dài đã hỗ trợ các chế độ độc tài bạo ngược tại Trung Quốc, Việt Nam và nhiều nước khác. Các chế độ này đã có thể thực hiện chính sách mở cửa kinh tế để khai thác sự nghèo khổ mà chính chúng là nguyên nhân: bóc lột tối đa công nhân để xuất khẩu thật nhiều với giá thật rẻ, lôi kéo du khách nhờ dịch vụ du lịch rẻ. Chủ nghĩa thực tiễn đã cho phép các chế độ độc tài còn lại, kể cả các tàn dư của chủ nghĩa cộng sản như Trung Quốc và Việt Nam, tiếp tục tồn tại thậm chí mạnh lên về kinh tế.

Sau cùng chủ nghĩa thực tiễn đã dẫn tới khủng hoảng và buộc thế giới phải xét lại một cách triệt để cả chính sách đối ngoại lẫn mô thức kinh tế, nghĩa là một mặt cảnh giác bảo vệ các giá trị dân chủ và nhân quyền trong quan hệ quốc tế và mặt khác dành ưu tiên cho kinh tế sản xuất thay vì đầu cơ và thận trọng giữ thăng bằng cả ngân sách quốc gia lẫn cán cân mậu dịch. Các chế độ độc tài không còn được dung túng trong những vi phạm nhân quyền nữa và cũng không thể sống nhờ xuất khẩu như trước nữa. Chính sự xét lại này đã dẫn đến làn sóng dân chủ thứ tư mà chúng ta đang chứng kiến. Chủ nghĩa thực tiễn đã là một ngoặc đơn trong lịch sử nhân loại. Ngoặc đơn đó đang khép lại, thời gian ân huệ của các chế độ độc tài đã chấm dứt.

*Làn sóng dân chủ thứ tư, bắt đầu từ năm 2010, nhắm vào các chế độ độc tài mở cửa về mặt kinh tế. Các chế độ này không thể tồn tại lâu hơn; chúng không dựa trên một tư tưởng chính trị nào cả, ngay cả nếu đôi khi những khẩu hiệu nhằm chán, như "xây dựng chủ nghĩa xã hội", được nhắc lại một cách gượng gạo. Chúng thuần túy là những chế độ cướp bóc không nhân danh một lý tưởng nào hay một dự án chính trị nào. Chúng không có ngay cả một ảo tưởng. Chúng hoàn toàn dựa trên đàn áp để tồn tại. Tất cả đều là những chính quyền què quặt. Trong hai vế cần thiết của quyền lực chính trị, sự chính đáng và bạo lực, chúng chỉ có bạo lực và vì thế phải tận dụng bạo lực. Và muốn đàn áp dễ dàng thì tập đoàn cầm quyền phải mạnh và ngược lại quần chúng phải yếu. Bóc lột và bắt công phải gia tăng*

vì nằm ngay trong logic tồn tại của chế độ. Nhưng đây là một logic tự sát, vì nó càng khiến chế độ bị thù ghét hơn trong khi dù muốn hay không sự mở cửa kinh tế và những tiến bộ ngoạn mục của các phương tiện truyền thông và giao thông cũng đã thay đổi hẳn con người, xã hội và các tương quan lực lượng. Người dân vừa không còn hoàn toàn lệ thuộc vào chính quyền trong những nhu cầu vật chất hàng ngày vừa đủ thông tin để biết rõ sự tầm thường và gian trá của những người cầm quyền. Họ còn có những phương tiện hiện đại để trao đổi với nhau, động viên nhau và phối hợp với nhau. Các chế độ vô lý này đã tồn tại được nhờ sự thụ động nhu nhược của trí thức, nhưng ngày nay sự hiểu biết đã được đại chúng hóa, một đội ngũ trí thức mới cũng đã nhập cuộc. Sự thay đổi bắt buộc phải đến, và đã đến. Làn sóng dân chủ thứ tư đang trào dâng.

Tại Đông Á nó đã biến các chế độ dân chủ hình thức tại Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore và Philippines thành các chế độ dân chủ có thực chất, tạo ra sự chuyển hướng đột ngột tại Myanma.

Tại Châu Mỹ La Tinh nó đã củng cố các nền dân chủ non trẻ, đem lại chỗ đứng và tiếng nói xứng đáng cho người bản địa và dần dần ép buộc Cuba phải mở cửa. Tại Bắc Phi và Trung Đông nó đã quật ngã ba chế độ độc tài lâu đời tại Tunisia, Ai Cập và Lybia và đang buộc các chế độ độc tài còn lại chọn lựa giữa dân chủ hóa hoặc sụp đổ. Tại đây nó cũng nhắm giải quyết luôn một vấn đề có tầm quan trọng

thế giới là đưa Hồi Giáo ra khỏi chính trị để trở về vị trí đúng của một tôn giáo.

Tại Hoa Kỳ và các nước dân chủ phát triển khác nó đòi hỏi một mức độ dân chủ lành mạnh hơn và liên đới hơn, dành ưu tiên cho hoạt động sản xuất tạo công ăn việc làm thay vì cho đầu cơ, tôn trọng môi trường, con người và các chọn lựa cá nhân. Môi trường trong sạch, nước sạch và không khí trong lành được coi là thành phần nền tảng của những quyền con người.

Làn sóng dân chủ mới này cũng đang xô đẩy chế độ dân chủ giả dối tại Nga và hai chế độ cộng sản còn lại tại Việt Nam và Trung Quốc, nơi mà hai đảng cộng sản đã biến thành hai giai cấp bóc lột sống tách biệt với quần chúng phần nộ. Ngoài ra các chính quyền Trung Quốc và Việt Nam sẽ còn gặp bồi rối lớn vì chính sách kinh tế dựa trên xuất khẩu không còn phù hợp với trật tự kinh tế hậu khủng hoảng.

Nét đậm nhất của thế giới hiện nay là tương quan lực lượng đã thay đổi, các chế độ độc tài còn lại không còn là một đe dọa cho các nước dân chủ nữa. Chúng đều rất tụt hậu về mặt khoa học kỹ thuật, hoàn toàn trần trụi về tư tưởng chính trị, không có cả một ảo tưởng để lừa mị, kém hẳn các nước dân chủ về sức mạnh quân sự và chỉ có một trọng lượng kinh tế chưa bằng 15% của kinh tế thế giới. Thế giới dân chủ không cần và cũng không sợ các chế độ độc tài nữa. Một thay đổi quan trọng trong bối cảnh thế

giới là sự hóa thân của Liên Hiệp Quốc. Sứ mạng chính của Liên Hiệp Quốc từ ngày thành lập là làm dịu những căng thẳng để chiến tranh lạnh đừng trở thành chiến tranh thực sự. Sứ mạng đó ngày nay đã đạt được, Liên Hiệp Quốc phải tìm một sứ mạng mới để tiếp tục có lý do tồn tại. Sau một thời gian dò dẫm sứ mạng mới đó ngày càng được khẳng định là để phát huy những giá trị phổ cập mà cốt lõi là nhân quyền và để thiết lập trật tự dân chủ. Thời đại của chủ nghĩa đối ngoại thực tiễn - nghĩa là miễn cưỡng chấp nhận sống chung và hợp tác kinh tế với các chế độ bạo ngược vì hòa bình- đã chấm dứt. Đã thế, trừ một vài ngoại lệ không đáng kể, các chế độ độc tài còn lại đều lệ thuộc nặng nề vào ngoại thương và không thể thách thức thế giới dân chủ. Chúng đang sống những ngày khó khăn cuối cùng.

Làn sóng dân chủ thứ tư sẽ còn tiếp tục mạnh lên và chỉ hoàn tất sau khi đã dứt điểm các chế độ độc đảng cuối cùng và đưa tới sự phân biệt tôn giáo và chính trị tại các nước Hồi Giáo.

Chúng ta đứng trước một cơ hội rất thuận lợi để dân chủ hóa đất nước.

Làn sóng dân chủ thứ tư này sẽ áp đặt dân chủ trên mọi quốc gia. Sau đó hai vấn đề đặt ra cho từng quốc gia là, một mặt, hiểu rõ lộ trình của chính mình để hiểu những thử thách và hy vọng của mình trong một thế giới toàn cầu hóa và, mặt khác, không ngừng tự phê bình chế độ dân chủ

của mình để liên tục cải tiến bởi vì đặc tính của dân chủ, hiểu như là phương thức tổ chức xã hội, là có thể và cần được liên tục cải tiến.

Cùng với làn sóng dân chủ này thế giới đang hoàn tất một cuộc chuyển hóa trọng đại để bước vào một kỷ nguyên mới. Đó là kỷ nguyên đặt nền tảng trên những giá trị đã tạo ra sức mạnh của các nước tiên tiến: hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, môi trường và liên đới. Những thành tựu văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật và kinh tế quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc, với điều kiện có thể chế dân chủ ổn vững và lành mạnh để tiếp tục tồn tại. Giáo dục và đào tạo sẽ là cuộc thế chiến mới và là mặt trận sống còn của mọi dân tộc.

Trong nhất thời, vai trò lãnh đạo thế giới vẫn chủ yếu thuộc về Hoa Kỳ và Tây Âu nhưng khuynh hướng đa cực sẽ ngày càng mạnh thêm. Nhật đã thành công trong cuộc chuyển hóa khó khăn từ một nước Nhật truyền thống sử dụng những kỹ thuật hiện đại thành một nước Nhật thực sự hiện đại về mọi mặt, đã bắt đầu một kỷ nguyên tăng trưởng lành mạnh mới và sẽ có vai trò ngày càng quan trọng hơn. Nhiều quốc gia, như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Indonesia, Hàn Quốc sẽ có tiếng nói và trọng lượng ngày càng quan trọng trong những vấn đề lớn của thế giới. Trong một tương lai không xa một phần quan trọng của vai trò lãnh đạo sẽ chuyển sang khu vực Thái Bình Dương trong đó Trung Quốc và Nga, nếu chuyển hóa thành công về dân

chủ, cũng sẽ vươn lên giành một vai trò quan trọng hàng đầu. Ngôi vị có thể thay đổi, các liên minh cũng sẽ thay đổi, nhưng luật chơi sẽ không thay đổi vì các giá trị nền tảng sẽ không thay đổi. Trong luật chơi này vũ khí quyết định là sự sáng tạo để có những thành tựu vượt trội. Nhưng sự sáng tạo là điều chỉ nảy sinh và phát triển nơi những con người tự do, trong những xã hội dân chủ. Cuộc tranh đua sắp diễn ra giữa các dân tộc sẽ là cuộc thi đua tổ chức những không gian quốc gia có cùng một lúc tri thức, kỹ năng, tự do, liên đới, kỷ luật, năng động và sáng tạo ở mức tối đa. Các quốc gia không hiểu luật chơi này, hoặc còn do dự không chịu mau chóng thích nghi với các giá trị mới, phải chờ đón một tương lai rất đen tối.

## **2. Hoa Kỳ, Trung Quốc và khu vực Thái Bình Dương**

Nét đậm nổi bật của thế giới hiện nay vẫn là vai trò áp đảo của Hoa Kỳ.

Dù trọng lượng tương đối đã sút giảm và sẽ còn tiếp tục sút giảm một cách tự nhiên trong một thế giới mà ngày càng nhiều dân tộc vươn lên hoặc nhìn thấy hướng vươn lên, Hoa Kỳ vẫn vừa là cường quốc vượt trội về mọi mặt, nhất là về sức mạnh quân sự, đồng thời cũng là cường quốc sáng tạo nhất và có nhiều tiềm năng tiến lên nhất, do đó thế thượng phong của Hoa Kỳ sẽ còn kéo dài trong thế kỷ này. Trong vài thập niên nữa sẽ khó có vấn đề quốc tế quan trọng nào có thể giải quyết được nếu không có sự thỏa



thuận của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ vì vậy là một vấn đề thế giới, và quốc gia nào dù muốn hay không cũng có vấn đề Hoa Kỳ của mình. Điều đáng mừng là cùng với sức mạnh vô địch đó Hoa Kỳ đồng thời cũng tỏ ra là cường quốc tích cực đem các vấn đề dân chủ và nhân quyền vào chính sách đối ngoại. Điều đáng lo là người Mỹ ít quan tâm tìm hiểu thế giới và thường chọn các cấp lãnh đạo cũng như các định hướng lớn trên những tiêu chuẩn gần như thuần túy nội bộ, đôi khi trên những quyền lợi kinh tế ngắn hạn. Tuy nhiên với thế lực ngày càng bị cạnh tranh trong một thế giới toàn cầu hóa người Mỹ đang dần dần ý thức rằng họ chỉ có thể an toàn trong một thế giới dân chủ. Vì vậy sự tích cực bảo vệ các giá trị dân chủ và nhân quyền của Hoa Kỳ từ nay chỉ có thể tăng lên.

Nhưng nếu cả thế giới có vấn đề Hoa Kỳ thì các nước Đông Nam Á lại có thêm vấn đề Trung Quốc. Nhờ trao đổi với các nước dân chủ phát triển Trung Quốc đã mạnh lên nhiều về mặt kinh tế và nhờ đó đã gia tăng đáng kể sức mạnh quân sự. Điều đáng lo ngại là dù đã mạnh lên Trung Quốc cho tới nay vẫn là một chế độ độc tài toàn trị phủ nhận trắng trợn các giá trị dân chủ và nhân quyền, không những thế còn tỏ ra muốn sử dụng sức mạnh quân sự của mình cho một chính sách bá quyền khu vực. Châu Á là khu vực có nhiều hiểm họa chiến tranh trên quy mô lớn nhất trên thế giới hiện nay. Sự kiện Trung Quốc vừa gia tăng sức mạnh quân sự vừa để lộ một số tham vọng bá quyền đã làm thế giới, nhất là các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, lo ngại. Mỗi quan tâm đối với Trung

Quốc đã là nguyên nhân cho một cuộc chạy đua võ trang tốn kém và nguy hiểm trong vùng, làm cho tình hình càng thẳng thêm.

Trong tình huống đó, Việt Nam là nước có nhiều tranh chấp nhất với Trung Quốc lại cũng là nước không có khả năng tài chánh để tân trang vũ khí và tăng cường khả năng chiến đấu về không quân và hải quân, hai binh chủng cốt lõi trong thời đại này. Như vậy chính sách quốc phòng khôn ngoan và bắt buộc của nước ta là quả quyết dân chủ hóa để hội nhập triệt để vào thế giới dân chủ và được sự bảo vệ của các nước dân chủ theo luật pháp quốc tế, đồng thời để tranh thủ lại cảm tình và sự liên đới của hai nước láng giềng Campuchia và Lào đang bị Trung Quốc mua chuộc trong chiến lược vây bọc và khống chế Việt Nam. Đó cũng là điều kiện để chúng ta có thể sống chung hòa bình và hữu nghị với Trung Quốc.

Viễn ảnh tương lai tuy vậy không hoàn toàn đen tối. Sự kiện Trung Quốc tuy chưa phải là một nước giàu - sản lượng trên mỗi đầu người còn kém xa mức trung bình thế giới- mà đã gia tăng một cách không bình thường chi phí quân sự và các hành động khiêu khích đang tạo ra một mối lo ngại toàn cầu đối với Trung Quốc có nguy cơ trở thành một phong trào bài Trung Quốc và buộc Trung Quốc phải xét lại mình nếu không muốn bị cô lập. Việc thành lập Khối Hợp Tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) bao gồm tất cả các nước trong khu vực Thái Bình Dương trừ Trung Quốc phản ánh mối lo ngại này. Đã có những chỉ dấu là

nhân dân Trung Quốc và một số lãnh đạo bắt đầu ý thức được sự nguy hiểm của chính sách bá quyền khu vực mà Trung Quốc không nên và cũng không có khả năng theo đuổi. Chúng ta có lý do để hy vọng Trung Quốc sẽ chuyển hướng về một chính sách có lợi hơn cho thế giới và cho chính họ. Càng có lý do vì Nhật, vốn đã mạnh hơn Trung Quốc về mọi mặt, đang mạnh lên và khẳng định khả năng cũng như ý chí đóng góp bảo vệ trật tự dân chủ và luật pháp quốc tế trong khu vực.

Nhưng mối lo ngại lớn nhất của thế giới và chúng ta là những gì có thể sắp xảy ra tại Trung Quốc. Chế độ cộng sản Trung Quốc đã chọn mô hình tăng trưởng hoang dại bất chấp con người và môi trường và đã tích lũy đủ mâu thuẫn cho một cuộc khủng hoảng lớn. Trong những năm gần đây trong khi cả thế giới lâm vào khủng hoảng kinh tế Trung Quốc đã che đậy những khó khăn của mình bằng cách gia tăng tín dụng và chi phí công cộng để duy trì mức tăng trưởng giả tạo. Chính sách phiêu lưu này tuy trong nhất thời có thể trì hoãn cuộc khủng hoảng nhưng chỉ làm cho nó trở thành nghiêm trọng hơn khi không còn trì hoãn được nữa. Những dấu hiệu khủng hoảng của Trung Quốc đang trở thành rõ rệt và cuộc khủng hoảng này có thể rất bi đát và kéo dài rất lâu, thậm chí có thể khiến Trung Quốc tan vỡ trong bạo loạn. Mặt khát vọng dân chủ đã dần dần chín muồi trong nhân dân Trung Quốc và không có gì bảo đảm Trung Quốc sẽ còn tồn tại với lãnh thổ và dân số hiện nay sau cuộc chuyển hóa bắt buộc và không thể trì hoãn lâu nữa về dân chủ bởi vì cho tới nay sự thống nhất

của Trung Quốc đã chỉ được duy trì bằng bạo lực. Thế giới có thể không cần lo ngại rằng Trung Quốc sẽ gây chiến tranh để giải quyết những mâu thuẫn nội bộ trong hoàn cảnh bối rối. Do cấu tạo của nó và như lịch sử đã chứng tỏ Trung Quốc chỉ gây hấn khi có sức mạnh chứ không phải khi gặp khó khăn. Tuy vậy, do dân số của nó, mọi thảm kịch của Trung Quốc cũng là thảm kịch cho thế giới. Việt Nam càng dễ bị ảnh hưởng vì chúng ta ở sát Trung Quốc và tùy thuộc Trung Quốc trên nhiều mặt. Hơn nữa chính chúng ta cũng đang đứng trước nguy cơ của một cuộc khủng hoảng lớn.

Nếu Trung Quốc đang là một mối lo âu thì ngược lại Nhật đang ngày càng trở thành một bảo đảm. Nhật đã hoàn tất cuộc chuyển hóa khó khăn nhưng bắt buộc từ một xã hội Nhật truyền thống sang một xã hội Nhật thực sự tiên tiến đồng điệu với nếp sống và các giá trị của các nước tiên tiến phương Tây. Cuộc chuyển hóa này đã khiến Nhật bối rối trong gần ba thập niên vì phải xét lại toàn bộ mô hình xã hội, từ cấu trúc sản xuất đến quan hệ công nhân - công ty để thay thế một nền kinh tế đặt nền tảng trên cố gắng, sản xuất và xuất khẩu sang một nền kinh tế sáng tạo và phẩm chất, từ chỗ ứng dụng những kỹ thuật hiện đại đến chỗ phát minh những kỹ thuật mới. Nhưng Nhật đã thành công và ngày nay Nhật đã là một nước dân chủ chân chính, ổn vững và tự tin, đã ra khỏi khủng hoảng và đứng hàng đầu thế giới về văn hóa, khoa học và kỹ thuật. Nhật tỏ ra ngày càng quả quyết và mạnh dạn trong chính sách đối ngoại để đảm nhiệm vai trò của một đồng minh bình đẳng

của Hoa Kỳ trong khu vực Thái Bình Dương, góp phần quyết định bảo đảm dân chủ, hòa bình và hợp tác trong vùng.

Sức mạnh mới của Nhật củng cố một khuynh hướng ngày càng mãnh liệt là khu vực Châu Á Thái Bình Dương đang tiến một cách quả quyết về dân chủ. Hàn Quốc và Đài Loan, hai nước dân chủ tiên phong trong khu vực, đã trở thành những nước tiên tiến. Với sự chuyển hướng của Myanmar dân chủ trở thành đồng thuận của ASEAN, chế độ cộng sản Việt Nam trở thành nước chống dân chủ duy nhất trong khối và sẽ nhanh chóng bị cô lập nếu không thích nghi kịp thời.

Thêm vào đó phải kể đến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Ấn Độ, nước dân chủ đông dân nhất hiện nay và sắp trở thành nước đông dân nhất thế giới. Ấn Độ đang gia tăng sự hiện diện trên khắp thế giới và trong khu vực. Sự hiện diện này kích thích khuynh hướng dân chủ và chỉ có thể có lợi cho hòa bình và hợp tác.

### **3. Phong trào toàn cầu hóa đe dọa mọi quốc gia**

Hiện tượng cần được ý thức đúng mức là sự xuống cấp toàn cầu của ý niệm quốc gia. Nhiều quốc gia tan vỡ mà không hề bị ngoại xâm, tan vỡ trong hỗn loạn, như tại nhiều nước Châu Phi, hay tan vỡ thành những quốc gia nhỏ, như Tiệp Khắc, Nam Tư và Ethiopia. Sự toàn vẹn

của nhiều nước dân chủ và phồn vinh, như Canada, Anh và Bỉ, cũng ít nhiều bị đe dọa.

Ý niệm quốc gia dân tộc đang bị công phá từ mọi phía. Từ bên ngoài do những kết hợp khu vực hứa hẹn một không gian hoạt động lớn hơn không gian quốc gia, từ bên trong do các cộng đồng sắc tộc đòi tự trị, và từ cả trong lẫn ngoài do những công ty đa quốc và những trao đổi dồn dập và ngày càng gia tăng vận tốc. Các phương tiện giao thông và truyền thông hiện đại cũng đã làm cho trái đất nhỏ lại và đem con người tới gần nhau.

Khuynh hướng áp đảo hiện nay là khuynh hướng toàn cầu hóa. Tư bản không còn tổ quốc. Các công ty lớn tìm cơ hội đầu tư trên khắp thế giới và lập các kế hoạch sản xuất, tiếp thị, phân phối trên quy mô toàn cầu. Trong cố gắng tìm trọng lượng và địa bàn hoạt động lớn hơn, các công ty ngày càng sáp nhập với nhau tạo ra những tổ hợp với tầm vóc vĩ đại. Nhiều tổ hợp có tích sản lớn hơn tổng sản lượng của nhiều quốc gia cộng lại. Trong một thế giới hòa bình, quyền lực kinh tế tự nó đã là quyền lực quan trọng nhất, nhưng nó cũng có thể xâm lấn quyền lực chính trị. Sự xuất hiện của những công ty đa quốc khổng lồ là một thách đố ngày càng lớn cho các quốc gia và cho chính ý niệm quốc gia. Các quy luật thương mại đang nhanh chóng được thỏa thuận và áp dụng cho cả thế giới. Các quyền con người ngày càng được nhìn nhận là phổ cập, được coi như bước đầu của luật pháp quốc tế và được đặt lên trên luật pháp của các quốc gia. Các mạng lưới truyền

thông, đặc biệt là mạng lưới Internet cho phép những con người ở rất xa nhau trao đổi và làm việc trực tiếp với nhau. Một người có thể làm việc cho một cơ quan cách nửa vòng trái đất nơi mình cư trú. Khoảng cách đang biến mất. Sự hiện diện ảo đang trở thành thực và có tác dụng không kém sự hiện diện thân xác. Một công dân có thể thường trú ở nước ngoài mà vẫn phục vụ được đất nước mình một cách thường trực và đều đặn như một người trong nước. Cả một "thế giới ảo" đã hình thành với tầm quan trọng gia tăng nhanh chóng. Ngay lúc này những trao đổi văn hóa, khoa học, kỹ thuật tài chính và thương mại trong thế giới ảo này, qua mạng lưới Internet, đã rất quan trọng. Trong một tương lai không xa thế giới ảo này sẽ lấn át thế giới thực, biến thế giới thực thành một trong những biểu hiện của nó.

Cuộc chuyển hóa vĩ đại này - về bản chất đáng mừng - ngày càng biến mỗi người thành một con người của thế giới trước khi là công dân của một nước. Ý niệm quốc gia dân tộc bị tương đối hóa. Quốc gia không còn là một cứu cánh thiêng liêng mà phải là một điều kiện để xây dựng hạnh phúc cho dân tộc và cho mỗi cá nhân trong dân tộc. Trong bối cảnh thế giới hiện nay và sắp tới, một quốc gia không được quan niệm như một tình cảm, một đồng thuận, một dự án tương lai chung và một không gian liên đới sẽ không thể tồn tại lâu dài. Một quốc gia không đảm bảo an ninh và nhân phẩm, không đem lại phúc lợi và niềm tự hào cho người dân chắc chắn sẽ tan rã, càng tan rã nhanh hơn và bi đát hơn nếu biên giới quốc gia được coi như tường thành ngăn cản các giá trị tiến bộ và quy định một vùng

lộ hành an toàn của các tập đoàn bạo ngược. Trong thời đại mới này, chúng ta cần ý thức rằng các tập đoàn cầm quyền thiếu văn hóa và thiếu tầm nhìn là những tai họa cho sự tồn vong của các quốc gia. Các chế độ độc tài bạo ngược giết chết các quốc gia, càng tội đở và độc ác bao nhiêu chúng càng giết chết nhanh chóng các quốc gia bấy nhiêu.

#### **4. Các liên minh ý thức hệ nhường chỗ cho những hợp tác phát triển**

Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản đã chấm dứt cuộc tranh luận ý thức hệ. Dân chủ và nhân quyền đã được nhìn nhận như những giá trị phổ cập mà ngay cả các chế độ độc tài còn lại cũng chỉ biện luận lúng túng để trì hoãn chứ không dám phủ nhận. Các liên minh ý thức hệ vì thế không còn lý do tồn tại. Thay vào đó đã xuất hiện ngày càng nhiều những liên minh hợp tác, nổi bật nhất là các kết hợp khu vực. Thế giới đang dần dần được phân chia thành một số tập hợp địa lý lớn trong đó các quốc gia vừa cạnh tranh với nhau vừa nương tựa lẫn nhau trong cuộc thi đua với phần còn lại của thế giới. Trong lòng các tập hợp này các biên giới quốc gia, các hàng rào quan thuế càng ngày càng mờ nhạt đi, sự di chuyển của người, hàng hóa và tư tưởng ngày càng dễ dàng. Biên giới giữa ngoại giao và ngoại thương ngày càng khó xác định. Các quốc gia tìm mọi cơ hội, dựa vào mọi lý do địa lý, tôn giáo, ngôn ngữ, đồng dạng về sản xuất, v.v. để thắt những mối bang giao, tạo những liên hệ hợp tác, thành lập các liên minh. Trong thế giới ngày nay cô lập là chết. Các quốc gia không muốn hay không thể



tham gia hoặc vận dụng những liên hệ hợp tác này kể như tuyệt vọng, vì bị gạt ra ngoài lề sinh hoạt của một thế giới liên lập. Luật chơi chung của các kết hợp này ngày càng bao gồm sự tôn trọng các giá trị dân chủ, như luật pháp đúng đắn và được tôn trọng, công đoàn độc lập, nhà nước không can thiệp vào việc quản trị của các công ty, tự do thông tin, tự do di chuyển, sự minh bạch, sự cạnh tranh bình đẳng giữa các công ty. Một cách mặc nhiên các kết hợp này áp đặt một trật tự dân chủ. Với sự phá sản của chủ nghĩa thực tiễn, khả năng tham gia và vận dụng các liên minh hợp tác này sẽ ngày càng tùy thuộc vào sự tôn trọng và thể hiện các giá trị phổ cập của nhân loại. Các chế độ bạo ngược còn lại sẽ ngày càng bị cô lập.

### **5. Các nước chưa phát triển và bối cảnh thế giới mới**

Trỗi dậy hoặc tiêu vong là định mệnh của các nước tụt hậu. Các quốc gia chậm tiến không hiểu điều này chắc chắn sẽ không thể tồn tại. Vươn lên là bắt buộc sống còn nhưng cũng là con đường đầy chông gai và chạm bẫy.

Chúng ta có thể tiên liệu rằng, trước khi đi tới cạnh tranh về mọi mặt, thế giới sẽ trải qua một giai đoạn chuyển tiếp khá dài trong đó, nói chung, các nước vừa mới mở mang sẽ sản xuất phần lớn hàng hóa, vật dụng và bán thành phẩm trong khi các nước đã đạt tới mức phát triển cao cung cấp phần lớn tư bản, dịch vụ, hàng hóa phẩm chất cao và thiết bị sản xuất. Cho nên đối với những quốc gia kém mở

mang, trong một vài thập niên nữa, sự cạnh tranh gay go nhất sẽ là sự tranh đua giữa chính họ với nhau. Sự tranh đua này sẽ rất khó khăn đối với các nước hoặc kém mở mang nhất, hoặc không thích nghi thật nhanh với tình thế.

Mối nguy đầu tiên là sự tranh giành gay go những nguồn đầu tư có thể biến các nước nghèo thành con tin và nạn nhân của các công ty đa quốc lớn. Sẽ luôn luôn có những nước chấp nhận những điều kiện dễ dãi hơn để tranh thủ vốn đầu tư: mức lương thấp, những điều kiện lao động nhọc nhằn và thiếu bảo đảm, những chuẩn mực lỏng lẻo về môi trường, v.v.

Tình trạng càng khó khăn hơn vì những tiến bộ dồn dập và trọng đại trong các ngành tự động, vi điện tử và tin học đang đưa tới một trào lưu tự động hóa càng ngày càng cao khiến cho nhân công rẻ không còn là một yếu tố tự nó đủ sức thuyết phục để lôi kéo đầu tư nữa; các nước kém mở mang đang mất dần đi một vũ khí chiến lược. Đã thế sau cuộc khủng hoảng gần đây, bắt đầu năm 2008 và vẫn chưa chấm dứt hẳn, các nước giàu mạnh cũng dồn mọi cố gắng để, một mặt, giữ các nguồn đầu tư ở lại trên đất nước họ và, mặt khác, để giới hạn nhập khẩu và giữ thăng bằng cán cân mậu dịch. Chính trị ổn vững, chính quyền không tham nhũng, con người lương thiện, xã hội yên bình, trật tự bảo đảm, luật pháp giản dị, thuế khóa nhẹ nhàng, những điều kiện địa lý thuận lợi, thị trường tiêu thụ lớn, nguồn nhân lực có kỹ năng và hiệu năng là những vũ khí chiến lược phải có để tranh thủ đầu tư quốc tế. Đó lại thường là

những yếu tố mà các nước kém mở mang khó hội đủ. Trong điều kiện khó khăn đó những hy sinh bắt buộc phải được chia sẻ một cách công bình nhất, quốc gia phải được người dân cảm nhận như một tình cảm, một không gian liên đới và dự án tương lai chung mới có thể được chấp nhận. Nếu không những phân tử tinh hoa nhất và đã đòi hỏi những đầu tư tốn kém nhất về giáo dục và đào tạo sẽ tìm cách di chuyển sang các nước phát triển. Như thế, điều kiện tiên quyết là phải có những cấp lãnh đạo thực sự yêu nước, tài giỏi, đạo đức, có kiến thức cao và tầm nhìn xa, có tình cảm dân tộc sâu đậm và có khả năng thuyết phục nhân dân chấp nhận những cố gắng cần thiết, nghĩa là hơn cả lãnh đạo của những nước tiên tiến.

Ngược lại, bối cảnh thế giới mới cũng có những lợi điểm mà các nước kém mở mang có thể vận dụng.

Một là, các chế độ độc tài, dù công khai hay trá hình, sẽ không còn được dung dưỡng vì những liên minh ý thức hệ nữa và sẽ bị đào thải. Các dân tộc sẽ được coi trọng, nhiều sinh lực sẽ được giải tỏa, các quốc gia sẽ được quản trị một cách hợp lý hơn, dù là sau một thời gian dò dẫm. Từ nay họ sẽ có vũ khí chính đã khiến nhiều dân tộc vượt hẳn phần còn lại của thế giới: dân chủ. Sự đào thải của các chế độ độc tài là may mắn rất lớn cho các nước chậm tiến. Kinh nghiệm đã cho thấy mọi chế độ độc tài đều độc hại. Dưới những chiêu bài dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, duy trì kỷ luật và trật tự, các chế độ độc tài chỉ là những sào huyệt tham nhũng và lạm quyền, cho phép những tập đoàn lưu

manh, thoái hóa kèm kẹp nhân dân, ngăn cản mọi tiến bộ và làm đất nước lụn bại. Loại bỏ các chế độ bạo ngược là điều dễ hơn nhiều so với trước đây nhưng cũng là điều các dân tộc tụt hậu phải làm thực nhanh trong cuộc phấn đấu sống còn này.

Hai là, kinh tế trở thành mối ưu tư hàng đầu của mọi quốc gia. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước giàu mạnh với nhau trong một thế giới mà ngôi vị thay đổi không ngừng cũng khiến các công ty lớn và các nước đã mở mang luôn luôn phải tìm những thị trường mới và những vận hội đầu tư mới. Các nước kém mở mang nếu biết tạo một bối cảnh xã hội ổn vững, những điều kiện kinh tế thuận lợi, nếu không bị lên án và cô lập sẽ có khả năng tìm được những nguồn hợp tác rất có lợi.

Ba là, do những tiến bộ về truyền thông và giao thông vận tải, cũng như do dân số trên trái đất càng ngày càng đông, thế giới đã nhỏ lại và các quốc gia đều trở thành liên thuộc với nhau và lệ thuộc lẫn nhau. Một ý thức mới đã ra đời theo đó trái đất là quê hương chung của cả nhân loại. Mọi quốc gia đều cảm thấy nhu cầu được sống trong một thế giới không bị đe dọa. Càng giàu có và phát triển các dân tộc càng thấy cần phải đảm bảo những thành tựu của mình bằng cách đóng góp cho một thế giới an bình và ổn vững. Do đó dù muốn dù không, các nước giàu mạnh cũng không thể để mặc các quốc gia khác sống trong sự bần cùng. Đây không phải chỉ là một bắt buộc do lòng nhân đạo, mà còn do thế liên thuộc mật thiết. Một thí dụ cụ thể

là vấn đề môi sinh. Chernobyl không phải đã chỉ là một tai họa của riêng Ukraine. Các ống thoát khói tại Trung Quốc không phải chỉ ô nhiễm không gian của Trung Quốc, do đó không phải chỉ là vấn đề của Trung Quốc mà là vấn đề của cả thế giới. Sự phá hủy rừng Amazon không phải là vấn đề riêng của nước Brazil. Những ô nhiễm của vùng biên của một nước là vấn đề của nhiều nước. Một thí dụ khác là phong trào di dân từ các nước nghèo sang các nước giàu, đặt cho các nước giàu mạnh hàng loạt những vấn đề nan giải. Thế liên thuộc này bắt buộc các nước mở mang tạo điều kiện giúp các nước chậm tiến có cơ hội để phát triển. Sự tương trợ này, dù xuất phát trước hết từ nguyện vọng của các nước phát triển là khỏi phải sống trong một thế giới quá nhiều hiểm họa, cũng là cơ may mà các nước thua kém có thể lợi dụng để vươn lên.

Bốn là, những đòi hỏi về hạnh phúc và tiện nghi của các dân tộc đã mở mang tăng lên mau chóng, có phần nhanh hơn cả đà phát triển kinh tế của họ. Số giờ làm việc ngày càng giảm đi, lương bổng ngày càng tăng thêm, tỷ lệ người lớn tuổi và đã nghỉ hưu ngày càng cao, các chỉ tiêu công cộng về xã hội, văn hóa, nghệ thuật, sức khỏe và tiện nghi sẽ tăng cao kéo theo sự gia tăng về thuế khóa. Dĩ nhiên những phát minh mới sẽ không ngừng xuất hiện để hạ giá thành xuống và nâng phẩm chất lên, nhưng trong thế giới truyền thông hiện nay các phát minh này nếu xuất hiện ở các nước đã phát triển cũng sẽ mau chóng được phổ biến sang các nước khác. Cuối cùng khuynh hướng chung tại các nước có mức sống cao vẫn là giá thành, tỷ lệ lợi nhuận

và phân tái đầu tư của tổng sản lượng quốc gia chênh lệch một cách bất lợi so với các nước đang phát triển. Trong tình trạng này, nhân dân các nước kém mở mang, vì ít đòi hỏi về tiện nghi và tiêu thụ hơn, sẽ có khả năng chấp nhận những hy sinh và cố gắng hơn hẳn, do đó có triển vọng cạnh tranh hữu hiệu với các nước mở mang, với điều kiện là những hy sinh và cố gắng này được phân chia một cách công bình để không đưa tới xung đột..

### III. Việt Nam trước một khúc quanh lịch sử trọng đại

Dân tộc ta đang sống một trong những thử thách lớn nhất từ ngày dựng nước nhưng đồng thời triển vọng tháo bỏ ách độc tài và mở ra kỷ nguyên dân chủ cũng lớn như chưa bao giờ thấy.

#### 1. Thử thách

Trong một bối cảnh quốc tế thuận lợi thực trạng của chúng ta rất bi đát và tương lai của Việt Nam rất bất bành.

Chúng ta đã lỡ giai đoạn cất cánh. Khi một nước chậm tiến bắt đầu vươn lên nhờ hội nhập vào sinh hoạt kinh tế thế giới thì sự thành công hay thất bại chủ yếu là ở chỗ có tạo ra được hay không một lớp doanh nhân đúng nghĩa, lương thiện, có kiến thức và có bản lĩnh. Sự thực không thể chối cãi là chính sách gọi là "đổi mới", mở cửa về kinh tế nhưng vẫn khép chặt về chính trị, đã chỉ tạo ra, trong tuyệt đại đa số, những doanh nhân giả làm giàu nhờ hối mại quyền thế và kinh doanh bất chính. Chúng ta cũng mất dần ưu thế dân trẻ; số người trong tuổi lao động đã khựng lại và bắt đầu sút giảm.

Chúng ta đang đi dần vào thế cô lập. Mặc dầu trên nguyên tắc nước ta đã có quan hệ bình thường với mọi quốc gia và đã là thành viên của ASEAN và nhiều kết hợp khu vực, nhưng sự duy trì ngoan cố chế độ độc tài toàn trị nhân danh một chủ nghĩa đã bị lên án như một tội ác, những vi phạm trắng trợn về nhân quyền và dân quyền, tệ

quan liêu và tham nhũng, sự từ chối những cải tổ cần thiết, cách cư xử thô vụng trong những giao thiệp quốc tế, sự lệ thuộc ngày càng lộ liễu và quá đáng vào Trung Quốc đang có nguy cơ khiến Việt Nam lâm vào một thế cô lập lớn nếu không chuyển hướng kịp thời. Việt Nam vắng mặt trong hầu hết mọi chương trình hợp tác lớn và chỉ hiện diện một cách không đáng kể trong những thị trường quốc tế quan trọng.

Ngoại thương của Việt Nam dù không đáng kể về tầm vóc khách quan nhưng lại có vai trò áp đảo trong kinh tế quốc gia với trọng lượng gần gấp hai lần tổng sản lượng quốc gia và khiến chúng ta lệ thuộc nặng nề vào bối cảnh thế giới. Đầu tư có lúc đã khởi sắc rất mạnh mẽ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO) tạo ra niềm tin vào một sự hội nhập thành thực vào thế giới nhưng ngay sau đó đã sút giảm liên tục - như là hệ quả của đàn áp và tham nhũng gia tăng gây thất vọng cho các nhà đầu tư - trong khi các quốc gia khác không ngừng vận dụng mọi sáng kiến để thu hút tư bản quốc tế dựa trên ưu thế sẵn có. Chúng ta đã mất một cơ hội lớn và đang đứng bên bờ một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng.

Công nghiệp đã bị quản lý một cách thô vụng lại còn phải chịu sự cạnh tranh bất chính của hàng nhập cảng lậu thuế chủ yếu từ Trung Quốc. Phần lớn các thiết bị sản xuất đã lỗi thời, kể cả những thiết bị mới mua bởi các quan chức tham nhũng. Các doanh nghiệp nhà nước được coi là chủ đạo của sinh hoạt kinh tế và được dành phần chính của đầu



tư lại cũng là những doanh nghiệp bệnh hoạn, trong đa số điều khiển bởi các cấp lãnh đạo vừa gian trá vừa bất tài được chỉ định theo tiêu chuẩn phe đảng, hối lộ và chia chác.

Chúng ta tụt hậu một cách bi đát về cả lượng lẫn phẩm. Sản lượng bình quân mỗi năm trên mỗi đầu người của chúng ta hiện nay, năm 2015, chỉ xấp xỉ 1.500 USD, nghĩa là 15%, hay một phần bảy, mức trung bình thế giới.

Đã thế tài sản quốc gia lại được phân phối một cách cực kỳ bất công, đại bộ phận nhân dân ta sống trong cảnh nghèo khổ cùng cực. Lợi tức quốc gia quá thấp cùng với tinh thần vô trách nhiệm đã khiến chính quyền bỏ rơi giáo dục, cơ sở hạ tầng, thiết bị sản xuất và ngay cả những ưu tư tối thiểu về vệ sinh và sức khỏe cho dân chúng. Giáo dục và đào tạo, quá suy sụp, hoàn toàn không có khả năng chuẩn bị tuổi trẻ trong cuộc cạnh tranh với thế giới. Tình trạng của đại đa số các bệnh viện Việt Nam là một sự hổ nhục và một tội ác.

Phải nhìn thẳng vào sự thực và nhìn nhận một hiện trạng đau lòng: chúng ta là một nước lụn bại và bế tắc. Tuy là nước đông dân thứ 14 trên thế giới nhưng chúng ta không có được một thành tựu khoa học kỹ thuật nào, không một phát minh, không một công ty tầm vóc quốc tế, không một tác phẩm văn học nghệ thuật hay ngay cả một thành tích thể thao nào được thế giới biết đến. Chúng ta hiện là một nước không đáng kể. Người Việt Nam không chỉ nghèo khổ mà còn không có lý do nào để tự hào. Và chúng

ta cũng là một trong những dân tộc cuối cùng trên thế giới vẫn còn phải chịu đựng ách độc tài toàn trị và bị từ chối những quyền con người cơ bản, như quyền tự do ngôn luận, tự do kết hợp, tự do bầu cử và ứng cử, kể cả quyền sở hữu đất. Hàng triệu dân oan bị cướp đoạt đất sống lây lất trong uất hận.

Chất liệu nhân xã của chúng ta đã bị rách nát do những cuộc nội chiến tương tàn kéo dài và thảm khốc mà chúng ta vẫn chưa ý thức được hết hậu quả, do tinh thần bất dung và thù hận mà những cuộc chiến này để ra, do chính sách phân biệt đối xử của Đảng Cộng Sản, do chênh lệch giàu nghèo quá lộ liễu và do sự nghi hoặc toàn diện của dân chúng đối với các giá trị cơ bản của mọi xã hội, lại càng rách nát hơn vì sự phần uất bất lực trước một chính quyền tàn bạo cai trị như một lực lượng chiếm đóng.

Đồng thời tài nguyên quý nhất của quốc gia là con người cũng bị xuống cấp một cách thâm trọng. Sức khỏe của nhân dân suy nhược vì thiếu dinh dưỡng, thuốc men và chăm sóc. Các chứng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lan tràn một cách báo động mà không có biện pháp ngăn chặn. Thanh thiếu niên bỏ học hàng loạt. Trí tuệ dân tộc suy giảm nặng với sự xuống cấp bi đát của hệ thống giáo dục. Tệ nghiện hút, mại dâm, trộm cướp ngày càng gia tăng. Cuộc sống khó khăn trong một xã hội băng hoại làm con người càng ngày càng rời xa các giá trị căn bản phải có của mọi quốc gia: đạo đức, lương thiện, thật thà, cần cù, kỷ luật,

v.v. Đối trá, lừa đảo, thô lỗ trở thành thông thường trong quan hệ xã hội.

Trong thực trạng đen tối đó đang nổi bật ba hiểm họa đặc biệt nghiêm trọng và khẩn cấp.

Trước hết là tham nhũng. Cả nhân dân lẫn chính quyền đều đồng ý rằng tham nhũng là quốc nạn và là giặc nội xâm tàn phá đất nước nhưng có lẽ chúng ta chưa ý thức được một cách đầy đủ sự độc hại của nó và trong xã hội đang có khuynh hướng chấp nhận đành sống với nó như một định mệnh. Nó đang trở thành một luật chơi và một định chế. Nhưng tham nhũng không thể dung túng. Nó làm hư hỏng tất cả. Nó đưa những người bất xứng vào những chức vụ quan trọng, trao những dự án lớn cho những nhóm lợi ích gian trá. Nó làm hỏng quy luật thị trường, lưu manh hóa con người và biến quan hệ xã hội thành một cuộc thi đua bịp bợm. Nó loại bỏ kiến thức, nghiên cứu và sáng tạo. Nó khiến mọi dự án và kế hoạch công cũng như tư trở thành vô nghĩa và vô dụng. Nó tàn hại cả môi trường và cơ sở hạ tầng vì bao che những ô nhiễm và cho phép những thi công xây dựng và bảo trì gian trá. Một thí dụ là dự án Bô-xít Tây Nguyên và quyết định cho xây ô ạt những lò điện hạt nhân; cả hai dự án này đều phi kinh tế và còn đe dọa sinh mệnh đất nước nhưng vẫn được áp đặt vì có lợi lớn cho các cấp lãnh đạo tham ô. Một thí dụ khác là sự xuống cấp nhanh chóng của hệ thống cầu đường dù mới xây cách đây không lâu. Nó đe dọa cả an ninh quốc gia bởi vì nếu tiền mua được tất cả thì không có gì lạ nếu nhiều

quan chức cao cấp trong bộ máy nhà nước trên thực tế là những nội ứng của nước ngoài. Ở mức độ hiện nay của nước ta nó vừa làm đất nước lụn bại, vừa đe dọa an ninh và chủ quyền, vừa khiến các ý niệm quốc gia, dân tộc mất hết ý nghĩa. Nếu không bị chặn đứng nó sẽ nhanh chóng hủy diệt đất nước.

Hiểm họa nghiêm trọng thứ hai là môi trường. Từ vài thập niên qua, chúng ta liên tục chứng kiến một thảm kịch cực kỳ nghiêm trọng trong lịch sử nước ta: đó là sự hủy hoại nhanh chóng ngay chính nền tảng của đất nước. Cây rừng bị chặt phá, bờ biển, sông ngòi và các mạch nước bị ô nhiễm nặng, đất nước trở thành cằn cỗi, hạn hán tiếp theo lũ lụt. Nước không còn uống được, không khí không còn thở được. Chưa kể rác rưởi hôi thối chồng chất, cống rãnh ứ đọng. Người thành phố ra đường phải đeo khẩu trang bịt mặt và trở thành xa lạ với nhau. Ô nhiễm đã đạt tới mức độ tàn phá sức khỏe gây thảm kịch cho mọi người nhất là người nghèo, nghĩa là đa số nhân dân. Nó cũng gây tổn kém lớn về y tế, làm giảm năng suất lao động và có khả năng khiến du khách xa lánh nước ta, thế giới tẩy chay thực phẩm của ta. Đây là một tai họa kinh khủng phải chặn đứng ngay. Với một mật độ dân số một nghìn người trên một kilômét vuông đất sống được và còn lại để cư trú chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là đặt môi trường lành sạch làm ưu tiên quốc gia số một. Đất nước trước hết là đất và nước, nếu đất nước cằn cỗi và ô nhiễm đến độ không còn sinh sống được nữa thì chúng ta cũng chẳng còn gì để nói với nhau.

Đất nước không những chỉ bị hủy hoại mà còn bị đem bán, rất nhiều vùng đất có giá trị kinh tế chiến lược đã vào tay người ngoại quốc, nhiều khu rừng đầu nguồn đã bị cho thuê dài hạn và trên thực tế đã thuộc quyền kiểm soát của nước ngoài.

Hiểm họa nghiêm trọng thứ ba, đồng thời cũng là một quốc nhục, là sự lệ thuộc quá đáng vào Trung Quốc. Chúng ta hiện không còn chủ quyền trên thực tế. Tuyên bố chung Việt - Trung ngày 21-06-2013 cho thấy chính quyền cộng sản đã ký rất nhiều thỏa hiệp ngầm đặt Việt Nam trong thế không chế của Trung Quốc, như chấp nhận thăm dò chung dầu khí (trên thực tế là để Trung Quốc thăm dò dầu khí trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam), để Trung Quốc huấn luyện và đào tạo sĩ quan quân đội và công an Việt Nam. Trầm trọng hơn cả là cam kết tham khảo Trung Quốc -nghĩa là nhận chỉ thị của Trung Quốc- trong quan hệ đối ngoại. Việt Nam không còn chủ quyền. Nhân dân Việt Nam không thể chấp nhận.

Sự lệ thuộc này không chỉ hổ nhục mà còn nguy hiểm. Người Trung Quốc từ ngàn xưa luôn luôn nhìn các dân tộc láng giềng, kể cả Việt Nam, với con mắt kẻ cả, họ coi Việt Nam như một thuộc quốc. Với văn hóa nông dân thềm đất chính sách truyền thống của họ đối với các nước lân cận là chính sách sáp nhập, bằng bạo lực hoặc bằng di dân. Chấp nhận lệ thuộc Trung Quốc vì vậy cũng là chấp nhận bị sáp nhập, điều mà trong hàng nghìn năm tổ tiên ta đã đổ biết bao xương máu chống lại để giữ nước.

Thoát Trung cũng là điều kiện bắt buộc để nước ta có thể vươn lên. Chúng ta cần thoát khỏi văn hóa Khổng Giáo, một văn hóa nô dịch và tha hóa trí tuệ mà chúng ta đã chia sẻ trong hàng ngàn năm với người Trung Quốc và chính quyền Trung Quốc đang cố gắng phục hồi. Chúng ta có rất nhiều điều để học ở thế giới nhưng tất cả những điều đó chúng ta chỉ có thể học một cách đúng đắn, thấu đáo và nhanh chóng với các dân tộc khác. Trung Quốc cũng giống chúng ta nhưng phát triển hơn chúng ta, tất cả những gì chúng ta sản xuất được họ đều có, nhưng nhiều hơn và rẻ hơn. Đó là lý do khiến Việt Nam hiện nay trên nhiều mặt đã trở thành cảng xuất khẩu hàng hóa Trung Quốc mang nhãn *made in Vietnam* và khiến thâm thủng mậu dịch với Trung Quốc ngày càng nặng hơn.

Sau cùng Trung Quốc đang ngày càng bị cô lập. Lệ thuộc vào Trung Quốc là rước lấy nguy cơ bị cô lập cùng với Trung Quốc, sẽ rất khó gia nhập khối Hợp Tác Xuyên Thái Bình Dương và còn có thể bị cô lập ngay trong khối ASEAN. Thế giới ngày càng nhận ra Trung Quốc là một mối nguy cần phải ngăn chặn. Chính sách ngăn chặn này sẽ có khả năng khiến Trung Quốc suy thoái bởi vì kinh tế Trung Quốc tùy thuộc nặng nề vào ngoại thương. Mặt khác tăng trưởng kinh tế là biện minh duy nhất của chế độ Bắc Kinh, kinh tế khựng lại cũng có nghĩa là chế độ sẽ chao đảo. Dù muốn hay không Trung Quốc cũng sẽ không còn là một chỗ dựa.

Nói chung thực trạng đất nước đang nguy ngập, nhưng chính quyền thay vì dồn mọi cố gắng để cứu nước lại chỉ có mục đích giữ lấy quyền lực bằng mọi giá nhân danh một chủ nghĩa đã bị thế giới lên án như một tội ác đối với loài người và bị nhân dân Việt Nam coi là nguyên nhân của tình trạng bi đát hiện nay. Nhà nước cộng sản đã thất bại trên mọi phương diện và trong tất cả mọi địa hạt, nhưng vẫn tiếp tục cầm quyền như một thách đố với nhân dân và không những thế, còn khẳng định quyết tâm giữ độc quyền chính trị vô thời hạn. Sự xác xược đã đạt tới tột đỉnh với hiến pháp 2013 quy định các lực lượng vũ trang phải tuyệt đối trung thành với Đảng Cộng Sản Việt Nam, trước cả nhà nước Việt Nam. Chế độ cộng sản vì vậy là một khiêu khích hàng ngày đối với nhân dân và một tai họa. Tai họa đó kéo dài quá lâu đã khiến người dân, bất lực và chán chường, không những chỉ ghét chính quyền mà còn dần dần mất cả lòng tin vào đất nước. Mỗi người tự luồn lách để tìm những giải đáp cá nhân cho những vấn đề cá nhân. Mong ước của rất nhiều người Việt Nam ngày hôm nay là được rời khỏi Việt Nam và làm công dân của một nước khác. Nhà nước mất dần độc quyền bạo lực về tay các băng đảng trộm cướp và xã hội đen, và ngày càng mất độc quyền thu thuế do tình trạng buôn lậu và tham nhũng. Chúng ta đang tiến dần tới sự giải thể quốc gia. Chúng ta phải thét lên tiếng thét báo động. Nếu đà này tiếp tục, ý niệm quốc gia có lúc sẽ mất hết nội dung, các ý đồ ly khai, tự trị sẽ xuất hiện và tăng trưởng, các thế lực ngoại bang sẽ ngày càng có điều kiện khuynh loát chúng ta, trong một thế

giới mà ý niệm quốc gia dân tộc đang bị chất vấn. Sự tồn vong của chính đất nước ngày càng không chắc chắn.

Chưa bao giờ mà hiểm họa mất nước lớn bằng lúc này. Mất nước vì mất chủ quyền, mất căn cước dân tộc và nhất là vì chậm thích nghi với một thế giới thay đổi dồn dập. Kịch bản mất nước là sự thua kém và thiếu cả chủ quyền lẫn nhân quyền khiến ý niệm Việt Nam mất dần nội dung và trở thành nhảm chán, ý muốn và niềm tự hào làm người Việt Nam tan biến dần, đất nước giải thể trong lòng người trước khi giải thể thực sự.

## **2. Triển vọng**

Tình trạng đất nước tuy nguy ngập nhưng không tuyệt vọng. Dân chủ đã đến gần và chúng ta vẫn có những căn bản tốt có thể và cần được sử dụng triệt để cho cố gắng phục hưng một khi đất nước đã có dân chủ.

Chúng ta có một ngôn ngữ đồng nhất trong cả nước, một ngôn ngữ dễ học và khá đầy đủ để chuyên chở mọi kiến thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Chúng ta cũng không bị vướng mắc vào một tôn giáo áp đảo nào.

Chúng ta có một dân số khá đông đảo, gần 100 triệu dân. Dân số đông đảo này tuy là một trở ngại lớn cho cố gắng nâng cao mức sống nhưng cũng là một sức mạnh nhờ vị trí quan trọng của nước ta và bởi vì người Việt Nam ta về bản chất cần mẫn trên mức trung bình. Trong quá khứ



chúng ta đã chứng tỏ khả năng tiếp thu mau chóng các khoa học và kỹ thuật mới nhất; sinh viên Việt Nam đã thành công đông đảo và mỹ mãn trong nhiều cuộc thi tuyển khó khăn tại mọi quốc gia trên thế giới; công nhân Việt Nam học nghề mau chóng và được đánh giá cao. Những người Việt Nam di tản ra nước ngoài cũng đã chứng tỏ một khả năng thích ứng xuất sắc với điều kiện sinh hoạt hoàn toàn mới. Có thể nói chúng ta là một dân tộc khá tinh anh. Một vốn liếng như vậy dù có bị soi mòn -và trên thực tế đã bị sa sút- cũng không thể mất hẳn trong vòng một hai thế hệ. Nếu tìm ra được tổ chức xã hội hợp lý con người Việt Nam có thể phục hồi được. Và một khi con người Việt Nam đã được phục hồi chúng ta sẽ có một tài nguyên nhân lực rất hùng hậu. Trong cố gắng vươn lên, khi đất nước đã có dân chủ để được tổ chức một cách hợp lý, chúng ta cũng có thể khai thác tiềm năng to lớn của khối hàng triệu thanh niên tốt nghiệp đại học và cao đẳng nhưng chưa có được cơ hội để đóng góp. Tuổi trẻ tuy không còn là một ưu thế của Việt Nam nhưng nguồn nhân lực trẻ và có đào tạo vẫn còn rất dồi dào.

Trong suốt dòng lịch sử khó khăn người Việt Nam đã biểu lộ một nguyện vọng tha thiết muốn giữ nước để sống chung với nhau và xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Lòng yêu nước của người Việt dù đã rất suy giảm vì thất vọng và bức bối vẫn còn có thể khôi phục. Dân tộc Việt Nam đã chứng tỏ một sức sống phi thường, đã thắng được nhiều thử thách cam go. Chúng ta vẫn còn đủ sức để

vượt qua thử thách hôm nay và vươn lên nếu biết kịp thời trấn tĩnh.

Chúng ta có một địa lý thuận lợi. Đất đai của ta tuy hẹp nhưng phì nhiêu, nông nghiệp của ta nếu hoạt động một cách hợp lý không những có khả năng sản xuất đủ lương thực cho dân chúng mà còn có khả năng xuất cảng. Bờ biển của ta dài và đẹp, nước ta nằm ngay sát nhiều trục giao thông quan trọng và ở ngay giữa một vùng đang phát triển mạnh mẽ có tất cả mọi triển vọng để trở thành một trung tâm kinh tế chiến lược lớn của thế giới. Chúng ta có tiềm năng của một quốc gia rất lớn về du lịch, công nghiệp và thương nghiệp. Làn sóng dân chủ đang trào dâng trên khắp thế giới kể cả các nước Đông Nam Á cũng là yếu tố tích cực mới, tạo ra một bối cảnh ngày càng lành mạnh và văn minh, có tác dụng thôi thúc đối với mọi người Việt Nam.

Chúng ta đang sống một thay đổi tư duy mang rất nhiều hy vọng. Những cuộc chiến khốc liệt tàn phá đất nước đã khiến người Việt Nam ý thức cái tai hại của bạo lực. Chúng ta đã đạt tới đồng thuận rằng hòa bình là giá trị đáng quý nhất trong mọi giá trị và nội chiến là tai họa lớn nhất trong mọi tai họa. Kinh nghiệm các chế độ độc tài gian trá kế tiếp nhau cũng đã đem lại cho chúng ta niềm tin mạnh mẽ vào tự do và dân chủ. Chúng ta cũng đã chấm dứt được những bàn cãi về mô thức kinh tế để nhận định rằng chỉ có một nền kinh tế thị trường lấy cạnh tranh và sáng kiến cá nhân làm nền tảng là có thể thành công. Sự phần

nộ chung trước một chính quyền tham bạo cũng đã có tác dụng khiến chúng ta quên đi những xung đột trong quá khứ và hiểu rằng cần phải hòa giải với nhau, đoàn kết với nhau để chung sức tháo bỏ ách độc tài, giải quyết những vấn đề chung và xây dựng một tương lai chung. Chúng ta cũng đã thấu hiểu trong óc, trong tim, trong da, trong thịt những hậu quả bi đát của hận thù và chia rẽ. Trên rất nhiều điểm cơ bản, trí tuệ Việt Nam đã được khai thông.

Lý do quan trọng nhất để chúng ta vững lòng tin là hầu như tất cả mọi vấn đề, kể cả những vấn đề nghiêm trọng nhất, đều là những vấn đề đáng lẽ không có. Chúng đều do chế độ cộng sản mà có và vì thế cũng sẽ có giải pháp nhanh chóng một khi chế độ cộng sản đã chấm dứt.

Như vậy vấn đề cốt lõi của chúng ta là kết thúc chế độ này. Nhưng ngay cả bài toán gai góc này cũng đã thay đổi thông số.

Đảng Cộng Sản đã phân hóa. Nó không còn một lý tưởng chung để gắn kết các đảng viên. Đã thế tham nhũng, bắt tài và vô đạo đức còn gây sự ganh ghét và khinh thường lẫn nhau trong toàn bộ đảng, kể cả ở cấp cao nhất. Bộ chính trị không còn quyền lãnh đạo tối cao vì mâu thuẫn với ban chấp hành trung ương, một định chế không thường trực nhưng lại có thẩm quyền tối hậu trong việc chỉ định và kỷ luật các cấp lãnh đạo. Đảng Cộng Sản chỉ còn là một hư cấu. Chế độ như một con tàu không còn đoàn thủy thủ và đang chuyển hóa từ độc tài đảng trị sang độc tài cá nhân.

Sự chuyển hóa này diễn ra trong những điều kiện rất bất lợi: đảng phân hóa cùng cực, nhân dân thù ghét trong khi không có một nhân vật nào có uy tín. Tình trạng chỉ có thể dẫn tới sự sụp đổ. Trong lịch sử Châu Á thường có hai nguyên nhân chính đưa tới sự sụp đổ của các chế độ. Một là, cho tới khi tiếp xúc với Phương Tây, vì lớp người thống trị cướp bóc quá đáng, nhất là cướp đất của người dân; hai là, sau khi tiếp xúc với Phương Tây, vì chế độ ngoan cố theo đuổi một hệ tư tưởng đã quá lỗi thời. Chế độ cộng sản Việt Nam có cả hai yếu tố đó. Nó không thể tồn tại.

Chế độ này đã kéo dài cho tới nay vì hai lý do:

Lý do thứ nhất là chủ nghĩa thực tiễn mà các cường quốc, đặc biệt là Hoa Kỳ, theo đuổi trong gần hai mươi năm từ giữa thập niên 1990 đã dung dưỡng các chế độ độc tài còn lại, đặc biệt là Trung Quốc và Việt Nam. Nhưng chủ nghĩa thực tiễn đã phá sản và bị gạt bỏ, các giá trị dân chủ và nhân quyền đã dành được chỗ đứng ưu tiên phải có.

Lý do thứ hai, cũng là lý do chính, là vì trí thức Việt Nam đã không đảm nhiệm chức năng và trách nhiệm của mình là hướng dẫn quần chúng. Do di sản văn hóa và lịch sử họ đã thiếu trái tim để đau, thiếu trí tuệ để biết, và thiếu sự dũng cảm để dám tranh đấu, hoặc đã quá coi trọng những địa vị và quyền lợi được ban phát. Nhưng lớp trí thức cũ đã qua đi và một lớp trí thức mới ngày càng đông đảo đã nhập cuộc, trong đó có một thành phần trí thức mà trong suốt dòng lịch sử Việt Nam chưa bao giờ có: những

trí thức chính trị. Những người trẻ này hiểu biết hơn hẳn các thế hệ đàn anh và không còn một ảo tưởng nào về chủ nghĩa và chế độ cộng sản. Họ không còn loay hoay tìm cách cải tiến chế độ mà đã hiểu dứt khoát là phải chấm dứt nó. Họ dám làm, quyết làm và biết làm và đang khám phá ra rằng phải kết hợp với nhau trong một đội ngũ để làm; họ đã hiểu rằng đấu tranh chính trị không bao giờ là đấu tranh cá nhân cả mà luôn luôn phải là đấu tranh có tổ chức. Đất nước sắp thay đổi vì đã thay da đổi thịt.

Cho đến nay một đặc tính chung của các chế độ độc tài bạo ngược là chúng thường tỏ ra rất vững chắc cho đến khi đột ngột sụp đổ. Lý do là vì sự ngoan cố và hung bạo của chúng đòi hỏi một điểm đoạn tuyệt ở đó những thay đổi về lượng đã tích lũy đủ để tạo ra một thay đổi về chất. Điểm đoạn tuyệt đó đang đạt tới, nhờ làn sóng dân chủ mới, nhờ sự xuất hiện ngày càng đông đảo của thành phần trí thức chính trị mới và nhờ ý thức ngày càng rõ rệt, đặc biệt ngay trong thành phần công an và quân đội, rằng chế độ không thể kéo dài lâu nữa và mọi người nên đóng góp thay vì tiếp tay cản trở tiến trình dân chủ, để làm tác nhân thay vì nạn nhân của một chuyển hóa cần có, bắt buộc phải có và sắp đến. Hạn kỳ dân chủ có thể rất gần. Nhất là nếu những người dân chủ biết tranh thủ lòng tin và sự hưởng ứng của nhân dân bằng một tình cảm trong sáng và quảng đại, bằng những phương thức đấu tranh hợp tình hợp lý và bằng một dự án đúng đắn để làm lại và thăng tiến đất nước.

#### IV. Nền tảng tư tưởng cho kỷ nguyên dân chủ

Thời đại của các chủ nghĩa và ý thức hệ đã chấm dứt. Từ nay không còn những chân lý không thể đặt lại. Tuy vậy, một tập hợp chính trị trong mỗi giai đoạn vẫn cần đồng thuận trên một số nhận định nền tảng.

Giữa những thay đổi dồn dập đòi hỏi những chính sách và biện pháp đa dạng và phức tạp để thích nghi với tình thế, mọi người cần nắm vững những chọn lựa nền tảng, nghĩa là những gì không thay đổi và giải thích cái tại sao của các biện pháp và chính sách. Đó là điều kiện để đất nước không mất phương hướng và để người dân có thể hiểu và đóng góp một cách có ý thức vào sinh hoạt quốc gia. Chúng ta là một dân tộc đông đảo và phải đương đầu với rất nhiều vấn đề trầm trọng, gai góc và khẩn cấp, công việc của chúng ta chắc chắn là rất phức tạp. Chính sự phức tạp đó đòi hỏi các tổ chức chính trị phải minh định những chọn lựa có tính chủ thuyết, chủ thuyết được hiểu theo nghĩa không phải là chủ nghĩa hay ý thức hệ, cũng không phải là những học thuyết với cấu trúc lý luận phức tạp, mà là những ý kiến đơn giản được coi là đúng và được lấy làm căn bản cho các chính sách và biện pháp trong một giai đoạn khá dài.

Đồng thuận căn bản của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên gồm năm điểm sau đây: đất nước phải được quan niệm như một tình cảm, một không gian liên đới và một tương lai chung; thể chế chính trị cho Việt Nam là dân chủ

đa nguyên; tinh thần chỉ đạo của cố gắng làm lại đất nước là hòa giải và hòa hợp dân tộc; tổ chức xã hội Việt Nam phải thể hiện một cách thật quả quyết những giá trị tiến bộ; cố gắng phát triển kinh tế phải đặt trên nền tảng kinh tế thị trường và sáng kiến cá nhân.

### **1. Quốc gia: một không gian liên đới và một dự án tương lai chung**

Nước Việt Nam ta đã hình thành từ ngàn xưa và đã có hơn hai ngàn năm lịch sử. Tuy vậy, cũng như mọi nước khác, chúng ta mới chỉ biết đến khái niệm quốc gia, hiểu theo nghĩa một thực thể thuộc quyền sở hữu của mọi người, gần đây thôi. Lý do là vì chính ý niệm quốc gia cũng là một ý niệm rất mới, được khai sinh ra cùng với dân chủ.

Cho tới khi ý niệm dân chủ ra đời, các vương quốc chỉ là của một nhà vua. Lãnh thổ cũng như người dân thuộc quyền sở hữu của vua và bị đặt dưới quyền quyết định độc quyền và tuyệt đối của vua. Đất cũng như dân có thể đổi chủ một cách tùy tiện theo sự chuyển nhượng giữa các vua chúa. Trong bối cảnh đó không thể có các quốc gia đúng nghĩa. Sự quyền uy tự nhiên với mảnh đất của tổ tiên và những người quen thuộc chưa phải là tinh thần dân tộc hay lòng yêu nước. Người dân không có thẩm quyền nào trên đất nước thì cũng không có trách nhiệm nào đối với đất nước. Ý thức dân chủ đã biến các vương quốc thành những quốc gia và đã là nền tảng cho một nhà nước, hay chính quyền, của dân, do dân và vì dân.

Khác hẳn với các vương quốc đã dần dần hình thành với thời gian, quốc gia là một thực thể bao gồm một lãnh thổ, một chính quyền, một di sản văn hóa lịch sử và những con người bình quyền gắn bó với lãnh thổ đó, chấp nhận chính quyền đó, chia sẻ di sản lịch sử và văn hóa đó và, quan trọng hơn hết, chấp nhận xây dựng và chia sẻ với nhau một tương lai chung. Quốc gia ở trên mọi người và là của chung mọi người.

Cùng với ý niệm quốc gia như là một thực thể của chung mọi người nhưng cũng là của mỗi người đã xuất hiện một ý thức cộng đồng theo đó mỗi người không thể hoàn toàn tự giải quyết lấy mọi vấn đề cá nhân của mình, trái lại sự thành công hay thất bại của mỗi người còn tùy thuộc vào một quốc gia mà mỗi người từ nay vừa có bổn phận vừa có quyền lợi lại vừa có thẩm quyền đóng góp để bảo vệ và thăng tiến. Ý thức cộng đồng này đến lượt nó tạo ra lòng yêu nước, một tình yêu đối với những người thân thuộc, đồng hành và cùng phấn đấu với mình. Lòng yêu nước này không thể bị đồng hóa với tinh thần bài ngoại của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Nhà nước dân chủ, đặt nền tảng trên ý niệm quốc gia, đã là tiến bộ vĩ đại nhất của loài người trong các thế kỷ 17 và 18. Những nhà nước - quốc gia này vì được tổ chức để khuyến khích và đón nhận sự hưởng ứng tự do và tự nguyện của mọi người đã giải tỏa sinh lực, ý kiến và sáng kiến của toàn dân, đã thúc đẩy mọi tiến bộ khoa học, kỹ thuật, triết học, văn hóa và nghệ thuật và đã khiến các nước



phương Tây vượt xa hẳn phần còn lại của thế giới. Trong chiều sâu, lý do chính đã khiến các nước phương Tây đột ngột gia tăng sức mạnh là sự khám phá ra ý niệm quốc gia.

May mắn hơn nhiều dân tộc khác, người Việt Nam có một truyền thống sống chung lâu dài và ổn vững do điều kiện địa lý đặc biệt. Phần đất lâu đời của chúng ta, miền Bắc, được vách núi dày đặc về phía Bắc và phía Tây bao che trong khi phía Đông tựa lưng ra biển cả. Nhờ tình trạng biệt lập đó mà biên giới cũng như cấu tạo nhân văn của ta đã không thay đổi bao nhiêu trong nhiều thế kỷ. Do đó mà ý thức cộng đồng và sự quyên luyến với quê cha đất tổ rất cao và đã có thể làm nền tảng cho một ý thức quốc gia và dân tộc rất mạnh. Nhưng do sự thiếu hụt tư tưởng chính trị, chúng ta đã chỉ biết đến ý niệm quốc gia, như là một thực thể của chung mọi người dân, một cách muộn màng. Chúng ta chỉ biết đến ý niệm quốc gia vào lúc đang bị ngoại bang thống trị. Từ đó đến nay chúng ta liên tiếp chịu đựng những cuộc chiến -phần lớn là nội chiến- và những chế độ độc tài. Chúng ta chưa bao giờ có dân chủ, yếu tố nền tảng của quốc gia và dân tộc, do đó chúng ta chưa xây dựng được một quốc gia đúng nghĩa và cũng chưa vận dụng được sức mạnh thực sự của một dân tộc.

Nếu các nhà nước - quốc gia đã là nguyên nhân tạo ra sức mạnh và sự phồn vinh của các nước Âu Mỹ thì sự thiếu vắng của chúng cũng giải thích sự thua kém và những đau khổ của nhiều nước trong đó có chúng ta.

Các nhà nước - quốc gia mạnh và có ích lợi lớn vì chúng đã được quan niệm một cách đúng đắn. Quốc gia là của mọi người và ở trên tất cả. Nhà nước, hay chính quyền, chỉ có sứ mệnh phục vụ quốc gia, do đó phải ở trong và ở dưới quốc gia. Nhà nước không phải là cứu cánh mà chỉ là công cụ và vì thế chỉ cần được tạo dựng và duy trì ở mức độ thực sự cần thiết. Quốc gia mới là cứu cánh, mà quốc gia trước hết là tập thể những người công dân tự do và bình đẳng.

Nhà nước không có quyền lợi của riêng mình mà chỉ biết quyền lợi của quốc gia, trong khi quyền lợi của quốc gia do toàn dân quy định sau một đúc kết đúng đắn những ý kiến cá nhân được bày tỏ một cách tự do. Về cơ bản nhà nước - quốc gia là dụng cụ để thực hiện đồng thuận xây dựng tương lai chung của những con người tự do. Chính vì thế mà nhà nước ấy một mặt động viên được sự đóng góp của mọi người và, mặt khác, bảo đảm để mọi người phát huy tối đa khả năng của mình và đóng góp tối đa vào phúc lợi chung.

Chúng ta, cũng như nhiều dân tộc không may khác, đã thua kém bởi vì chúng ta không có được những nhà nước như thế. Ngược lại, cho đến nay chúng ta đã chỉ có những nhà nước của riêng một tập đoàn cầm quyền thay vì của mọi người. Những nhà nước đó có quyền lợi của riêng mình và chỉ biết quyền lợi của riêng mình cho nên chỉ có ưu tư giữ lấy quyền lực của mình bằng mọi giá ngay cả nếu phải gây những thiệt thòi lớn cho dân tộc. Đó là những nhà

nước không chế thay vì phục vụ quốc gia, những nhà nước coi dân chúng là đối tượng để kiểm soát và sử dụng thay vì là những đối tượng để bảo vệ và phục vụ.

Chúng ta hiện đang đứng trước tình trạng đặc biệt nghiêm trọng bởi vì chúng ta chưa xây dựng xong một quốc gia đúng nghĩa trong khi ý niệm quốc gia đang bị xét lại và vượt qua. Như thế chúng ta vừa phải nhanh chóng xây dựng một quốc gia đúng nghĩa lại vừa phải đúng hẹn với tương lai, nghĩa là xây dựng kịp thời quốc gia Việt Nam theo nghĩa mà nó sẽ phải có.

Do sự bùng nổ của các phương tiện giao thông và truyền thông, đồng thời với những trao đổi dồn dập và sự bành trướng của những tư tưởng mới, các yếu tố cấu tạo truyền thống của tinh thần quốc gia dân tộc đã thay đổi trọng lượng tương đối.

Cảm giác yên tâm trong sự gần gũi, sự lo sợ cái lạ và người lạ, liên hệ huyết thống, sự ràng buộc với lịch sử và văn hóa cổ truyền, sự quyến luyến với mảnh đất quen thuộc, sự thoải mái trong việc giao tiếp với những người cùng một tập quán và nếp sống, v.v. tất cả đều trở thành không quan trọng và ngày càng không quan trọng trong một thế giới cho phép sự trao đổi trực tiếp và tức khắc, kể cả làm việc chung, giữa những con người ở hai đầu trái đất và trong đó con người di chuyển và tiếp xúc thường xuyên, thu nhận hàng ngày đủ loại thông tin, hình ảnh và ý kiến. Quả đất đã là quê hương bé nhỏ chung của cả loài người

và hạnh phúc cá nhân đã trở thành giá trị cao nhất. Những tình cảm truyền thống đã đóng góp tạo ra tinh thần quốc gia dân tộc ngày càng bộc lộ tính thủ cựu và hạn hẹp của chúng.

Mặt khác vai trò và chỗ đứng của quốc gia cũng bị công phá từ mọi phía. Từ bên ngoài, với những kết hợp khu vực tạo ra một không gian hoạt động lớn hơn, từ bên trong do những đòi hỏi của các cá nhân và các cộng đồng sắc tộc, và từ cả trong lẫn ngoài do sự bành trướng nhanh chóng của các công ty đa quốc mà vai trò và trọng lượng ngày càng gia tăng.

Trong bối cảnh đó, những lý do ràng buộc con người với đất nước dĩ nhiên phải thay đổi và trên thực tế đã thay đổi. Con người chỉ còn ràng buộc với đất nước vì ít nhất một trong ba lý do: vì đất nước bảo đảm cho mình những che chở và quyền lợi đặc biệt, vì đất nước đem lại cho mình một nguồn hãnh diện hay, một cách giản dị, vì đất nước là của mình.

Trong các yếu tố cấu tạo ra quốc gia, lãnh thổ không còn giá trị tuyệt đối, con người có thể yêu nước và đóng góp cho đất nước dù sống ở bất cứ nơi nào. Di sản lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ cũng đã giảm tầm quan trọng. Chính quyền cũng không quan trọng. Quan niệm một tổ quốc thiêng liêng mà mọi người phải phục tùng, tôn kính và phục vụ một cách không điều kiện lại càng lỗi thời. Còn lại những con người và dự án tương lai chung, hai

yếu tố cấu tạo của quốc gia mà tầm quan trọng ngày càng tăng lên.

Như thế, một quốc gia chỉ có thể tồn tại nếu được quan niệm không phải như một chủng tộc hay một quá khứ mà như một không gian liên đới giữa những con người hiểu nhau, quý trọng nhau và hợp tác với nhau để xây dựng và chia sẻ một tương lai chung. Quốc gia như thế chủ yếu là xã hội dân sự với ký ức của nó, với những vấn đề phải giải quyết của nó và với những dự định tương lai của nó. Nhà nước ở trong và ở dưới quốc gia với sứ mạng phục vụ quốc gia cho nên nhà nước có vai trò phục vụ chứ không khống chế xã hội dân sự.

Một đất nước được hiểu như thế vẫn còn khả năng để ràng buộc người Việt Nam với nhau và vẫn rất cần thiết cho mọi người, đồng thời cũng là môi trường thuận lợi cho những hợp tác. Đất nước ấy sẽ có lợi cho mọi người bởi vì đó sẽ là môi trường phát triển tự nhiên cho mỗi người. Đất nước ấy sẽ là nguồn yểm trợ để mọi người chúng ta xây dựng đời mình đồng thời cùng nhau xây dựng một niềm tự hào chung và gia tăng phúc lợi chung. Đất nước ấy cũng sẽ là một chỗ dựa tình cảm cho mỗi người để hạnh phúc được toàn vẹn. Đất nước ấy phải là của mọi người chứ không phải là của riêng của một thể lực hay đảng phái nào.

Đó là quan điểm của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên về đất nước Việt Nam. Niềm tin của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là chỉ có một quan niệm về quốc gia như vậy mới

có thể đem lại cho mọi người Việt Nam lý do để yêu nước và chung sức dựng nước, nghĩa là mới cho phép Việt Nam tồn tại và vươn lên.

## **2. Dân chủ đa nguyên**

Để thoát khỏi bế tắc hiện nay và hội nhập vào thế giới tiến bộ, để có thể động viên một cách hữu hiệu mọi sinh lực quốc gia vào cố gắng vươn lên mưu tìm một chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng quốc tế, Việt Nam không có chọn lựa chính trị nào khác hơn là một thể chế dân chủ đa nguyên.

Dân chủ đa nguyên không những là chọn lựa hiển nhiên cho Việt Nam mà còn là hướng đi tất yếu của thế giới.

Cuộc tranh cãi gay go nhất trong thế kỷ hai mươi đã là cuộc tranh cãi về dân chủ. Hàng chục triệu người trên khắp thế giới đã thiệt mạng vì những xung đột gây ra bởi cuộc tranh cãi này. Vấn đề cốt lõi là làm thế nào để người dân quyết định vận mệnh đất nước, và nhiều công thức đã được đề ra và thử nghiệm.

Cuộc tranh cãi này hiện nay đã chấm dứt. Chủ nghĩa Mác-Lênin và mô hình "dân chủ xã hội chủ nghĩa" mà nó đề xướng đã hoàn toàn sụp đổ. Các chế độ cộng sản còn lại chỉ còn là những chế độ độc tài bạo ngược thuần túy. Mô hình dân chủ đặt nền tảng trên tự do cá nhân đã thắng về mặt lý thuyết và cũng đã thắng trên thực tế.

Số lượng các nước dân chủ đã áp đảo và đang gia tăng nhanh chóng.

Nhiều người nói nên dân chủ kiểu phương Tây, mà hầu hết các dân tộc trên thế giới đã chấp nhận là đúng, tự nhiên đã có đa nguyên. Điều này có phần đúng, nhưng cụm từ "dân chủ đa nguyên" có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của nó, nhất là đối với người Việt Nam trong giai đoạn hiện tại. Nó nói lên một tinh thần, một thái độ và một lý tưởng. Tinh thần đó là tinh thần bao dung và khoan nhượng, tôn trọng mọi người và mọi ý kiến. Thái độ đó là thái độ bác bỏ thẳng thắn mọi hình thức độc tài chuyên chính, kể cả, và nhất là, thứ "dân chủ" bị bơm mìn danh là "dân chủ tập trung" hay "dân chủ xã hội chủ nghĩa" dành địa vị độc tôn cho một chủ nghĩa và một tập đoàn lãnh đạo. Lý tưởng đó là lý tưởng xây dựng đất nước Việt Nam có chỗ đứng xứng đáng và ngang nhau cho tất cả mọi người.

Đa đảng chưa phải là đa nguyên nếu mọi khuynh hướng không được nhìn nhận một chỗ đứng ngang nhau. Trong những ngày độc đoán và giáo điều nhất của nó, chế độ cộng sản Việt Nam có lúc cũng đã có ba hoặc bốn đảng, nhưng không phải vì thế mà nó đã có đa nguyên. Đa đảng chỉ là yếu tố cần, nhưng chưa đủ, của đa nguyên. Đa nguyên là một tinh thần, trong khi đa đảng chỉ là một con số.

Trong cuộc tranh hùng với phong trào cộng sản, các nước phương Tây đã lấy một quyết định vô cùng táo bạo

là thay vì co cụm lại trong một kỷ luật tự vệ xơ cứng lại phát triển tối đa nền dân chủ của họ, mà nét đậm nhất là sự tôn trọng mọi khác biệt trong xã hội, và họ dần dần tiến tới dân chủ đa nguyên. Tuy vậy nhiều thể chế tư bản phương Tây chưa phải là những nền dân chủ đa nguyên đúng nghĩa. Các nước phương Tây ở vào những mức độ đa nguyên khác nhau.

Dân chủ đa nguyên là sự hội nhập và ứng dụng triết lý đa nguyên vào đời sống chính trị. Căn bản của triết lý đa nguyên là tinh thần bao dung, là sự nhìn nhận và tôn trọng mọi khác biệt trong xã hội. Dĩ nhiên tính đa nguyên có trong mọi xã hội và nếu muốn nguy hiểm thì xã hội nào cũng đa nguyên cả, nhưng điều độc đáo là triết lý đa nguyên thay vì coi sự hiện diện của những thành tố khác biệt như một thực tại phải nhìn nhận và khắc phục, lại coi như một lẽ tự nhiên, một sự phong phú cần được khuyến khích và khai thác. Đó là một phong cách sinh hoạt chính trị. Dân chủ đa nguyên là dân chủ nhưng không phải dân chủ nào cũng là dân chủ đa nguyên.

Dân chủ đa nguyên là một hệ thống chính trị mới với những đặc tính bắt buộc của nó. Ta có thể nhấn mạnh năm đặc tính:

*Một là:* dân chủ đa nguyên nhìn nhận và tôn trọng chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người thuộc mọi thành phần xã hội, mọi sắc tộc, mọi tín ngưỡng và mọi khuynh hướng chính trị. Dân chủ đa nguyên lên án mọi



phân biệt đối xử, nó chống đối quyết liệt chế độ độc đảng. Một cách cụ thể bản hiến pháp của một thể chế dân chủ đa nguyên không thể chứa đựng bất cứ một quy chiếu nào về một chính đảng, một chủ nghĩa hay một tôn giáo.

*Hai là:* ngoài nguyên tắc phân quyền phải có trong mọi nền dân chủ xứng đáng với tên gọi của nó, dân chủ đa nguyên đòi hỏi tản quyền để tôn trọng sự khác biệt giữa các địa phương. Một chính quyền dù xuất phát từ bầu cử tự do đi nữa cũng không phải là dân chủ đa nguyên nếu phần lớn quyền hành tập trung trong tay chính quyền trung ương. Trong một thể chế dân chủ đa nguyên các chính quyền địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, phải có những quyền luật định rộng rãi để tổ chức cuộc sống phù hợp với bối cảnh riêng của mỗi vùng. Mỗi vùng phải có diện tích và dân số ở mức độ thỏa đáng để có thể là những thực thể đủ tầm vóc để tự quản được và phát triển được. Như thế một số nguyên nhân xung đột sẽ tự nhiên được giải tỏa. Các sắc tộc ít người sẽ có được tiếng nói đáng kể tại các địa phương mà họ tập trung đông đảo. Các chính đảng không có được đa số trong các cuộc bầu cử toàn quốc vẫn có thể nắm được chính quyền tại những địa phương nơi họ được tín nhiệm. Dân chủ đa nguyên làm nhẹ đi mối căng thẳng chính quyền - đối lập, ở cấp trung ương cũng như cấp địa phương, và xóa bỏ mối xung khắc "được làm vua thua làm giặc". Tản quyền đưa tới hệ luận là chính quyền trung ương không cai trị trực tiếp mà chỉ đảm nhiệm các sứ mạng quốc phòng, ngoại giao, tiền tệ và điều hợp các địa phương. Một vai trò khác của chính quyền trung

ương là thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng trên quy mô cả nước và trợ giúp các chương trình địa phương đáng khuyến khích.

*Ba là:* dân chủ đa nguyên đặt nền tảng trên xã hội dân sự. Bên cạnh các chính đảng, các cộng đồng sắc tộc, địa phương và tôn giáo, các hiệp hội công dân tổ chức theo ngành nghề, quyền lợi, nhân sinh quan, sở nguyện, ưu tư, v.v. được hoạt động độc lập với chính quyền, được nhìn nhận một chỗ đứng trọng yếu, được có tiếng nói và ảnh hưởng trong sinh hoạt cũng như trong sự tiến hóa của xã hội. Nhà nước tự coi mình là có sứ mạng phục vụ xã hội dân sự chứ không khống chế xã hội dân sự, không định đoạt sinh hoạt thường ngày thay cho xã hội dân sự. Về mặt kinh tế, điều này có nghĩa là nền kinh tế quốc gia phải đặt nền tảng trên các xí nghiệp tư, khu vực quốc doanh phải được giới hạn ở mức tối thiểu và nếu không có thì càng hay. Một xã hội dân sự mạnh và đa dạng là bảo đảm nhất chắc chắn cho sự chuyển hóa thường trực, tự nhiên và liên tục của xã hội, tránh những xáo trộn đột ngột và đầy đổ vỡ của các cuộc cách mạng.

*Bốn là:* dân chủ đa nguyên kính trọng các thiểu số và luôn luôn mưu tìm thỏa hiệp. Trong một thể chế dân chủ đa nguyên, nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số không được sử dụng một cách tự động và máy móc mà chỉ được dùng tới sau khi đã tận dụng mọi cố gắng để tìm đồng thuận. Dân chủ đa nguyên chống lại mọi hình thức chuyên chính, kể cả chuyên chính của đa số. Bình thường trong

một thể chế dân chủ sự chính đáng của một chính quyền dựa trên kết quả của cuộc bầu cử cuối cùng, nhưng trong dân chủ đa nguyên sự chính đáng của một chính quyền còn nằm cả trong sự thành khẩn tìm đồng thuận trong mọi quyết định quan trọng.

*Năm là:* dân chủ đa nguyên trong bản chất của nó tôn trọng mọi thành phần dân tộc, không chấp nhận hy sinh một thành phần nào và không thể cho phép một thành phần này bóc lột và chà đạp một thành phần khác. Vì thế dân chủ đa nguyên coi rất trọng liên đới xã hội và không thể đi đôi với cái thường được gọi là "tư bản rừng rú". Liên đới xã hội cũng là điều kiện phải có để nuôi dưỡng và tăng cường tinh thần quốc gia bởi vì giữa những người có mức sống, nếp sống, quan tâm và địa vị xã hội quá khác biệt tình đồng bào cùng lắm chỉ là lý thuyết.

Công bằng xã hội tuyệt đối hiểu theo nghĩa xóa bỏ mọi chênh lệch, cào bằng, chia đều là điều không thể có và cũng không nên có. Điều có thể có và phải có là một chính sách liên đới xã hội bảo đảm cho mọi người sự bình đẳng trước pháp luật và khả năng thành công đồng đều, đồng thời nâng đỡ những người yếu kém hoặc thiếu may mắn.

Trong một thể chế dân chủ đa nguyên, nhà nước không còn là người chỉ huy tuyệt đối. Vai trò của nhà nước là đảm nhiệm ba chức năng: trọng tài trong các quan hệ giữa các thành tố của xã hội, chế tài những vi phạm, và hòa giải những đòi hỏi mâu thuẫn của các thành phần dân tộc.

Nhà nước hòa giải thay vì nhà nước chỉ huy là nét đậm của dân chủ đa nguyên. Nó phân biệt hẳn dân chủ đa nguyên với các chế độ chuyên chính, nhưng nó cũng khiến dân chủ đa nguyên khác với nhiều chế độ dân chủ trong đó chính quyền vẫn còn tham vọng định đoạt thay cho xã hội dân sự.

Với sự tôn trọng mọi khác biệt, với vai trò nền tảng của xã hội dân sự gồm vô số các cộng đồng, hiệp hội công dân và các xí nghiệp, với tổ chức chính trị tản quyền, xã hội đa nguyên là sự kết hợp vô cùng phức tạp của vô số liên hệ đan xen. Một xã hội phức tạp như vậy chỉ có thể tồn tại được với những luật lệ rõ ràng, minh bạch và được áp dụng triệt để. Nhà nước trong một thể chế dân chủ đa nguyên chỉ có thể là một nhà nước pháp trị. Nhà nước văn minh nào cũng phải là một nhà nước pháp trị nhưng nhà nước dân chủ đa nguyên phải là một nhà nước pháp trị toàn vẹn. Và muốn pháp luật được tôn trọng thì nó phải đúng, nghĩa là được lập ra bởi những đại diện thực sự do dân bầu ra và chỉ nhằm phục vụ quyền lợi chung; cứu cánh của nó là quy định sự thể hiện các quyền tự do cá nhân trong sinh hoạt xã hội.

Nhìn vào thực trạng Việt Nam, nếu có một điều mà chúng ta có thể quả quyết thì đó là với tình trạng hận thù chông chát, khủng hoảng niềm tin và thiếu đồng nhất về lập trường hiện nay không thể áp đặt một lực lượng nào hay một đường lối nào mà không gặp sự chống đối mạnh mẽ. Thể chế Việt Nam tương lai phải là một thể chế tôn

trọng mọi khác biệt, dành chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Thể chế này do đó bắt buộc phải là một thể chế dân chủ đa nguyên.

Không thể viện cứ dân ta chưa đủ kinh nghiệm dân chủ, tinh thần kỷ luật còn chưa cao, lòng người còn phân tán, v.v. để cho rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với Việt Nam. Như vậy phải chăng chúng ta đành phải tạm thời chấp nhận một phân lượng độc tài nào đó? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta chỉ cần so sánh những thành tựu của các nước dân chủ với thành tích tồi tệ của các chế độ cộng sản, nhìn vào những gì mà các chế độ độc tài cánh hữu đã từng đem lại cho các nước Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh.

Nhưng ngược lại cũng không nên ngộ nhận về bản chất của dân chủ. Dân chủ không giải quyết tức khắc và toàn bộ vấn đề phát triển. Thành công của mọi chế độ đòi hỏi những chọn lựa đúng đắn và những con người có khả năng. Dân chủ không đem cơm áo và sự phồn vinh để phát không. Dân chủ không thay thế cho những chọn lựa và những con người. Nhưng dân chủ là một phong cách sinh hoạt cho phép đặt các vấn đề một cách đúng đắn và chọn lựa một cách đúng đắn những người có trách nhiệm. Dân chủ, và nhất là dân chủ đa nguyên, cũng là một phương thức tổ chức xã hội cho phép phát huy triệt để ý kiến và sáng kiến, động lực cơ bản nhất của tiến bộ. Vì thế mức độ dân chủ quyết định một giới hạn trên cho phát triển. Dân chủ càng cao, khả năng phát triển càng cao.

Ngược lại, các chế độ độc tài cấm cản ý kiến và sáng kiến, ngăn chặn tiến hóa hòa bình và liên tục của xã hội, dung túng tham nhũng, bất công và lạm quyền, và do đó ngăn cản phát triển. Chúng ta cần cảnh giác là không thể có những chế độ độc tài sáng suốt bởi vì nền tảng của mọi chế độ độc tài là sự kiêu căng bệnh hoạn của một người hay một nhóm người tự nghĩ rằng họ đủ thông minh để suy nghĩ thay cho cả một dân tộc. Họ không nhìn thấy sự phức tạp của các vấn đề và cũng không nhìn thấy sự nông cạn của chính mình. Người độc tài trước hết là một kẻ u mê. Và lại, nếu quan sát, ta có thể thấy hầu hết các tập đoàn độc tài đều thiếu văn hóa.

Dĩ nhiên dân chủ đa nguyên không thể đem lại tất cả mọi phúc lợi của nó trong những điều kiện dân trí, xã hội và kinh tế chưa tốt đẹp, nhưng ngay cả trong trường hợp này dân chủ đa nguyên vẫn còn hơn xa độc tài.

Chúng ta khẳng định: dân chủ đa nguyên thực sự và ngay tức khắc.

Để có dân chủ đa nguyên thực sự, điều chúng ta phải làm trước hết là xóa bỏ những hận thù do một quá khứ đầm máu để lại và được một chính sách phân biệt đối xử nuôi dưỡng suốt thời gian qua. Hòa giải dân tộc là một bắt buộc của hoàn cảnh lịch sử. Có như thế chúng ta mới có thể chấp nhận nhau, nhận lỗi với nhau và tha lỗi cho nhau, để chung sống với nhau và bắt tay nhau xây dựng một tương lai chung. Còn nếu không đa nguyên cùng lắm chỉ có nghĩa là

tạm thời chịu đựng lẫn nhau do một so sánh lực lượng chưa ngã ngũ. Đa nguyên mà không có hòa giải dân tộc như vậy chỉ là đa nguyên bệnh hoạn, chỉ chuẩn bị cho một sự thanh toán lẫn nhau. Ngược lại dân chủ đa nguyên cũng là điều kiện cần để có thể có hòa giải dân tộc thực sự. Hòa giải mà không có đa nguyên chính trị cũng chỉ là hòa giải bịp bợm, hòa giải trong sự khuất phục của kẻ bị trị trước kẻ thống trị, nghĩa là một hòa giải không thể có.

Đất nước ta không phải chỉ có những hận thù do chiến tranh để lại. Còn có vô số nguyên nhân chia rẽ mà chúng ta đã không giải quyết được vì không ý thức được hay vì hoàn cảnh chưa cho phép giải quyết. Những cách biệt về tôn giáo, địa phương, sắc tộc, giàu nghèo, nhân sinh quan, chính kiến, v.v. không thiếu, và vì không được giải quyết nên ngày càng trở nên trầm trọng. Dân chủ đa nguyên, do tinh thần bao dung và mô thức tản quyền của nó là giải pháp giúp mọi thành phần dân tộc đều có chỗ đứng và tiếng nói, và do đó có thể chấp nhận lẫn nhau, sáp lại gần nhau, hòa hợp với nhau để cùng xây dựng một tương lai Việt Nam chung.

Không ai phủ nhận rằng đa nguyên là một lý tưởng đẹp, đẹp đến nỗi các chế độ độc tài, dù bị khốn đốn vì nó, cũng không dám phủ nhận nó một cách dứt khoát.

Dân chủ đa nguyên đang trở thành đồng thuận căn bản của dân tộc ta trong cuộc hành trình về tương lai. Đó cũng là hướng đi tất yếu của mọi dân tộc. Những người

tranh đấu cho dân chủ đa nguyên có quyền tự hào vì mình đang theo đuổi một lý tưởng đẹp và cũng có quyền lạc quan vì mình đang tranh đấu cho một lập trường nhất định sẽ thắng lợi.

### **3. Hòa giải và hòa hợp dân tộc**

Trong hơn bốn thế kỷ qua, kể từ khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê hồi đầu thế kỷ 16, nước ta liên tiếp đi từ cuộc chiến tranh này đến cuộc xung đột khác. Đất nước bị chia cắt nhiều lần trong hơn hai thế kỷ, bị đô hộ và bị đặt dưới những chế độ hành chính khác nhau trong gần một trăm năm. Chiến tranh, nội loạn, trả thù, báo oán, bách hại đã là những yếu tố thường trực trong lịch sử cận đại của ta. Khốc liệt nhất là cuộc chiến sau cùng 1945-1975 trong đó lần đầu tiên chúng ta xung đột với nhau cả về ý thức hệ, và sau đó phe chiến thắng thi hành chính sách bỏ tù và hạ nhục, cùng với vô số biện pháp phân biệt đối xử.

Do hoàn cảnh lịch sử, chất liệu nhân xã của chúng ta đã bị tổn thương nặng nề. Những đố vỡ đòi hỏi một thời gian hàn gắn rất lâu dài, do đó tinh thần căn bản của mọi chính sách cho nhiều thế hệ tới sẽ phải là hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hòa giải dân tộc để xóa bỏ những hận thù và hiểm khích của quá khứ để đi đến hòa hợp dân tộc trong cố gắng xây dựng một tương lai chung.

Trong một thế giới thay đổi dồn dập như hiện nay, quốc gia nào cũng phải chịu những xáo trộn không ngừng. Ngành này tiến lên trong khi ngành kia suy thoái, khu vực



này bành trướng trong khi khu vực khác trì trệ. Những chênh lệch xã hội liên tiếp xuất hiện và các chính sách dù hoàn chỉnh đến đâu cũng không thể nào thỏa mãn được tất cả mọi người. Cho nên quốc gia nào, dân tộc nào cũng liên tục phải hòa giải với nhau vì các mối xung đột quyền lợi và căng thẳng luôn luôn xảy ra. Hòa giải đã trở thành triết lý điều hành quốc gia.

Hòa giải là bắt buộc của mọi dân tộc dù ở trình độ nào và có lịch sử nào. Nhưng dân tộc Việt Nam là một trong những dân tộc cần hòa giải hơn cả.

Chúng ta cần hòa giải cộng đồng quốc gia nói chung với các sắc tộc ít người đã có mặt trên đất nước này từ ngày mở nước và luôn luôn bị chà đạp và hắt hủi trong suốt dòng lịch sử.

Chúng ta cần hòa giải các tôn giáo, nhất là Phật Giáo và Công Giáo, hai tôn giáo đã bị các nhà cầm quyền Việt Nam cũng như ngoại bang bách hại, đàn áp, phân biệt đối xử và đặt vào thế đối đầu với nhau. Đã thế, các hiềm khích, hậu quả của một hoàn cảnh lịch sử trong đó cả hai tôn giáo đều là nạn nhân, thay vì được giải tỏa còn đôi khi bị thổi phồng và khai thác cho những tham vọng bất chính.

Chúng ta cần hòa giải và hòa hợp hai miền Nam - Bắc đã thường xuyên bị chia cắt và đặt vào thế tương tranh và kể từ 1975 bị chia rẽ bởi một chính sách không khác gì một sự chiếm đóng của Đảng Cộng Sản.

Chúng ta cần hòa giải đất nước với cộng đồng người Việt hải ngoại đã phải bỏ người thân, tài sản, mồ mả tổ tiên ra đi vì không thể chấp nhận được một chính quyền hà khắc, đã phải chịu đựng những khổ đau và mất mát rất lớn do hải tặc, sóng gió và công an.

Chúng ta cũng cần hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam. Phải nhìn nhận rằng làm người Việt Nam cho đến nay đã là một điều không may. Đất nước đã chỉ là hy sinh. Hơn thế nữa, các tập đoàn lãnh đạo kế tiếp nhau còn nhân danh đất nước để phạm những tội ác rất nghiêm trọng. Dĩ nhiên, đất nước không đồng hóa với người cầm quyền, nhưng vẫn được thể hiện qua người cầm quyền. Vì thế, khi trong một thời gian quá dài chỉ có những người cầm quyền gian trá hay bạo ngược, hay vừa gian trá vừa bạo ngược, thì chính hình ảnh của đất nước cũng bị tổn hại và lòng yêu nước cũng bị suy giảm. Hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam là điều phải làm để phục hồi lòng yêu nước, một yếu tố không thể thiếu nếu chúng ta còn muốn một tương lai cho Việt Nam. Muốn như thế nhà nước, người đại diện đất nước, phải là một nhà nước khiêm tốn, hiền hòa và lương thiện. Tổ quốc Việt Nam phải được cảm nhận như một tình yêu và một dự án tương lai chung.

Nhưng gần nhất và cũng đau đớn nhất, chúng ta vừa tàn sát nhau trong một cuộc tương tranh kéo dài ba mươi năm. Cuộc chiến này là một cuộc nội chiến vì tuyệt đại đa số những người chủ trương, những người cầm vũ khí tàn

sát nhau và những nạn nhân đều là người Việt. Một cuộc nội chiến hổ nhục vì cả hai phe lâm chiến đều nhận mệnh lệnh và phương tiện từ nước ngoài. Sự kiện Đảng Cộng Sản Việt Nam không nhìn nhận đây là một cuộc nội chiến chỉ làm cho tính nội chiến khốc liệt hơn vì họ không nhìn nhận cả tư cách đồng bào của những người trước mặt. Cần ý thức rằng nội chiến tàn phá hơn hẳn chiến tranh với nước ngoài bởi vì ngoài những thiệt hại sinh mạng và vật chất nó còn hủy hoại cả tinh thần dân tộc và ý chí sống chung, nghĩa là chính nền tảng của quốc gia. Cho tới nay chưa có dân tộc nào trở lại được bình thường trong vòng một hay hai thế hệ sau một cuộc nội chiến, ngay cả với những cố gắng hòa giải tận tình và dù nội chiến chỉ kéo dài vài năm. Cuộc nội chiến của chúng ta dài và khốc liệt hơn nhiều. Những vết thương vẫn còn chảy máu và thay vì được hàn gắn đã bị trầm trọng hóa bởi một chính sách phân biệt đối xử thô bạo sau đó.

Trong cuộc xung đột vừa qua chúng ta đã không có chọn lựa tốt nào. Chúng ta đã chỉ có những chọn lựa đau buồn, giữa cái dở và cái mà một cách chủ quan chúng ta thấy là còn dở hơn. Chúng ta đã chỉ chịu đựng chứ không làm chủ các biến cố. Rất ít người Việt Nam nào đã thực sự tranh đấu cho cái mà mình ưa thích. Trong tuyệt đại đa số, người Việt Nam, quốc gia cũng như cộng sản, đã chỉ chống lại phe mà mình thấy là còn tồi tệ hơn hàng ngũ mình đang đứng. Người không chịu đựng được sự thối nát của các chính quyền quốc gia thì đứng vào hàng ngũ cộng sản, mặc dầu cũng biết bản chất bạo ngược của nó, còn người thấy

rằng để đất nước lọt vào tay cộng sản là một tai họa quá lớn thì đứng vào hàng ngũ quốc gia, mặc dầu cũng chán ghét sự tòi dở của nó. Anh em ruột thịt, bạn bè thân thích đã chỉ vì một sự lượng định nặng nhẹ khác nhau, hay đã chỉ bị hoàn cảnh xô đẩy, thậm chí bị bắt buộc, mà phải quay lưng lại với nhau, mặt sát nhau, bắn giết nhau. Cho nên, ngoài những đổ vỡ về vật chất và sinh mạng, còn có một đổ vỡ lớn hơn trong lòng mỗi người Việt Nam. Để rồi, kẻ thì đã thua trận, bị tù đày và nhục mạ, người thì nhận ra tất cả những hy sinh của mình chỉ là để đóng góp cho một công trình đập phá đất nước. Chẳng có ai có lý do gì để bắt lỗi ai, tất cả chúng ta đều đã thất bại bẽ bàng. Chúng ta đều là nạn nhân. Chúng ta phải bắt tay nhau cùng làm lại lịch sử.

Thách đố trước mắt chúng ta là một tập đoàn cầm quyền đã gây đổ vỡ trầm trọng cho đất nước, đã thất bại trên tất cả mọi phương diện và trong tất cả mọi địa hạt, nhưng vẫn xác xược tự cho mình độc quyền cai trị đất nước vô thời hạn và đàn áp thô bạo mọi tiếng nói đối lập, dù là ôn hòa. Tập đoàn này dùng mọi biện pháp để ngăn chặn hòa giải và hòa hợp dân tộc vì họ biết rằng chỉ có thể duy trì được sự thống trị của họ nếu dân tộc Việt Nam bất lực vì hận thù và chia rẽ. Không những không xoa dịu những vết thương của cuộc chiến họ còn mở rộng hiềm khích tới nhiều thành phần dân tộc và kéo dài hận thù tới thế hệ vừa lớn lên bằng những biện pháp đàn áp chính trị, xếp loại dân chúng và phân biệt đối xử.

Ngày hôm nay khát vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam là dân chủ. Nhìn lại anh em, nhận lại bạn bè phải là tinh thần chỉ đạo của một tập hợp dân tộc mới, trong đó không có kẻ đúng người sai mà chỉ có những người anh em bình đẳng cùng ngậm ngùi cho đất nước và cùng kết hợp trong một cuộc vận động dân chủ. Hòa giải và hòa hợp dân tộc chính là điều kiện cốt lõi để cô lập và đánh bại tập đoàn độc tài ngoan cố.

Nhưng vượt lên trên những sôi động nhất thời, hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng là một đoạn tuyệt lịch sử cần thiết để bẻ gãy cái vòng luẩn quẩn của hận thù và chia rẽ đã giam hãm chúng ta từ nhiều thế kỷ qua, nhất là từ nửa thế kỷ nay. Đây là một đoạn tuyệt lịch sử rất khó khăn vì ý niệm hòa giải dân tộc hoàn toàn thiếu vắng trong tập quán chính trị Việt Nam. Trong gần tám thế kỷ, kể từ nhà Trần, nhỏ cỏ tận gốc, tru di tam tộc, tiêu diệt toàn bộ vẫn là những biện pháp được người cầm quyền sử dụng thay cho hòa giải. Dần dần cách ứng xử hung bạo đó đã ăn rễ vào tâm lý tập thể và làm cho ý niệm hòa giải trở thành xa lạ đối với người Việt Nam. Vì thế nhiều người đã nói rằng dân tộc Việt Nam không có nhu cầu hòa giải trong khi thực sự chúng ta là một trong những dân tộc cần hòa giải nhất. Chính vì thiếu tinh thần hòa giải mà chúng ta đã bị tù hãm trong hận thù. Cái vòng oan nghiệt đó đã khiến chúng ta không động viên được mọi sinh lực của đất nước để vươn lên và giải thích tại sao chúng ta đã phải quần quai mãi trong nghèo khổ và thua kém.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc là điều kiện cần cho thắng lợi của cuộc vận động dân chủ hiện nay và cũng là điều kiện cần cho thành công của cố gắng phục hưng đất nước ngày mai.

Thực thi hòa giải dân tộc không phải chỉ đơn thuần là một tình cảm mà còn đòi hỏi những biện pháp cụ thể. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ đặt con người tự do làm đối tượng phục vụ cao nhất. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ coi đa nguyên như một giá trị nền tảng. Đa nguyên về mọi mặt tâm linh, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ chế tài nghiêm khắc mọi ngôn ngữ và thái độ xúc phạm với mọi sắc tộc, mọi cộng đồng, mọi tín ngưỡng, mọi quan điểm. Ngược lại nhà nước sẽ khuyến khích và giúp đỡ tận tình mọi sáng kiến và cố gắng đem mọi người Việt Nam thuộc mọi vùng, mọi sắc tộc, mọi tôn giáo, mọi nhân sinh quan, mọi chính kiến đến gần nhau hơn trong tinh thần tôn trọng mọi khác biệt. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ phải phục hồi danh dự cho những người đã bị hạ nhục, phải bồi thường thiệt hại, dù chỉ là một cách không đầy đủ, cho những nạn nhân mà không tạo ra những nạn nhân mới. Xóa bỏ hận thù có nghĩa là sẽ không có những vụ án chính trị, ngược lại sẽ có một đạo luật cấm nhà nước truy tố bất cứ ai vì chức vụ mà họ đã giữ, trừ khi họ đã vi phạm một cách rất nghiêm trọng ngay chính những luật lệ đương hành lúc họ tại chức. Mọi công dân có quyền tố cáo những hà hiếp mà mình đã là nạn nhân, và nhà nước sẽ xử lý những tranh tụng đó như những

tranh tụng giữa những công dân bình đẳng trước pháp luật trong tinh thần hòa giải dân tộc.

Những biện pháp đó, được thực hiện với thành tâm hàn gắn những vết thương do lịch sử để lại, sẽ giúp chúng ta dần dần tiến tới hòa hợp dân tộc trong cố gắng xây dựng và chia sẻ một tương lai Việt Nam chung. Chúng ta sẽ khép lại một trang sử đau buồn của đất nước và mở ra một trang sử mới viết bằng tình tự dân tộc. Hoà giải và hòa hợp dân tộc sẽ phải là chính sách quả quyết của đất nước ta trong nhiều thế hệ.

#### **4. Chấp nhận và thể hiện quả quyết những giá trị tiến bộ**

Một xã hội tiến bộ phải được xây dựng trên nền tảng của những giá trị tiến bộ.

Các nước phương Tây sở dĩ phát triển mạnh mẽ và vượt hơn hẳn phần còn lại của thế giới là vì xã hội của họ đặt nền tảng trên những giá trị cơ bản đúng. Những giá trị đó là hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, môi trường và liên đới. Những giá trị này không phải của riêng người phương Tây mà vốn đã hiện diện trong mọi xã hội và trong mọi nền văn minh. Ưu điểm của các nước phương Tây là họ đã biết đề cao và phát huy triệt để một phần lớn trong số các giá trị này để lấy làm nền tảng cho xã hội. Nhờ vậy họ đã có được sức mạnh và sự phồn vinh. Tiếp xúc với các

nước phương Tây, các quốc gia đều nhận ra sự thua kém của mình và đều tìm cách thỏa hiệp với nền văn minh phương Tây. Tuy nhiên quán tính tự nhiên đã khiến hầu hết các quốc gia đều có khuynh hướng chỉ chấp nhận một phần những thành tố của xã hội phương Tây để hội nhập nó vào truyền thống của mình, chẳng hạn như học hỏi kỹ thuật phương Tây trong khi vẫn giữ nguyên cơ cấu xã hội cũ. Nhưng một nền văn minh là một tổng thể cấu tạo bởi những giá trị gắn bó với nhau cho nên rất khó lấy một thành tố của một nền văn minh để ghép vào một nền văn minh khác. Không thể chấp nhận kỹ thuật của Phương Tây trong khi vẫn từ chối những giá trị cơ bản đã làm nảy sinh và đã thúc đẩy sự tiến phát của các kỹ thuật đó. Kinh nghiệm của các quốc gia đã chứng tỏ rằng thái độ nửa chừng này chỉ đem lại những thành công giới hạn, trước khi dẫn tới khủng hoảng. Nước Nga mặc dầu đã bắt đầu canh tân từ cuối thế kỷ 17 đã không bắt kịp được Tây Âu và đã phân hóa, cuối cùng trở thành một chế độ cộng sản với hậu quả tai hại mà thế giới đã thấy; nước Nhật đã tích lũy những mâu thuẫn để rồi bị dẫn đến chiến tranh tự hủy. Ngày nay Nhật đã nhận ra sai lầm đó và đã chấp nhận toàn bộ các giá trị của thế giới tiến bộ từ sau Thế Chiến II và vừa hoàn tất một cuộc cải tổ cơ cấu kéo dài ba thập niên để thích nghi xã hội với những giá trị này. Nga cũng sẽ không có chọn lựa nào khác, chế độ nửa dân chủ nửa mafia hiện nay đã bắt đầu chao đảo. Trung Quốc với chính sách "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" và khôi phục Khổng Giáo cũng đã đến rất gần khủng hoảng.



Chấp nhận một cách thành thực và quả quyết những giá trị chính trị, văn hóa, xã hội của thế giới tiên bộ là điều kiện tiên quyết. Nhật Bản vì chọn lựa như vậy đã trở thành một cường quốc hàng đầu thế giới. Một số nước Châu Á, như Nam Cao Ly và Đài Loan, từ bốn thập niên gần đây đi theo khuôn mẫu Nhật Bản cũng đang trỗi dậy mạnh mẽ. Chấp nhận toàn bộ các giá trị tiên bộ là chọn lựa chúng ta phải làm và phải làm một cách thật quả quyết. Giữa sự dửng dăng, lưỡng lự của các nước trong vùng, chọn lựa này là một cơ may cho phép chúng ta vươn lên bắt kịp và vượt qua họ.

Trong những giá trị trên đây, giá trị mà ta cần nhất là hòa bình. Truyền thống chống ngoại xâm dần dần đã khiến ta coi bạo lực như là phương cách tự nhiên để giải quyết xung đột. Ta quen tôn vinh những anh hùng có chiến công hiển hách mà coi nhẹ những cố gắng xây dựng âm thầm, nền tảng của mọi tiến bộ. Từ nay chúng ta phải nguyện rửa bạo lực và nâng hòa bình lên làm một giá trị tuyệt đối.

Chúng ta đừng lo sợ chấp nhận những giá trị mới sẽ làm ta mất đi quốc hồn quốc túy. Những giá trị này đã có sẵn trong mọi xã hội, kể cả xã hội ta, chỉ tiếc rằng ta đã không phát huy chúng một cách đầy đủ đến nỗi phải khổ nhục và thua kém như ngày nay. Chấp nhận chúng không phải là tự phủ nhận chúng ta mà chỉ có nghĩa là phát huy cái hay sẵn có trong chúng ta. Và lại, tiến lên và bắt kịp thế giới là điều kiện để chúng ta có thể tồn tại như một quốc gia và giữ được văn hóa và bản sắc dân tộc.

Trên những giá trị chung các nước phương Tây đã xây dựng nên nhiều nếp sống khác nhau tùy đặc thái riêng của mỗi nước. Xã hội Anh khác với xã hội Pháp, văn hóa Đức khác với văn hóa Ý, nước Mỹ không giống như nước Thụy Điển. Trên căn bản các giá trị mới Nhật Bản và nhiều nước Châu Á khác vẫn giữ được truyền thống của họ. Trên căn bản các giá trị tiến bộ Việt Nam cũng vẫn sẽ là Việt Nam, nhưng là một Việt Nam vinh quang hơn.

Chúng ta cần một cuộc vận động tư tưởng lớn. Giáo dục của ta, luật pháp của ta, các sinh hoạt văn hóa, xã hội, kinh tế của ta đều phải nhấn mạnh và tôn vinh các giá trị tiến bộ. Trường học ngoài sứ mệnh cốt lõi của nó là chuyên giao kiến thức, còn phải là môi trường tập quen tuổi trẻ với tinh thần bao dung, tinh thần trách nhiệm, cách suy nghĩ tự do và khách quan và lòng yêu quý đất nước, đồng bào, nhân loại và thiên nhiên. Một cố gắng đặc biệt cũng sẽ được dành cho thể dục thể thao nhằm phát huy óc khách quan, tinh thần tranh đua trong hòa bình, tinh thần thượng tôn luật pháp. Cuộc vận động tư tưởng này là cố gắng quan trọng nhất trong mọi cố gắng, bởi vì đây chính là cố gắng xây dựng nền tảng của xã hội mới. Chúng ta sẽ không chỉ chấp nhận mà còn phải có tham vọng đóng góp bổ túc và kiện toàn các giá trị phổ cập. Cuộc vận động tư tưởng này cũng sẽ giúp ta tăng cường và thăng tiến một lớp người tối cần thiết cho quốc gia nhưng chúng ta mới chỉ bắt đầu có: những trí thức chính trị, những người đầu tư thời giờ và cố gắng để hiểu rõ những vấn đề của đất nước, dám có ý kiến của mình và sẵn sàng trả giá để dẫn thân tranh đấu cho

những gì mình nghĩ là đúng cho đất nước. Họ là những người hướng dẫn quần chúng và là trí tuệ của dân tộc. Chính sự thiếu vắng thành phần trí thức chính trị này trong suốt dòng lịch sử đã khiến nước ta thua kém và trôi dạt từ sai lầm này đến thảm kịch khác.

### **5. Phát triển đất nước trên nền tảng dân chủ, kinh tế thị trường và sáng kiến cá nhân**

Điều nhức nhối nhất của chúng ta là tình trạng lạc hậu và nghèo khổ. Do đó trọng tâm của mọi cố gắng quốc gia phải là phát triển, và một cái nhìn thấu đáo về vấn đề phát triển là vô cùng quan trọng.

Một nửa nhân loại vẫn còn đang sống trong nghèo khổ, gần một phần tư đang sống trong nghèo khổ cùng cực. Cách đây hai thế kỷ, ngay tại các nước phát triển nhất, quá phân nửa dân số đã chết trước tuổi dậy thì. Phát triển như vậy là một hiện tượng rất mới tại một số nước nhờ một số điều kiện đặc biệt mà chúng ta cần nhận diện để nắm bắt.

Trước hết phải hiểu phát triển như thế nào?

Phát triển là một thay đổi liên tục và kéo dài trong thời gian, cho phép sử dụng ngày một hữu hiệu hơn tài nguyên và nhân lực, đem lại cho quốc gia lợi tức ngày một lớn hơn và cho con người cuộc sống ngày càng cao hơn về cả vật chất lẫn tinh thần.

Phát triển là một khái niệm tương đối. Một quốc gia được coi là phát triển khi đạt thành tích cao so với phần còn lại của thế giới về lợi tức bình quân trên mỗi đầu người, về giáo dục, y tế, gia cư và cơ sở hạ tầng, khi hoạt động kinh tế mạnh và hiện đại, môi trường sinh sống sạch và đẹp, các phương tiện di chuyển, thông tin, học hỏi và giải trí dồi dào.

Phát triển, ngay cả với định nghĩa trên đây, cũng không phải là tất cả. Sự thành công của một quốc gia, ngoài phát triển, còn là sự kiện mọi người gắn bó một cách tự nguyện trong cố gắng xây dựng một tương lai chung và mỗi người cảm thấy được làm chủ đời mình, được sống theo ý mình, được quý trọng trong một xã hội không đe dọa, được hưởng phúc lợi do cố gắng của mình, được bảo đảm những cơ hội thăng tiến công bình, và có lý do để tin rằng ngày mai sẽ hơn ngày hôm nay và cuộc sống của con cái mình sẽ hơn cuộc sống của mình. Đó là mục tiêu chúng ta muốn đạt tới.

Phát triển không phải chỉ là sự gia tăng tổng sản lượng quốc gia. Do đó, một mức độ tăng trưởng 5% của tổng sản lượng quốc gia với những hệ thống giáo dục và y tế hoàn chỉnh, môi trường thiên nhiên được bảo vệ và cải thiện, lợi tức được phân chia tương đối công bằng, phải được đánh giá là tốt hơn nhiều lần một tăng trưởng 15% trong đó mọi vấn đề văn hóa, xã hội và môi sinh bị bỏ rơi. Một thí dụ cụ thể là trường hợp của Trung Quốc. Mức độ tăng trưởng tuy khá cao, nhưng sự thiệt hại gây ra cho môi

trường nếu quy ra chi phí để phục hồi còn cao hơn. Sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn và sự chênh lệch giữa các vùng ngày càng trở thành báo động, thêm vào đó là một phần đáng kể dân số trở thành du mục sống vất vưởng trên các hè phố hay các khu tập trung đột xuất tại các vùng ngoại ô. Chúng ta không thể chấp nhận một tăng trưởng như thế. Chúng ta tìm kiếm một phát triển hài hòa và cân bằng, bởi vì chỉ có phát triển đó mới có thể bền vững và mới xứng đáng được coi là một mục tiêu quốc gia.

Tuy phát triển không phải chỉ là phát triển kinh tế, nhưng phát triển kinh tế là yếu tố quan trọng nhất và cũng là chìa khóa cho phát triển cân đối toàn bộ. Chúng ta là một trong những dân tộc nghèo khổ và chậm tiến nhất nên phát triển kinh tế là mục tiêu cấp bách nhất đối với chúng ta.

Cần đánh tan ngay một lần căn tai hại.

Bịp bợm chính trị lớn nhất vẫn còn tiếp tục là luận điệu cho rằng một xã hội muốn tiến nhanh cần một chế độ độc tài sáng suốt, cần đình hoãn xây dựng dân chủ và hy sinh một số tự do căn bản. Bịp bợm này đã là nguyên nhân của những tang tóc ghê gớm. Nó đã tạo ra và nuôi dưỡng các chế độ phát xít quân phiệt tại Ý, tại Đức và tại Nhật. Nó đã giúp cho phong trào cộng sản nảy sinh, phát triển và tồn tại. Nó đã tiếp tay duy trì các chế độ độc tài tại Châu Mỹ La Tinh và Châu Á trước đây. Và nó vẫn đang được dùng làm chỗ dựa lý luận của nhiều chế độ độc tài khác, trong đó có Việt Nam.

Những chế độ này đã chỉ đem lại những kết quả tồi tệ. Các chế độ độc tài tại Ý, Đức và Nhật đã tích lũy mâu thuẫn, đã bé tắc và phải lao đầu vào các cuộc chiến tự hủy. Chế độ cộng sản tại Liên Xô đã hủy hoại tài nguyên, môi trường, đã đày đọa dân chúng rồi sụp đổ. Tất cả những chế độ độc tài khác đều có một thành quả giống nhau: nghèo khổ, lạc hậu và áp bức.

Sự thực, phát triển là hệ quả của tự do và dân chủ. Nhưng vì tự nó phát triển cũng thúc đẩy và phát huy tự do dân chủ nên dễ có ngộ nhận giữa hậu quả và nguyên nhân đưa đến sự nhầm lẫn sai lầm là hãy tạm chấp nhận độc tài để có phát triển rồi sau đó phát triển sẽ đem tới dân chủ. Sự ngộ nhận này đã bị các tập đoàn độc tài khai thác.

Kinh nghiệm của các dân tộc chứng minh dân chủ và phát triển đi đôi với nhau.

Hiện tượng phát triển trên quy mô quốc gia đã bắt đầu xuất hiện tại Châu Âu và Hoa Kỳ sau khi những xã hội đặt nền tảng trên dân chủ được thành lập. Nguyên nhân đã làm nảy sinh ra phát triển là trọng lượng của nhà nước trong đời sống thường ngày được giảm nhẹ, một hiến pháp dân chủ và ổn vững được thượng tôn, luật pháp thay thế cho các quyết định tùy tiện của người cầm quyền, con người được tôn trọng và được bảo vệ, kinh tế hoạt động theo quy luật của thị trường, hoạt động kinh doanh được tôn vinh, buôn bán và trao đổi được đề cao, ý kiến và sáng

kiến được khuyến khích và tưởng thưởng, lợi nhuận được nâng lên hàng một giá trị.

Quốc gia Châu Á duy nhất đã bắt kịp các nước phương Tây ngay đầu thế kỷ 20 là Nhật đã phát triển được nhờ mau chóng chấp nhận sinh hoạt kinh tế phương Tây. Dưới cái vung thống trị của một giai cấp hiệp sĩ kiêu căng sống tách rời hẳn khỏi quần chúng, một xã hội dân chủ đã âm thầm hình thành giữa đại đa số người Nhật và đã khiến cho nước Nhật vươn lên ngay từ thế kỷ 18, rồi vươn lên mạnh mẽ từ nửa sau thế kỷ 19.

Sự kiện hai chế độ phát xít Ý và quốc xã Đức đã đem lại một số tiến bộ lúc ban đầu, và chế độ quân phiệt Nhật đã duy trì được phát triển trong vài thập niên, giúp ta nhận diện một yếu tố khác của phát triển vốn đã có trong những phát triển trước đây: đồng thuận dân tộc. Cả ba dân tộc này vào thời điểm đó đều cùng bực tức vì thua kém và đều có được những lãnh tụ đủ sức lôi cuốn để đoàn kết họ trong một cố gắng chung.

Kinh nghiệm của các nước vừa phát triển tại Châu Á cần được nhìn một cách chính xác bởi vì, trái với nhận định hời hợt của một số người và trái với giải thích gian trá của các chế độ độc tài, các quốc gia này đã phát triển được vì họ đã dân chủ hơn và tự do hơn các nước chậm tiến khác, dù có thể chưa đạt tới dân chủ trọn vẹn và đúng nghĩa.

Các nước Châu Mỹ La Tinh với tài nguyên phong phú đã quần quai trong hơn một thế kỷ rưỡi trong lạc hậu dưới các chế độ độc tài và đã chỉ vươn lên từ thập niên 1980 nhờ dân chủ.

Tại Châu Âu, ba nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Hy Lạp, vì vướng mắc vào các chế độ độc tài mà đã tụt hậu bi đát; họ đã chỉ vươn lên từ thập niên 70 nhờ vứt bỏ được ách độc tài.

Ngay cả những tiến bộ kinh tế được ghi nhận gần đây tại Trung Quốc và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ: chúng đã có được nhờ kinh tế thị trường và nhờ một mức độ tự do lớn hơn.

Kinh nghiệm của mọi dân tộc đã chứng minh: dân chủ, quyền tư hữu, kinh tế thị trường, nhà nước nhẹ là những yếu tố làm nảy sinh ra phát triển kinh tế.

Nhưng kinh nghiệm cũng cho thấy cùng những yếu tố ấy đã tạo ra những phát triển kinh tế khác nhau về vận tốc và về cường độ tại các quốc gia khác nhau, và nhiều quốc gia với điều kiện thiên nhiên bất lợi đã phát triển mạnh mẽ hơn những quốc gia khác, cũng dân chủ và còn có tài nguyên phong phú hơn nhiều. Các yếu tố tâm lý và văn hóa đã đóng góp vai trò quyết định.

Sau khi đã quan sát lịch sử của các dân tộc chúng ta cũng có thể tiếp cận hiện tượng phát triển bằng lý luận kinh tế.



Phát triển kinh tế đòi hỏi ba yếu tố vừa cần vừa đủ: con người có ước muốn kinh doanh, có thể kinh doanh, và có phương tiện để kinh doanh.

Để ước muốn kinh doanh người dân cần một bối cảnh tâm lý thuận lợi: hoạt động kinh doanh được xã hội quý trọng, ý kiến và sáng kiến được đề cao, sự chấp nhận rủi ro được tôn vinh; họ cũng cần có lý do để lạc quan tin tưởng rằng kinh doanh sẽ có lợi và lợi tức đó sẽ là của họ. Nói một cách khác, để muốn kinh doanh, cùng với một bối cảnh kinh tế lạc quan, nhà kinh doanh cần một tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh doanh và một bảo đảm chắc chắn về quyền tư hữu. Yếu tố khởi động này của phát triển giải thích tại sao các nước cộng sản đã suy sụp vì không tôn trọng quyền tư hữu. Nhưng quan trọng hơn, nó giải thích tại sao hiện tượng phát triển đã chỉ có tại một số quốc gia nhờ một tâm lý xã hội thuận lợi.

Để có thể kinh doanh, doanh nhân cần một xã hội có trật tự và an ninh, cần được luật pháp đảm bảo và được tự do hành động; họ không thể bị trói buộc bởi quá nhiều quy định, không bị gò bó trong một kế hoạch quốc gia cứng nhắc, không phải nộp thuế quá cao, không bị sách nhiễu bởi một guồng máy chính quyền tham nhũng. Chúng ta nhìn thấy ở đây sự cần thiết của một thể chế dân chủ pháp trị, của một hoạt động kinh tế thị trường thay vì kinh tế hoạch định, của một guồng máy nhà nước nhẹ. Nhưng chúng ta cũng nhìn thấy một lần nữa các yếu tố tâm lý: đạo

đức và lương thiện. Tham nhũng cũng là hậu quả của sự suy đồi của đạo đức xã hội.

Người kinh doanh dĩ nhiên cũng cần có phương tiện, nghĩa là có nguồn nhân lực cần thiết với những khả năng cần có, có một cơ sở hạ tầng tốt, có vốn đầu tư, có một hệ thống tín dụng ngân hàng đặc lực để huy động vốn luân chuyển. Vốn đầu tư chỉ là một trong những yếu tố và cũng không phải là yếu tố quan trọng nhất. Vốn có ít thì đầu tư ít, và lợi nhuận sẽ đẻ ra vốn. Và lại tư bản có trí khôn và logic riêng của chính nó, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay; ở đâu kinh doanh có lợi vốn sẽ tìm đến. Điều quan trọng hơn hết vẫn là con người, những con người thực thà, lương thiện, có kỹ năng và có tinh thần trách nhiệm. Một lần nữa yếu tố tâm lý và văn hóa là nòng cốt.

Nói chung, phát triển cần một bối cảnh tự do dân chủ và là một vấn đề chủ yếu văn hóa và tâm lý. Chính vì thế mà một số quốc gia dù tài nguyên ít ỏi, dù bị tàn phá ghê gớm vẫn vươn lên mạnh mẽ. Nước Đức và nước Nhật bại trận và tan hoang đã chỉ cần một vài thập niên để trở thành những nước phát triển nhất. Dân tộc Hà Lan chen chúc trên một mảnh đất nhỏ với tài nguyên thiên nhiên ít ỏi cũng đã xây dựng được một trong những quốc gia phồn vinh nhất thế giới. Chính vì phát triển trước hết là một vấn đề văn hóa và tâm lý mà cho tới nay nó đã chỉ giới hạn ở một số quốc gia.

Cần phân biệt tâm lý và văn hóa với trí tuệ và kiến thức. Bẩm sinh con người có khả năng trí tuệ bằng nhau hay gần bằng nhau và do đó nhờ giáo dục có thể đạt tới một trình độ hiểu biết ngang nhau. Sự khác biệt là tâm lý và văn hóa, là các giá trị được trân trọng và thể hiện trong xã hội, là óc cầu tiến, tính chấp nhận rủi ro của kinh doanh, là tinh thần trách nhiệm, là cách ứng xử trong cuộc sống tập thể.

Chúng ta cần thay đổi xã hội và con người để có phát triển.

Chúng ta cần một xã hội dân chủ, quý trọng con người, đặt lòng tin ở con người, để cho con người tự do quyết định xây dựng đời mình. Chúng ta cần một nhà nước pháp trị, có luật pháp đầy đủ và không có quá nhiều thủ tục, chúng ta cần một cơ chế thị trường thay vì một kế hoạch áp đặt.

Chúng ta cần những con người tự do, trách nhiệm, lương thiện, gắn bó vào cộng đồng, cầu tiến và thi đua chứ không ghen tức và phá hoại. Chúng ta cần những con người ham thích kinh doanh, khao khát làm giàu một cách lương thiện.

Chúng ta cần một bộ máy kinh tế hoạt động không cưỡng chế. Nhà kinh doanh phải được phép tự do hành động theo các quy luật khách quan của kinh doanh và thị trường. Liên đới xã hội là một ưu tư thường trực của một

chính quyền đứng đắn, nhưng liên đới xã hội phải được thực hiện ở khâu phân phối lợi tức quốc gia, qua thuế khóa, chứ không thể can thiệp trực tiếp vào sự điều hành hoạt động kinh doanh.

Chúng ta cũng cần một bối cảnh pháp lý, nghĩa là hiến pháp và pháp luật, ổn định để người dân có thể yên tâm xây dựng cuộc sống và lập ra những dự định cho tương lai mà không lo sợ một thay đổi luật chơi đột ngột làm hỏng dự án kinh doanh của mình.

Nhưng hiến pháp và luật pháp ổn vững không có nghĩa là chính quyền ổn vững. Sự thay đổi thường xuyên người cầm quyền trong một bối cảnh pháp lý ổn vững không hề cấm cản cảnh sát tiếp tục bảo vệ an ninh trật tự, không hề cấm cản các thẩm phán tiếp tục xử án và cũng không hề cấm cản một nhà máy tiếp tục hoạt động. Điều có thể tác hại cho sinh hoạt kinh tế là những cuộc cách mạng làm đảo lộn tất cả, là những thay đổi đột ngột luật pháp và định hướng quốc gia.

Đẩy xa lý luận hơn nữa, ta còn có thể nói những chính phủ dân chủ không có đa số áp đảo để thay đổi tùy tiện luật pháp và chính sách còn có thể là một đảm bảo cho sự ổn định bối cảnh pháp lý, và do đó có lợi cho phát triển. Một chính quyền áp đảo và nhiều quyền lực chỉ cần thiết để có thể quyết định mau chóng những thay đổi, và áp đặt một kế hoạch phát triển quốc gia. Nhưng kế hoạch quốc gia là điều chúng ta nên tránh. Kế hoạch quốc gia là một

sản phẩm duy ý chí, tàn dư của thời đại thế giới chưa đủ sáng suốt và kinh nghiệm để nhận định rằng cần để cho xã hội, qua quy luật thị trường khách quan, quyết định những gì cần làm, làm tới mức nào và làm như thế nào. Kế hoạch kinh tế là một cản trở cho phát triển mà chúng ta phải loại bỏ, điều chúng ta cần là một định hướng cho quốc gia và những dự án cho từng vấn đề, đặc biệt là những dự án xây dựng cơ sở hạ tầng. Dĩ nhiên trong một hoàn cảnh còn khó khăn và còn nhiều trở ngại cho phát triển, chúng ta cần một chính quyền có khả năng quyết định những chọn lựa cần thiết nhằm tháo gỡ những ách tắc do quá khứ để lại. Nhưng khả năng này một chính quyền dân chủ và nhẹ vẫn có thể có được nhờ thuyết phục để tạo ra đồng thuận và hậu thuẫn của quần chúng trên một số chọn lựa căn bản phải làm.

Tóm lại, để phát triển đất nước, và trước hết là phát triển kinh tế, chúng ta cần một thể chế dân chủ, một nhà nước pháp trị, một sinh hoạt kinh tế thị trường, một sự tôn trọng thành thực ý kiến và sáng kiến cá nhân, một niềm tin mạnh mẽ vào con người. Thể chế đó sẽ làm nảy nở óc sáng tạo, tinh thần cầu tiến, tinh thần trách nhiệm. Nhưng chúng ta cũng cần một cố gắng văn hóa quan trọng để thượng tôn những giá trị của tiến bộ và đưa những giá trị đó vào tâm hồn và phản xạ của mọi người. Những giá trị đó là hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, hợp tác, lợi nhuận, liên đới và môi trường.

Xây dựng một xã hội dân chủ đa nguyên, phát huy các giá trị tiến bộ, chúng ta sẽ có phát triển, đặc biệt là phát

triển kinh tế. Đó là chủ thuyết phát triển của chúng ta. Chúng ta quả quyết rằng một xã hội như thế và với những giá trị như thế dù muốn không phát triển cũng không được. Ngược lại, một xã hội không dân chủ, hoặc không có những giá trị tiến bộ thì dù muốn và cố gắng đến đâu cũng sẽ không có phát triển, hay chỉ có phát triển ở một mức độ thấp. Tài nguyên thiên nhiên và vốn đầu tư là những yếu tố thứ yếu.

Trong một chủ thuyết phát triển như thế, vai trò của nhà nước chủ yếu là gìn giữ hòa bình và trật tự an ninh, bảo đảm quốc phòng và công lý, tạo những quan hệ bang giao tốt với cộng đồng thế giới, hòa giải và trọng tài những tranh tụng của xã hội dân sự. Vai trò của nhà nước trong kinh tế sẽ được giới hạn trong ba phạm vi: thuế, chi tiêu công cộng và điều chỉnh khối lượng tiền tệ. Thuế để nhà nước có ngân sách làm nhiệm vụ của mình và bảo đảm an sinh và liên đới xã hội. Các chi tiêu công cộng để xây dựng, bảo trì và cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy, kích thích một số ngành nghề. Việc điều chỉnh khối lượng tiền tệ lưu hành, chủ yếu qua ấn định một mức lãi suất căn bản và phát hành hoặc thu hồi công trái, có ảnh hưởng trực tiếp trên giá cả, đầu tư và tăng trưởng. Trong cả ba phạm vi đó, nhà nước cũng cần hành động với tất cả dè dặt để tránh đảo lộn sinh hoạt kinh tế. Ổn định là yếu tố cốt lõi của kinh doanh. Riêng việc quản lý tiền tệ, chúng ta phải tránh trường hợp chính quyền hành động theo những yêu cầu chính trị ngắn hạn, bằng cách giao phó cho một định chế ngân hàng

trung ương xuất phát từ chính phủ nhưng không chịu sự chi phối tùy tiện của chính phủ.

Một lần nữa, nhu cầu phát triển buộc ta phải có một nhà nước hòa giải và trọng tài để cho xã hội dân sự lo việc phát triển thay vì một nhà nước chỉ huy và định đoạt thay cho xã hội dân sự. Vai trò hòa giải và trọng tài trong sinh hoạt kinh tế buộc nhà nước phải từ bỏ mọi chức năng kinh doanh. Các công ty quốc doanh không nên có, hay nếu có thì cần được coi là những bó buộc chẳng đáng đùng trong một thời gian nhất định. Trong chủ thuyết phát triển của chúng ta, nhà nước không chen lấn với xã hội dân sự, mà tập trung mọi cố gắng để làm tròn và làm tốt chức năng thực sự của một nhà nước.

## V. Những định hướng lớn của mô thức Việt Nam

Để làm lại đất nước sau sự tàn phá của chế độ cộng sản chúng ta sẽ phải đổi mới hoàn toàn hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ giữa nhà nước và người dân, quan hệ giữa nước ta và thế giới. Chúng ta cũng sẽ phải xét lại vai trò của xã hội dân sự và tầm quan trọng của giáo dục, chọn lựa những giải pháp dài hạn cho các vấn đề liên đới xã hội, môi trường và dân số.

Trên nền tảng tư tưởng vừa được trình bày chúng ta sẽ làm lại đất nước theo những định hướng lớn sau đây.

### 1. Lấy tự do làm động lực để phát huy óc sáng tạo và tinh thần cầu tiến

Dân tộc ta có truyền thống giữ nước vẻ vang, nhưng bù lại ta cũng đã mất quá nhiều thời giờ và nghị lực cho cố gắng chống ngoại xâm. Trong những tranh đấu cam go ấy ta luôn luôn phải đề cao kỷ luật và sự nhất trí, luôn luôn phải gác lại những tranh cãi để đương đầu với những vấn đề cấp bách. Lịch sử chật vật ấy một mặt khiến chúng ta có khả năng thích nghi cao với điều kiện sinh sống nhưng mặt khác cũng làm ta dần dần mất đi cái nhìn dài hạn, sáng kiến, óc phát minh và tinh thần mạo hiểm.

Chúng ta có một bờ biển dài và một đại dương hiền hậu, nhưng biển cả hầu như không có một tiếng gọi nào với chúng ta cả. Chúng ta đã thiếu hẳn quyết tâm chinh phục và tận dụng đại dương. Chúng ta không có kỹ thuật



đóng tàu và đi biển, không có đội thương thuyền, không có những nhà hải hành lớn. Cho tới gần đây chúng ta đã chỉ sống với đất như một dân tộc lục địa. Chúng ta đã hài lòng với khuôn mẫu Khổng Mạnh từ đời này qua đời khác mà không ý thức rằng văn hóa Khổng Giáo là một văn hóa nô lệ làm thui chột trí tuệ và tha hóa con người, trước hết là trí thức. Khuôn mẫu độc đoán và hà khắc đó, sau khi đã cho phép chúng ta đạt những thành tựu ban đầu, đã bắt chúng ta dẫm chân tại chỗ trong nhiều thế kỷ tiếp theo.

Óc phê phán và sáng tạo, tinh thần mạo hiểm và cầu tiến là những điều chúng ta phải học và tập quen. Muốn như thế chúng ta phải khuyến khích và tôn vinh tự do suy nghĩ và phát biểu. Chúng ta cần nâng lên hàng một nguyên tắc là trong nước Việt Nam tương lai sẽ không thể có những vấn đề cấm bàn đến và cũng không thể có những ý kiến cấm nêu ra. Không một người Việt Nam nào có thể bị trừng phạt vì lời sống của mình hay vì những gì mình phát biểu, trừ trường hợp trực tiếp kêu gọi bạo lực.

## **2. Phát huy lòng yêu nước tự nguyện**

Trong gần suốt dòng lịch sử chúng ta đã chỉ sống dưới những chế độ quân chủ tuyệt đối coi đất nước là của riêng một dòng vua, khi không bị ngoại thuộc. Lòng yêu nước của chúng ta vì vậy không có điều kiện để phát triển. Khi ý niệm quốc gia như là của mọi người và phải được sự đóng góp của mọi người xuất hiện, do hậu quả của một di sản trong đó vua là trời và dân là nô lệ, nó đã mau chóng

bị tuyệt đối hóa. Tổ quốc trở thành thiêng liêng, tối thượng, không có trách nhiệm nào và không chấp nhận một đòi hỏi nào. Tổ quốc đó đã được dùng làm chiêu bài cho quá nhiều tội ác. Chiến tranh, tang tóc, thất vọng, sự chịu đựng quá lâu một chế độ độc tài vừa tồi đở vừa bạo ngược, mặc cảm thua kém các dân tộc khác làm cho lòng yêu nước của chúng ta bị tổn hại trầm trọng. Chính vì lòng yêu nước không mạnh mà chúng ta đã để cho Đảng Cộng Sản, một đảng mà lý tưởng là phục vụ cho một phong trào quốc tế thay vì đất nước và tôn sùng một chủ nghĩa chủ trương xóa bỏ quốc gia, lôi kéo được một số đông đảo đồng bào và không chế chính trường. Chính vì ý chí và lòng yêu nước đã hao mòn mà ngày nay chúng ta đã không phản ứng đủ quyết liệt trước một chế độ độc tài đảng trị coi đất nước là của riêng mình như các vua chúa ngày xưa, trong khi cả nhân loại đang tiến về dân chủ và chính chúng ta cũng biết đất nước rất cần dân chủ.

Nhưng chúng ta là người Việt Nam, và tương lai của chúng ta gắn liền với tương lai của đất nước Việt Nam. Chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Và để xây dựng tương lai chung đó, lòng yêu nước vẫn là mẫu số chung bắt buộc. Chúng ta cần một sức bật mới của lòng yêu nước. Chúng ta cần phục hồi và phát minh lại lòng yêu nước.

Chúng ta cần xác định lòng yêu nước như một tình cảm tự nguyện của những con người tự do, ràng buộc mật thiết với nhau để xây dựng một tương lai chung cho mình

và cho con cháu. Chúng ta cần để cho mỗi người yêu nước theo cách của mình, chúng ta không thể để cho lòng yêu nước bị đồng hóa với sự tán thành một chủ nghĩa. Chúng ta cần hòa giải người Việt Nam với đất nước. Chúng ta cần một tổ quốc hiền hòa thay vì dữ tợn, một tổ quốc có trái tim thay vì có nanh vuốt, một tổ quốc đáng yêu thay vì đáng sợ và đáng ghét, một tổ quốc khuyến khích thay vì cấm đoán, một tổ quốc có trách nhiệm và gần gũi với mọi người thay vì quá thiêng liêng đến nỗi trở thành trù tượng và xa cách, một tổ quốc của nhân quyền và dân quyền.

Muốn như thế chính quyền, người đại diện và hành động nhân danh tổ quốc, phải là một chính quyền lương thiện, khiêm tốn, cần kiệm và tận tụy, quý trọng từng người dân và để cho mỗi người thấy rõ ràng mình được quý trọng. Chính quyền ấy sẽ hóa giải mọi hận thù, sẽ nhân danh sự liên tục quốc gia để xin lỗi, phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại cho mọi nạn nhân của những oan ức. Chính quyền ấy sẽ thường trực cảnh giác để không một thành phần dân tộc nào cảm thấy bị bỏ rơi. Chính quyền ấy sẽ không bắt ai phải yêu nước, trái lại sẽ dồn mọi cố gắng tạo điều kiện để mọi người có thể yêu nước.

Cùng với dân chủ, tự do, ý kiến và sáng kiến, nhưng trên tất cả, lòng yêu nước sẽ là một vũ khí chủ yếu giúp chúng ta chấp nhận di sản mà Đảng Cộng Sản để lại và nắm tay nhau cùng chinh phục tương lai.

### 3. Tôn trọng và phát huy xã hội dân sự

Mọi quốc gia văn minh đều phải đặt nền tảng trên xã hội dân sự. Một trong những lý do chính khiến chúng ta tụt hậu bị đật so với các nước khác là sự thiếu vắng một xã hội dân sự đúng nghĩa. Xã hội dân sự là toàn thể các giáo hội, hiệp hội, câu lạc bộ, các tổ chức thiện nguyện, các nghiệp đoàn, hợp tác xã, công ty, doanh nghiệp. Nói chung, đó là tất cả các kết hợp của người dân, được thành lập ngoài chính quyền để cùng theo đuổi một số mục đích chung và không nhằm tranh giành quyền lực chính trị.

Ý niệm xã hội dân sự đã xuất hiện cùng một lúc với các xã hội văn minh; trong nhiều ngôn ngữ phương Tây cụm từ xã hội dân sự cũng có nghĩa là xã hội văn minh. Đó là những sợi dây chằng chịt gắn bó những con người với nhau và gắn bó con người với xã hội. Những sợi dây nối kết đan xen đó tạo ra sự phong phú và bền chắc của quốc gia. Các kết hợp công dân tạo thành xã hội dân sự cũng là những cái nôi cho ý kiến, sáng kiến và tiến bộ. Một xã hội dân sự mạnh bảo đảm các ý kiến mới được nảy sinh nhanh chóng, các mâu thuẫn được phát hiện và giải quyết kịp thời, xã hội không ngừng tiến hóa trong hòa bình và trật tự. Quan trọng hơn, một xã hội dân sự lành mạnh còn đem lại điều mà ta có thể gọi là phép màu của sự kết hợp. Đó là hiệu ứng vượt trội, nghĩa là hiện tượng một kết hợp có thể làm nảy sinh những đặc tính và khả năng hoàn toàn mới không hề có trong các thành tố cấu tạo. Thí dụ như sự kết hợp của các hạt cơ bản trong những điều kiện đặc biệt khác

nhau đã tạo ra các nguyên tử; đến lượt các nguyên tử kết hợp với nhau tạo ra các phân tử, rồi các phân tử kết hợp với nhau làm nảy sinh sự sống. Hay sự chuyển động phối hợp của các nơ-ron tạo ra tình cảm và ý kiến. Các chế độ độc tài, nhất là độc tài cộng sản, trong khi bóp nghẹt xã hội dân sự đã làm mất đi của các dân tộc khả năng vượt trội này. Có thể đây là lý do giải thích sự hơn hẳn của các xã hội dân chủ so với các chế độ độc tài.

Trong mô hình xã hội của dự án chính trị này, xã hội dân sự sẽ được trân trọng và khuyến khích, hơn thế nữa còn được giao phó một vai trò quan trọng là thực hiện liên đới xã hội, giúp đỡ và bênh vực những người yếu kém và thiếu may mắn.

Mọi kết hợp đều tạo ra sức mạnh. Sức mạnh của xã hội dân sự là sức mạnh tổng hợp, nhưng không bao giờ thống nhất, của các kết hợp công dân có khi cùng hướng với nhau, có khi biệt lập với nhau và cũng có khi đối chọi với nhau. Sức mạnh của xã hội dân sự từng lúc và từng cơ hội hòa nhập với nhà nước hay đối lập với nhà nước, nhưng lúc nào cũng ảnh hưởng trên nhà nước và không bao giờ có tham vọng tranh quyền với nhà nước bởi vì nó không có và không thể có tham vọng chính trị.

Xã hội dân sự đảm bảo sự năng động của xã hội và đồng thời cũng bảo đảm tự do, dân chủ, nhân quyền, ngăn chặn mọi ý đồ độc tài chuyên chính. Mọi chế độ độc tài bạo ngược đều nhắm trước hết tiêu diệt xã hội dân sự. Bản

chất của các chế độ độc tài là dựa trên một thiểu số để khống chế một xã hội phân hóa. Các bạo quyền không cần dân chúng tin yêu mình mà chỉ cần người dân đừng gắn bó với nhau để không có sức đề kháng. Không gì thỏa mãn các tập đoàn độc tài hơn là sự thờ ơ và vô cảm của một quần chúng bất lực vì chia rẽ.

Triết lý của một chế độ dân chủ, trái lại, coi xã hội dân sự là thành tố áp đảo và nền tảng của quốc gia; vì thế vai trò của nhà nước là làm cho các kết hợp công dân ngày càng đông đảo, không ngừng tiến lên và mạnh lên để đóng góp tích cực cho sự phồn vinh của xã hội. Nhà nước dân chủ đa nguyên tự coi mình là công cụ của xã hội dân sự với sứ mệnh bảo đảm hoạt động lành mạnh của xã hội dân sự, để xã hội dân sự tạo hạnh phúc cho các công dân. Đó không phải là một sự từ nhiệm mà là một triết lý chính trị mới của một chính quyền đủ tự tin để đặt lòng tin vào các công dân. Trong quan hệ với xã hội dân sự, nhà nước dân chủ đa nguyên tự coi mình là người trọng tài, phối hợp và thể hiện những nguyện vọng của xã hội dân sự. Nhà nước phục vụ chứ không khống chế xã hội dân sự.

Sẽ không thể có một cản trở nào cho sự thành lập và phát triển của các kết hợp công dân. Đặc biệt các hiệp hội không có mục đích lợi nhuận sẽ chỉ cần khai báo sự thành lập chứ không cần giấy phép hoạt động. Các hiệp hội có mục đích văn hóa, xã hội còn có quyền đòi hỏi nhà nước giúp đỡ.

#### **4. Xác định Việt Nam là đất nước xây dựng trên các cộng đồng**

Đất nước ta tuy có một lịch sử dài nhưng lại là một đất nước mới. Miền Trung mới hội nhập xong từ thế kỷ 17, miền Nam từ thế kỷ 18. Nước ta đã tiếp nhận rất nhiều đóng góp mới về đất đai và chủng tộc. Tuy vậy tổ chức của ta lại không thích nghi với những thay đổi đó và vẫn được quan niệm một cách sai lầm như là đất nước của một cộng đồng duy nhất: cộng đồng người Kinh. Lịch sử của ta là lịch sử của người Kinh. Văn hóa của ta là văn hóa của người Kinh. Các quan niệm về đạo lý, xã hội, luật pháp đều dựa trên người Kinh và chủ yếu nhằm phục vụ cho người Kinh. Có lẽ là quá trình mở nước và giữ nước khó khăn của ta đã không cho ta thời giờ và phương tiện để suy nghĩ một cách nghiêm túc về một chính sách cộng đồng, nhưng phải nói thực là chúng ta rất thiếu sót về điểm này. Trong suốt dòng lịch sử, trừ một vài ngoại lệ ít ỏi, người Kinh hầu như chưa hề nhìn nhận một trách nhiệm nào đối với các sắc tộc ít người mà chỉ áp đặt khuôn mẫu của mình, nếu cần bằng bạo lực. Tình trạng này nếu không được nhận định rõ rệt để kịp thời có chính sách thỏa đáng có thể dẫn tới những hậu quả rất tai hại, nhất là trong bối cảnh thế giới hiện nay và sắp tới. Nhiều quốc gia đang và sẽ còn phải khốn đốn vì những cuộc nổi dậy cuồng nhiệt của các sắc tộc ít người vùng lên đòi bản thể. Nếu chúng ta không cảnh giác để cho tình trạng này xảy ra thì hai vùng rộng lớn của

đất nước là miền núi phía Bắc và miền Cao Nguyên Trung Phần có thể trở thành bất ổn và không phát triển được.

Các cộng đồng đều phải được tôn trọng như nhau trong một đất nước Việt Nam được định nghĩa như là đất nước của các cộng đồng. Cộng đồng người Việt gốc Khmer đã sống từ ngàn xưa tại miền Nam, cộng đồng người Việt gốc Hoa đã góp công lớn khai mở ra miền Nam phải được coi là những người Việt Nam trọn vẹn trước luật pháp cũng như trong tình cảm dân tộc.

Quốc gia Việt Nam phải gạt bỏ hẳn ý đồ đồng nhất hóa để mưu tìm đồng tiến trong dị biệt. Chúng ta phải khẳng định rằng đất nước Việt Nam không được định nghĩa bằng một chủng tộc mà bằng sự chấp nhận xây dựng và chia sẻ một tương lai chung.

Ngày nay người Kinh đã chiếm đa số trên khắp lãnh thổ, giải pháp thành lập những vùng tự trị cho các sắc tộc không còn khả thi nữa, nhưng tản quyền sẽ cho phép các sắc tộc có tiếng nói đáng kể trong các chính quyền địa phương. Văn hóa, ngôn ngữ của các sắc tộc ít người phải được coi là thành phần của văn hóa Việt Nam mà nhà nước có nhiệm vụ gìn giữ. Lịch sử Việt Nam cũng phải được xét lại và được coi như lịch sử của các sắc dân đã hợp lại để tạo thành đất nước Việt Nam.

Tinh thần tôn trọng các cộng đồng cũng phải được mở rộng ra tới các cộng đồng tôn giáo, các cộng đồng tư



tưởng, các cộng đồng nghề nghiệp và các cộng đồng không thành hình thái do nếp sống khác nhau của từng địa phương mà có. Các cộng đồng này phải được đảm bảo chỗ đứng và tiếng nói trong sinh hoạt quốc gia.

Kể từ ngày 30-4-1975 chúng ta lại có thêm một cộng đồng quan trọng mới: cộng đồng người Việt hải ngoại. Những người Việt Nam này đã phải bỏ nước ra đi vì không thể chịu đựng những biện pháp hạ nhục, trù dập và phân biệt đối xử. Đất nước Việt Nam phải mở rộng vòng tay và tấm lòng đối với họ. Họ phải được nhìn nhận quyền công dân tức khắc và trọn vẹn, cho họ cũng như cho con cái sinh ra tại nước ngoài.

Sự hình thành của cộng đồng Việt Nam hải ngoại là một yếu tố rất mới và một may mắn lớn cho đất nước. Nhờ cộng đồng này người Việt Nam đã làm quen được với mọi nếp sống và mọi nền văn minh, đã thử nghiệm mọi khuôn mẫu tổ chức xã hội, đã len lỏi vào mọi bộ môn khoa học kỹ thuật. Cộng đồng này, một khi nối lại được quan hệ bình thường với đất nước, sẽ là một bảo đảm rằng Việt Nam sẽ là một nước cởi mở, sẽ rũ bỏ được mọi cố chấp và thành kiến, sẽ vĩnh viễn ra khỏi ngõ cụt cố chấp. Cộng đồng này tuy chưa đông đảo và còn cần được tăng cường nhưng có tiềm năng đóng góp lớn cho đất nước. Người Việt hải ngoại sẽ là những đầu cầu khoa học, kỹ thuật, văn hóa, thương mại vô cùng quý báu mà nhà nước Việt Nam không có phương tiện để tạo ra. Kinh nghiệm cho thấy rằng các quốc gia phát triển mau chóng trong những năm gần đây đều đã

nhờ sự đóng góp của một cộng đồng hải ngoại hùng mạnh. Bất cứ một nhà nước Việt Nam khôn ngoan nào cũng phải khuyến khích liên lạc giữa trong và ngoài nước, nhìn nhận một thực thể Việt Nam Hải Ngoại và tìm mọi sáng kiến để cộng đồng Việt Nam hải ngoại ngày một lớn hơn, mạnh hơn.

### **5. Dứt khoát chọn lựa một nền kinh tế thị trường lấy tư doanh làm nền tảng**

Kinh nghiệm thế giới trong nhiều thập niên qua đã chứng tỏ rằng các chính sách kinh tế tập thể, quốc doanh đều dẫn đến thất bại. Kinh nghiệm cũng đã cho thấy rằng thị trường tự do là hướng dẫn chính xác nhất cho sản xuất và là bảo đảm chắc chắn nhất cho một sự phân phối hiệu nghiệm. Chọn lựa kinh tế phải có cho Việt Nam là một nền kinh tế thị trường, lấy xí nghiệp tư làm nền tảng, lấy óc kinh doanh và sáng kiến làm sức mạnh, lấy tinh thần cầu tiến và làm giàu làm động cơ, lấy lợi nhuận làm phần thưởng và chất kích thích.

Chọn lựa ấy có nghĩa là nhà nước sẽ không làm những gì mà tư doanh có thể làm được. Vai trò kinh tế chủ yếu của nhà nước là bảo đảm sự ổn vững của đồng tiền, ngăn ngừa những cạnh tranh bất chính, đầu tư vào những ngành nhiều triển vọng mà tư nhân chưa dám hoặc chưa đủ khả năng đầu tư, đảm nhận một số công trình khảo cứu, nghiên cứu và dự phòng cần thiết. Nhà nước cũng có chức năng cảnh giác trước những khuynh hướng kinh doanh có

hại và khuyến khích những hoạt động kinh tế có lợi, nhưng nhà nước thực hiện chức năng này chủ yếu bằng thông tin và nâng đỡ chứ không phải bằng mệnh lệnh và cấm đoán. Nhà nước sẽ dồn mọi cố gắng bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ trật tự an ninh, bảo vệ công lý, bảo vệ môi trường sinh sống, phát huy các mối bang giao quốc tế có lợi, xây dựng và củng cố đồng thuận dân tộc, nghĩa là làm đúng chức năng của một nhà nước.

Để làm trọn chức năng đó và bảo đảm sinh hoạt kinh tế thị trường lành mạnh nhà nước phải liên tục nỗ lực xây dựng một hệ thống luật pháp đúng đắn trên tinh thần thực nghiệm, bắt đầu từ những căn bản đúng đắn và không ngừng được bổ sung dựa trên những án lệ.

## **6. Tiến tới một nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ**

Với đất đai canh tác tuy ít nhưng phì nhiêu, Việt Nam có tiềm năng nông nghiệp đáng kể. Nông nghiệp trong ngắn hạn là đòn bẩy cho sự hồi sinh và là điểm khởi đầu của phát triển kinh tế. Do đó nông nghiệp là trọng tâm kinh tế tức khắc của chúng ta và cũng sẽ còn là trọng tâm kinh tế của chúng ta trong một thời gian khá dài.

Tuy nhiên, vì đất đai chật hẹp và dân số đông đảo, Việt Nam không thể tiếp tục là một nước nông nghiệp. Ngược lại vị trí của ta thuận lợi, nhân lực của ta dồi dào và tinh nhuệ. Chức năng tự nhiên của chúng ta là chức năng

của một quốc gia công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ và hàng hải. Chúng ta phải chuẩn bị ngay từ bây giờ cho tương lai đó, nhất là sự chuyển hóa đó cho phép biến nhiều vùng núi không thể sử dụng cho nông nghiệp thành diện tích sinh hoạt, nghĩa là còn có tác dụng mở rộng đất nước trên thực tế.

Mục tiêu kinh tế của chúng ta trong hai mươi năm tới là chuyển hóa từ một nền kinh tế nông nghiệp sang một nền kinh tế công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ. Điều này có nghĩa là trọng lượng của nông nghiệp trong tổng sản lượng quốc gia cũng như trong phối trí nhân lực sẽ giảm dần đi. Bước đầu của cố gắng chuyển hóa này là phát triển -và nâng thật cao phẩm chất- những ngành công nghiệp gắn bó với nông nghiệp như công nghiệp thực phẩm, chế tạo phân bón, thuốc trừ sâu, nông cơ, v.v. song song với cố gắng tìm thị trường xuất khẩu cho nông phẩm. Một mục tiêu quốc gia của giai đoạn chuyển hóa này là thực phẩm Việt Nam được thế giới biết đến như là có phẩm chất siêu cao, nông cụ và nông cơ Việt Nam vô địch về tỷ lệ phẩm chất/giá.

Ngoài những cố gắng dồn vào những ngành mà triển vọng đã thấy rõ như ngư nghiệp, du lịch, chúng ta sẽ đặc biệt chú trọng tới hai triển vọng mới là dịch vụ thương cảng và tin học. Cả hai ngành này đều đòi hỏi một chính sách mở cửa trọn vẹn, thẳng thắn ra thế giới bên ngoài.

Do vị trí và bờ biển thuận lợi của ta, Việt Nam có thể có những thương cảng rất lớn. Chúng ta sẽ sẵn sàng ký những hợp đồng xây dựng và khai thác dài hạn một số thương cảng với các tổ hợp nước ngoài. Nhưng điều quan trọng để thu hút những dịch vụ thương mại quốc tế là tình hình trật tự an ninh phải ổn định, thể chế chính trị phải cởi mở, chính quyền phải lương thiện và hệ thống viễn thông phải hoàn chỉnh.

Người Việt Nam ta khá có khiếu về ngành tin học. Đây là một ngành còn nhiều tiềm năng phát triển và còn cần rất nhiều chuyên viên với giá cao. Tin học nếu được sử dụng đúng đắn cũng là dụng cụ quản lý khách quan cho phép loại trừ nhiều nguyên nhân đưa tới tham nhũng. Nước ta hiện đang có rất nhiều nhu cầu tin học hóa khu vực công có hy vọng được các định chế quốc tế tài trợ. Chúng ta có thể lấy việc thực hiện các dự án này làm bàn đạp để đào tạo một đội ngũ chuyên viên tin học giỏi và cập nhật về kỹ thuật. Triền vọng càng cao vì các tiến bộ về truyền thông ngày càng cho phép thực hiện những hợp đồng tin học trên khắp thế giới mà không cần xuất ngoại.

Nhà nước phải lấy làm mục tiêu nối kết mọi gia đình vào mạng lưới Internet để sử dụng tối đa mạng lưới này như một phương tiện thông tin, học hỏi, trao đổi và mua bán.

Chúng ta sẽ không thiết lập các khu kinh tế với quy chế đặc biệt như kiểu "khu chế xuất" mà sẽ dành mọi

khuyến khích và dễ dãi cho các hoạt động kinh tế trên cả nước, với một luật kinh doanh chung cho toàn lãnh thổ.

Đất nước ta may mắn là một quốc gia duyên hải, các vùng đông dân đều không xa bờ biển và cũng không xa các cảng tốt. Dựa vào ưu thế đó chúng ta sẽ thiết lập các khu công nghiệp trải đều trên khắp lãnh thổ. Chính sách này đòi hỏi một đầu tư quan trọng cho cơ sở hạ tầng, giao thông và truyền thông nhưng bù lại sẽ tiết kiệm được những tổn kém còn quan trọng hơn về di dân, và đồng thời cũng tránh được nạn nhân mãn tại các thành phố lớn mà các quốc gia đang mở mang đều gặp. Cần nhấn mạnh rằng mọi chính sách tương lai đều hoàn toàn không mang tính cưỡng bách. Tái phối trí dân số và lực lượng lao động là hiện tượng thường trực và tự nhiên trong mọi quốc gia, nhất là tại các quốc gia đang phát triển, nhưng cách hay nhất vẫn là để người dân toàn quyền chọn lựa nghề nghiệp và nơi sinh sống sau khi được thông tin đầy đủ về các cơ hội. Đó là phương thức để trí tuệ cá nhân và sách lược quốc gia bổ túc cho nhau và điều chỉnh lẫn nhau.

Điều kiện thành công của cuộc chuyển hóa trọng đại này là phải có quan hệ tốt với mọi quốc gia, nhất là các nước phát triển, và được chấp nhận trọn vẹn trong những khối hợp tác lớn, như khối Hợp Tác Xuyên Thái Bình Dương.

## 7. **Đẩy mạnh sự phát triển của thị trường nội địa**

Chúng ta sẽ lấy thị trường trong nước làm bàn đạp để tiến lên. Với gần 100 triệu dân, nước ta là một thị trường rất lớn và sự trao đổi giữa những người Việt Nam với nhau tự nó đã là một động cơ kinh tế vô cùng quan trọng. Trong bất cứ một nền kinh tế nào, ngay cả trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, trừ trường hợp rất đặc biệt của các nước xuất khẩu dầu lửa, thị trường nội địa bao giờ cũng quan trọng hơn hoạt động xuất nhập cảng. Thị trường nội địa vừa quan trọng về khối lượng, vừa là nơi thử nghiệm cho hàng xuất khẩu, lại vừa là kho trái độn cần thiết để đương đầu với những biến thiên của thị trường quốc tế. Thị trường nội địa có mạnh thì hoạt động xuất cảng mới phát triển được. Thị trường nội địa sẽ được kích thích do sự giải tỏa mọi cưỡng chế về kinh doanh và sự thúc đẩy những chương trình công cộng quan trọng. Các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp thực phẩm, dệt, may mặc, sản xuất đồ gia dụng, vật liệu xây dựng, vật dụng thiết bị và trang trí nội thất sẽ là những bàn đạp đầu tiên cho thị trường nội địa của ta.

Phát triển thị trường nội địa phải đi đôi với phát triển kinh doanh nội địa. Chúng ta không có những nhà tư bản lớn cho nên cần tích cực thúc đẩy, nâng đỡ và khuyến khích các xí nghiệp cá nhân và các công ty tầm cỡ nhỏ, giúp họ phát đạt và gia tăng tầm vóc, dần dần trở thành những nhà tư bản lớn.

Một bất buộc khẩn cấp của chính sách phát triển thị trường nội địa là phải tu sửa và tăng cường hệ thống đường giao thông và truyền thông, các phương tiện chuyên chở và truyền tin.

## **8. Không ngừng cảnh giác củng cố liên đới xã hội**

Trong các nhiệm vụ của nhà nước dân chủ đa nguyên, nhiệm vụ trọng yếu nhất là bảo đảm liên đới xã hội. Trong căn bản triết học của nó, chủ nghĩa đa nguyên tôn trọng mọi thành phần trong xã hội, do đó nó không chấp nhận để một thành phần bóc lột và chà đạp một thành phần khác. Chúng ta tôn vinh lợi nhuận như một giá trị và tìm kiếm lợi nhuận chủ yếu là để có phương tiện thực hiện liên đới xã hội. Và lại, một dân tộc không có liên đới thì không còn là một dân tộc. Chúng ta không thể bỏ rơi những người yếu kém, sa cơ lỡ bước, như một xã hội văn minh không thể từ khước một cái nạng cho người thương tật. Chúng ta nhìn nhận sự bình đẳng về quyền và nhân phẩm của mỗi con người trong xã hội và chúng ta cần dành những phương tiện để thực hiện sự bình đẳng đó.

Liên đới xã hội là điều kiện bất buộc để giữ gìn sự bền chắc của nền tảng xã hội, bảo đảm sự tham gia tích cực và phấn khởi của mọi người vào tương lai đất nước, tránh những xung đột có thể làm gãy đổ đà tiến của dân tộc về tương lai và đưa đến bạo loạn.



Trong thực tế, phát triển kinh tế thường đẻ ra và làm trầm trọng thêm những chênh lệch trong xã hội. Nhiệm vụ trọng yếu của nhà nước là ngăn chặn và làm giảm thiểu những nguyên nhân căng thẳng mà sự phát triển, vì không thể nào hoàn toàn cân đối, chắc chắn sẽ đem lại.

Liên đới xã hội đòi hỏi một cố gắng bền bỉ và thận trọng trong việc phân phối lợi tức quốc gia nhằm bênh vực những thành phần yếu kém.

Liên đới xã hội đòi hỏi một hệ thống bảo trợ xã hội đảm bảo những nhu cầu tối thiểu về thực phẩm và sức khỏe cho mọi người.

Liên đới xã hội đòi hỏi một hệ thống giáo dục và đào tạo phổ cập và liên tục đảm bảo những cơ hội thăng tiến đồng đều cho mọi công dân.

Nhìn một cách ngắn hạn liên đới xã hội có thể là một gánh nặng cho quốc gia và một trở ngại cho phát triển kinh tế nhưng, nhìn một cách dài hạn hơn và sáng suốt hơn, nó là một bắt buộc để đà phát triển kinh tế có thể tiếp tục. Liên đới xã hội cũng là điều kiện tối cần thiết để đảm bảo tình tự dân tộc và sự gắn bó của quốc gia.

Nhà nước dĩ nhiên đảm nhận nhiệm vụ thực hiện liên đới xã hội. Nhưng nhà nước cũng sẽ đặc biệt khuyến khích xã hội dân sự, qua các tổ chức thiện nguyện, góp phần tích cực vào công tác trọng đại đó. Một phần ngân sách xã hội sẽ được sử dụng qua ngã xã hội dân sự. Các tổ chức thiện

nguyện sẽ được tài trợ, trong một tỷ lệ theo khả năng ngân sách, so với nguồn tài nguyên mà họ đã đóng góp từ quần chúng cho các công tác xã hội.

Việc tham gia tích cực của xã hội dân sự vào cố gắng thực hiện liên đới xã hội vừa có tác dụng vận động sự đóng góp -tình cảm cũng như vật chất- của quần chúng vừa có hiệu lực đặc biệt về mặt tinh thần. Trước một văn phòng cứu trợ xã hội của nhà nước người cần được giúp đỡ có thể chỉ gặp một công chức, nhưng tại một cơ quan thiện nguyện họ gặp một người tình nguyện làm công tác xã hội vì niềm tin, họ gặp một người và một tấm lòng, sợi dây liên đới xã hội và tinh thần phấn đấu vượt qua trở ngại chỉ có thể mạnh thêm.

Công bằng xã hội tuyệt đối là điều không thể có. Điều quan trọng là nhà nước coi liên đới xã hội là ưu tư thường trực. Liên đới xã hội vừa cần thiết vừa tế nhị, chúng ta phải gìn giữ nó thật cẩn trọng, coi nó như một cuộc chiến đấu giữ nước.

Tuy nhiên chúng ta cần khẳng định rằng liên đới xã hội là nhiệm vụ của nhà nước với sự hợp tác của xã hội dân sự chứ không phải là trách nhiệm của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp ngoài bốn phạm tôn trọng nhân phẩm của công nhân, tôn trọng luật pháp của nhà nước và tôn trọng những hợp đồng đã ký kết với các công nhân, chỉ có chức năng tạo ra lợi nhuận để đóng góp vào sự giàu mạnh của xã hội và để nộp thuế cho nhà nước, để nhà nước có tài

nguyên bảo đảm liên đới xã hội. Chúng ta khẳng định rằng liên đới xã hội không thể can thiệp vào hoạt động kinh tế và trở thành một trở ngại cho các doanh nghiệp.

## **9. Theo đuổi một "chủ nghĩa nước nhỏ"**

Chúng ta hiện nay là một nước rất thua kém, yêu cầu cấp bách nhất của chúng ta là phát triển, bắt kịp các nước mở mang. Do đó chính sách căn bản của Việt Nam trong giai đoạn này phải là chính sách mà ta có thể gọi là một "chủ nghĩa nước nhỏ".

Chủ nghĩa nước nhỏ là gì? Nói một cách giản dị, đó là nhấn nhục hôm nay để lớn mạnh ngày mai.

Về mặt đối nội, chủ nghĩa nước nhỏ có nghĩa là chúng ta sẽ không chia rẽ và xung khắc với nhau về những chủ thuyết cao siêu, sẽ cùng nhau khiêm tốn nhận diện tình trạng thua kém của đất nước, sẽ quý trọng, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau để cùng dắt tay nhau ra khỏi bế tắc. Nhà nước sẽ từ chối những chỉ tiêu có tính huênh hoang gây thanh thế để tập trung mọi tài nguyên và sinh lực cho cố gắng ra khỏi tình trạng thua kém. Nhà nước sẽ trân trọng bảo vệ và gìn giữ những thành quả ít ỏi đã đạt được. Nhà nước sẽ đặt trọng tâm vào giáo dục và đào tạo, và sẽ đầu tư vào một nền giáo dục thực dụng trước tiên.

Về mặt đối ngoại, chúng ta sẽ không tranh giành một vai trò quốc tế nào, sẽ không có thái độ trong những tranh chấp quốc tế trừ khi để bênh vực nhân quyền, lẽ phải, đạo

đức và công pháp quốc tế. Chúng ta sẽ cố gắng tạo một hình ảnh hiền hòa, khiêm tốn để được cộng đồng quốc tế chấp nhận như một quốc gia có thể giao thương được, sẽ dứt khoát không can dự vào một xung đột quốc tế nào. Tuy vậy khiêm tốn không đồng nghĩa với chấp nhận lệ thuộc. Chúng ta sẽ xét lại những thỏa hiệp mà chính quyền cộng sản đã ký với nước ngoài và bãi bỏ những thỏa hiệp hoặc có tính lệ thuộc hoặc xúc phạm chủ quyền và lợi ích dân tộc, trước hết là những thỏa hiệp dâm dúi mà nhân dân Việt Nam không được thông báo.

Điều đáng lo ngại hiện nay là chúng ta đang sống trong một khu vực có nhiều khả năng gây ra căng thẳng, thậm chí xung đột. Chúng ta coi sự hiện diện quân sự tích cực của Hoa Kỳ trong vùng là một yếu tố cần thiết để bảo đảm hòa bình và ổn vững, và chúng ta sẽ khuyến khích sự hiện diện đó.

Chúng ta coi hợp tác với Hoa Kỳ, Nhật và các nước dân chủ là một phúc lợi lớn không những mở ra cho ta những thị trường lớn, đem lại những chuyển giao khoa học kỹ thuật quý báu mà còn giúp ta tiếp thu cách tổ chức, suy nghĩ và làm việc của các xã hội tiên tiến. Chúng ta sẽ thành thực hợp tác với họ và học hỏi nơi họ.

Với một chính sách đối ngoại khiêm tốn và hòa bình chúng ta sẽ không cần một quân lực đông đảo. Với một chính sách đối nội tôn trọng mọi quyền tự do và dựa trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, chúng ta sẽ không

cần một bộ máy an ninh đồ sộ. Quân đội và cảnh sát vì vậy sẽ được giảm tới mức tối thiểu, nhưng đầy đủ, để làm tròn nhiệm vụ của những công cụ phi chính trị bảo vệ lãnh thổ, môi trường và trật tự an ninh.

Tinh thần của chủ nghĩa nước nhỏ là nhìn nhận sự thua kém của mình và động viên tất cả tài nguyên và sinh lực để đưa đất nước đi lên. Với dân số đông đảo và những con người cần mẫn, lại được một vị trí thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng lớn và có quyền mong muốn một chỗ đứng vẻ vang trên thế giới nếu biết cố gắng kiên trì trong một vài thập niên.

### **10. Thực hiện một chính sách đối ngoại hòa bình và hợp tác song song với một chính sách láng giềng tốt**

Trong một thế giới đầy tranh đua như hiện nay các mối bang giao tốt là điều không thể thiếu. Chúng ta sẽ không bỏ lỡ một cơ hội nào để thiết lập và tăng cường mọi liên hệ hợp tác với mọi quốc gia trên thế giới, trước hết là với các quốc gia lân cận.

Đối với các nước phương Tây, đặc biệt là Pháp và Hoa Kỳ, hai nước đã từng có những quan hệ phức tạp và xung đột, chúng ta bình thường hóa không những quan hệ ngoại giao mà cả quan hệ văn hóa và tình cảm. Chúng ta còn rất nhiều để học hỏi nơi họ và cũng có rất nhiều để trông đợi ở một sự hợp tác lưỡng lợi. Chúng ta cũng cần lưu ý đặc biệt đến những quốc gia mà chính sách di dân

còn dễ dãi hoặc có triển vọng dễ dãi để phát triển cộng đồng người Việt hải ngoại càng đông đảo càng tốt, với mục tiêu trung hạn là cứ mười người Việt Nam thì có một người tại các nước dân chủ phát triển. Một chính sách đối ngoại hiếu hòa và khiêm tốn, đi song song với sự tận dụng khả năng đóng góp của một cộng đồng Việt Nam hải ngoại đông đảo, thành đạt và gắn bó với quê hương là căn bản của những cố gắng ngoại giao của chúng ta.

Nhưng gần hơn hết chúng ta phải củng cố và tăng cường chỗ đứng của ta tại khu vực Châu Á và Thái Bình Dương đặc biệt là trong lòng khối ASEAN. Trong lòng khối này chúng ta sẽ góp phần tích cực tăng cường sự liên đới, hạ thấp dần những hàng rào văn hóa và mậu dịch, thúc đẩy sự hình thành thực sự của một vùng trao đổi tự do. Chúng ta cần phấn đấu để tham gia khối Hợp Tác Xuyên Thái Bình Dương và tận dụng mọi cơ hội của khối này để đất nước ta có thể vươn lên thu ngắn dần sự chậm trễ.

Gần nhất, ta phải thắt chặt lại quan hệ hợp tác với hai nước bạn láng giềng Lào và Campuchia đang ngày càng chịu ảnh hưởng áp đảo hơn của Trung Quốc. Chúng ta đã là nạn nhân của một âm mưu chia để trị xuất phát từ thời ngoại thuộc Pháp mà ngày nay ta phải phá vỡ. Biên giới của ta với hai nước này không đổi từ hơn hai thế kỷ nay. Đó là những biên giới ổn vững bậc nhất thế giới, làm chứng cho khả năng sống chung hòa bình giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Nhưng chúng ta cũng cần đồng loạt tuyên cáo một chính sách hiếu hòa thực sự và làm nhiều cố gắng

ngoại giao để đánh tan những hiểu lầm do một quá khứ còn khá mới để lại. Chúng ta cần long trọng tuyên bố với hai nước láng giềng này rằng chúng ta tuyệt đối tôn trọng các biên giới hiện có và sẵn sàng dành mọi nỗ lực về giao thông và thương cảng để họ có thể khai thông ra đại dương. Chúng ta sẽ đề nghị với họ cùng hợp tác xây dựng các trục lộ giao thông ra biển, và nếu có thể, tiến tới một thỏa ước tự do đi lại và di trú. Cả Lào và Campuchia đều cần đường ra biển qua ngã Việt Nam nên sự hợp tác sẽ là điều tự nhiên nếu họ vững tin rằng Việt Nam tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ của họ. Việt Nam, Lào và Campuchia có nhiều triển vọng để hình thành một khối hợp tác bình đẳng trong đó cả ba đều có lợi và đều phát huy được thế mạnh kinh tế riêng của mình.

Đối với Trung Quốc chúng ta cần giải quyết trong tinh thần hữu nghị những tranh chấp về lãnh hải và hải đảo để mở đầu một giai đoạn hợp tác thực sự lành mạnh. Hai nước có chung một biên giới dài, đã từng chia sẻ một văn hóa và cũng có rất nhiều tương đồng về cấu tạo nhân văn cho nên sự hợp tác là một lẽ tự nhiên. Điều đáng lo ngại hiện nay là Trung Quốc một mặt đang gia tăng sức mạnh quân sự và mặt khác biểu lộ một chính sách bá quyền khu vực. Đối với Trung Quốc, chúng ta cần chứng tỏ một thái độ khiêm tốn, hòa nhã nhưng kiên quyết bảo vệ chủ quyền trên lãnh thổ, vùng biển và các hải đảo. Chúng ta có lý do để hy vọng rằng sự hiện diện quân sự tích cực của Hoa Kỳ và chính sách quả quyết mới của Nhật trong vùng sẽ là một đảm bảo cho hòa bình và an ninh. Chúng ta cũng có lý do

để tin rằng Trung Quốc sẽ chọn lựa đường lối hòa hoãn và hợp tác, nhưng hiện đại hóa khả năng tự vệ của chúng ta cũng là một yếu tố khuyến khích Trung Quốc đi theo đường lối tốt đẹp đó. Trong ngắn hạn, khi quan hệ giữa Trung Quốc và Đài Loan chưa rõ rệt, chúng ta sẽ chú trọng đặc biệt vào sự phát triển các quan hệ hợp tác kinh tế với Đài Loan.

Chúng ta cần nhận định vai trò kinh tế quan trọng của Nhật tại Châu Á và phải đặt quan hệ Việt - Nhật lên hàng một quốc sách phát triển.

Sau cùng chúng ta cũng cần có một nhận định sáng suốt và thực tiễn đối với các nước thuộc Đông Âu và Liên Xô cũ. Các nước này là những thị trường đầy tiềm năng trong đó chúng ta đã sẵn có nhiều người bạn, nhiều quan hệ và hiểu biết cần được khai thác.

## **11. Thực hành một chính sách kiểm soát dân số văn minh**

Chúng ta hiện đã có một dân số gần 100 triệu dân, đứng hàng thứ 14 trên thế giới, với một diện tích rất hẹp, 330.000 cây số vuông. Đã thế tỷ lệ đất thực sự canh tác và sinh sống được của ta lại rất thấp, chỉ ở mức một phần ba. Trong khi đó dân số của ta tiếp tục gia tăng hơn một triệu người mỗi năm. Mặt khác khả năng kinh tế và mức độ chuyển hóa về công nghiệp và dịch vụ của ta chưa cho phép dự trù những đầu tư lớn vào việc mở rộng vùng đất



sinh hoạt. Đà gia tăng dân số dù đã giảm trong những năm gần đây vẫn còn một vấn đề lớn đòi hỏi một cách nhìn thông suốt. Một mặt, dân số tuy vẫn gia tăng một cách đáng kể nhưng tỷ lệ gia tăng dân số không thể giảm một cách đột ngột mà không tạo ra trong một tương lai gần một gánh nặng kinh tế do sự đảo ngược tỷ lệ trẻ - già. Mặt khác, cho tới nay sự sút giảm của đà gia tăng dân số đã chủ yếu đạt được với giá đắt là khiến chúng ta trở thành một trong những nước có tỷ lệ phá thai cao nhất thế giới, với những hậu quả tai hại về tâm lý và xã hội.

Kinh nghiệm của các chính quyền cộng sản Việt Nam và Trung Quốc cho thấy là một chính sách hạn chế sinh đẻ quả quyết đến độ đã man chi làm xuống cấp con người chứ không làm giảm dân số. Vấn đề cần được giải quyết ở tận gốc rễ văn hóa và nhân sinh quan của nó. Trong giáo dục học đường và đại chúng cần phổ biến các kiến thức về ngừa thai và bình thường hóa quan hệ nam nữ, cần tách rời việc lập gia đình và có con cái với việc thỏa mãn nhu cầu sinh lý.

Sinh đẻ nhiều cũng do hai nguyên nhân khác mà ta cần khắc phục, đó là trình độ văn hóa và vai trò xã hội kém của phụ nữ, và sự lo âu của tuổi già. Nâng cao trình độ văn hóa của phụ nữ và hội nhập một cách tích cực phụ nữ vào sinh hoạt kinh tế xã hội là một đầu tư cần thiết để chặn đà gia tăng dân số. Mọi kinh nghiệm trên thế giới đều chứng tỏ rằng càng có trình độ văn hóa cao, càng tham gia tích cực vào sinh hoạt kinh tế, phụ nữ càng có khuynh hướng

tự hạn chế sinh đẻ. Kinh nghiệm cũng cho thấy rằng bảo đảm một lợi tức tối thiểu cho người già, một bắt buộc của mọi xã hội văn minh, sẽ hạn chế được một cách đáng kể đà gia tăng dân số vì con đông trước hết là một đảm bảo cho tuổi già ở các nước thiếu an sinh xã hội. Phải săn sóc người già nếu không muốn phải tiếp nhận thêm quá nhiều trẻ thơ mà chúng ta không có khả năng nuôi dưỡng và giáo dục. Chính sách này sẽ tạo một tâm lý an toàn và chắc chắn sẽ làm giảm mức sinh đẻ, nhất là với niềm tin là lợi tức bảo đảm cho tuổi già sẽ càng ngày càng tăng với phát triển kinh tế.

Sau cùng chúng ta cũng có quyền tin tưởng là đà gia tăng dân số sẽ giảm xuống trong một xã hội văn minh không trọng nam khinh nữ đến độ phải đẻ cho đến khi có con trai, một xã hội có thông tin đầy đủ và có cơ hội thăng tiến cho mọi người. Một khi có đủ lạc quan để lập kế hoạch cho tương lai mình, các cặp vợ chồng sẽ tự nhiên nhận thấy họ phải hạn chế số con cái.

## **12. Xây dựng một hạnh phúc quốc gia phẩm chất ngay trong cố gắng**

Những người cầm quyền cộng sản đã rất dối trá khi nói rằng Việt Nam ngày nay là nước có thu nhập trung bình. Sự thực trái hẳn. Chúng ta rất nghèo và ở rất dưới mức trung bình thế giới. Vào năm nay, 2015, sản lượng bình quân mỗi đầu người trên thế giới là gần 11.000 USD

mỗi năm, tại nước ta ước lượng vừa phải là gần 1.500 USD, nghĩa là chỉ bằng 15% mức trung bình thế giới. Chúng ta tụt hậu một cách bi đát. Ngay cả nếu từ nay chúng ta đạt được mức tăng trưởng đều đặn cao hơn 2% so với thế giới, một thành tích khả quan, thì cũng phải một thế kỷ nữa chúng ta mới thực sự trở thành một nước trung bình. Nhưng chúng ta có thời giờ đó không trước khi sự chán nản và thất vọng làm tan rã đất nước? Chắc chắn chúng ta không có thời giờ đó, chúng ta phải bắt kịp sự chậm trễ trong vòng một thế hệ. Đó là một thách đố rất lớn.

Thách đố càng lớn hơn vì tất cả mọi yếu tố đều bất lợi. Xã hội băng hoại, lòng người thất vọng và ly tán, tinh thần dân tộc xuống rất thấp, môi trường ô nhiễm, đạo đức suy đồi, các băng đảng tội phạm hoành hành trong khi xã hội dân sự vắng mặt. Di sản của chế độ cộng sản thật là kinh khủng. Chúng ta sẽ phải động viên những cố gắng cực kỳ lớn về mọi mặt trong khi sẽ còn phải sống với sự nghèo khổ và thua kém trong một thời gian khá dài.

Trong hoàn cảnh đó chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là xây dựng trên đất nước Việt Nam, và trên quy mô quốc gia, một hạnh phúc lấy phẩm chất làm chính ngay trong khi còn đang phải phấn đấu cam go để đạt tới sự sung túc. Đó là một hạnh phúc mà ta có thể gọi là một *hạnh phúc quốc gia phẩm chất*. Một cách cụ thể hạnh phúc đó thể hiện qua một bối cảnh quốc gia bình yên và phấn khởi trong đó con người dù chưa sung túc nhưng có đầy đủ tự do, được trân trọng và được bảo đảm an ninh, nhân phẩm, quyền lợi,

sức khỏe và cơ hội thăng tiến trong một xã hội hài hòa, bình yên và liên đới, với một môi trường thân thiện. Đó là điều kiện để mọi người có thể chấp nhận những khó khăn của hiện tại và nỗ lực để vươn lên; cố gắng càng lớn thì càng phải được chia sẻ đồng đều và con người càng cần được khích lệ. Xã hội Việt Nam phải có hình ảnh của một gia đình hạnh phúc vì hòa thuận và vui vẻ, chia sẻ một cách hợp tình hợp lý những hy sinh cũng như những thành tựu đạt được, dưới một mái nhà giản dị nhưng sạch sẽ và ngăn nắp, trong niềm tin là ngày mai sẽ hơn hôm nay.

Điều quan trọng nhất cũng là điều có thể làm ngay vì không đòi hỏi những chi phí lớn. Đó là cải thiện môi trường, cảnh quan và các nơi công cộng. Do văn hóa truyền thống chúng ta chưa ý thức được tầm quan trọng của môi trường dù vấn đề đã rất nghiêm trọng và đã ảnh hưởng trực tiếp lên mọi người. Sự thiếu cẩn đã khiến các cấp lãnh đạo nối tiếp nhau không ý thức được rằng phát triển, kể cả phát triển kinh tế, chỉ có thể bền vững nếu môi trường được bảo vệ. Các nhà máy ô nhiễm gây thiệt hại trong lâu dài cho xã hội nhiều lần lớn hơn lợi tức ngắn hạn mà chúng tạo ra. Tham nhũng là nguyên nhân chính cho phép phá hoại môi trường; sự vắng mặt của xã hội dân sự là một nguyên nhân khác. Thực trạng kinh ngạc là cho tới nay nước ta vẫn chưa có một hiệp hội bảo vệ môi trường nào dù môi trường đã bị tàn phá tới mức độ nguy kịch và vẫn còn tiếp tục bị tàn phá, trong khi tại các nước văn minh giàu mạnh bảo vệ môi trường đã trở thành mục tiêu của vô số hiệp hội, có cả những chính đảng lấy môi trường làm ưu tư cao nhất. Đối

với thế giới ngày nay môi trường đã trở thành một vấn đề chính trị nền tảng.

Chúng ta không thể dung túng những nhà máy không có xử lý khói và chất thải nhân danh lợi ích kinh tế. Chúng ta cũng phải nghiêm cấm việc chặt phá rừng và lấp, lấn ao hồ. Các tiện nghi vệ sinh công cộng phải đầy đủ. Hệ thống thoát nước phải hoàn chỉnh. Xây dựng phải có quy hoạch, mỗi khu vực chỉ được xây dựng theo một vài kiểu nhà với một số màu sắc. Phải tăng cường các phương tiện chuyên chở công cộng, đánh thuế môi trường trên ô tô và xe máy, khuyến khích sử dụng xe đạp; cấm xe có động cơ xăng dầu tại trung tâm các thành phố và những khu đông người; trừng phạt nghiêm khắc những công ty xây dựng cầu đường thi công gian trá. Chúng ta sẽ bãi bỏ dự án Bô-xít Tây Nguyên, đình chỉ các dự án điện hạt nhân, ngay cả những dự án đang thi công, loại bỏ điện hạt nhân cho tới khi các kỹ thuật xử lý phế liệu thỏa đáng đã tìm được và nước ta đã có đầy đủ khả năng để bảo đảm an toàn tuyệt đối của các lò phản ứng. Những biện pháp đó tuy có thể làm giảm lợi nhuận nhất thời của một số công ty nhưng sau cùng vẫn có lợi ích kinh tế lớn vì bảo vệ và khuyến khích đầu tư trong nhiều ngành khác, nhất là ngành du lịch, và điều quan trọng hơn là bảo vệ sức khỏe và cuộc sống yên vui. Ô nhiễm là một vi phạm nghiêm trọng tới quyền con người bởi vì nước sạch, không khí trong lành, không gian yên lặng là những quyền con người cơ bản nhất.

Xây dựng một xã hội hài hòa, bình yên và liên đới không đòi hỏi những chi phí lớn vượt khả năng quốc gia như nhiều người lầm tưởng. Chúng không thắm vào đâu so với số tiền mà những quan chức tham ô cướp đoạt của đất nước, một chính quyền trong sạch sẽ có phương tiện. Điều mà nó đòi hỏi là điều mà chúng ta có thể làm được ngay cả khi chưa giàu. Đó là luật pháp tuyệt đối lương thiện, minh bạch và được tôn trọng. Đó là một chính quyền quyết tâm không thỏa hiệp với tham nhũng được điều hành bởi những người có kiến thức, có tầm nhìn và lấy phục vụ đất nước làm lý tưởng của đời mình, một chính quyền không thể bị ngờ vực là gian trá. Nhân dân Việt Nam đã quá quen với những hy sinh và chịu đựng cho nên có thể chấp nhận những cố gắng rất phi thường; họ cũng có thể tha thứ cả những sai lầm, với điều kiện là tin rằng những người lãnh đạo đã sai nhưng không phải là những người ngu dốt và gian trá mà chỉ sai vì mọi người đều có thể sai trên những quyết định khó khăn và phức tạp. Chúng ta có thể có những người lãnh đạo như thế, nhưng họ chưa có cơ hội vì chưa có sức mạnh tập trung của đội ngũ. Cố gắng chính của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên từ trước, bây giờ và sau này là phát hiện, tập trung lại và đào tạo thêm những con người như thế mà đất nước đang cần.

## **VI. Thể chế và hiến pháp cho Cộng Hòa Việt Nam**

Việc chọn lựa một chế độ chính trị không thể là một chọn lựa thuần túy lý thuyết, càng không thể là sự sao chép một khuôn mẫu sẵn có đã thành công tại một quốc gia khác, dù chúng ta trân trọng tới đâu kinh nghiệm của các dân tộc trong cuộc hành trình tới dân chủ và phồn vinh.

Chúng ta chọn lựa một chế độ chính trị, đồng thời một hiến pháp, đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đất nước:

- xây dựng dân chủ một cách thành thực và không thể đảo ngược để hội nhập một cách quả quyết vào thế giới dân chủ;

- thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc thực sự, dứt khoát để động viên mọi khối óc, mọi tấm lòng và mọi bàn tay cho cố gắng vươn lên và xây dựng một tương lai Việt Nam chung;

- phát triển đất nước theo mô hình kinh tế thị trường lấy tự do và sáng tạo làm động cơ;

- tản quyền để cho phép các vùng khai thác tối đa những ưu thế đặc biệt của mình trong một nước Việt Nam thống nhất đồng thời giảm thiểu chênh lệch giữa các vùng;

- phát huy xã hội dân sự và thỏa mãn những khát vọng chính đáng của các cộng đồng sắc tộc cũng như tôn giáo;

- thực hiện thống nhất đất nước thực sự, nghĩa là trong đồng thuận dân tộc.

Dưới ánh sáng của những yêu cầu cơ bản đó chúng ta chọn một chế độ chính trị dân chủ đại nghị và tản quyền.

## **1. Hai thành kiến sai lầm về chế độ chính trị**

Trước khi thảo luận về một chế độ chính trị hợp tình, hợp lý cho Việt Nam, chúng ta cần giải tỏa hai thành kiến, cũng là hai lo âu không đúng nhưng rất phổ biến của người Việt.

### *1.1. Dân chủ đa nguyên và ổn định chính trị*

Lo âu thứ nhất là một chế độ đa nguyên và đa đảng có thể gây ra tình trạng phân tán đảng phái, trong đó không có đảng nào có được đa số để nắm chính quyền và do đó gây ra tình trạng bất ổn chính trị. Người ta có thể lo sợ rằng chính quyền sẽ thay đổi liên tục tùy theo những hợp tan của những liên minh tạm bợ.

Lo âu này không có căn cứ, nó xuất phát từ một hiểu lầm do một tuyên truyền đầu độc mà nhiều người Việt Nam đã là nạn nhân.

Sự kiện có ít hay nhiều đảng phái và có một chính đảng được đa số ổn vững trong quốc hội hay không tùy thuộc chủ yếu ở thể thức đầu phiếu, chứ không phải ở mức độ tự do chính trị. Nói một cách giản dị: lối đầu phiếu đơn danh và một vòng đưa tới chế độ lưỡng đảng vì loại bỏ các đảng nhỏ, trong khi lối đầu phiếu theo tỷ lệ đưa tới sự xuất hiện của nhiều chính đảng.



Bầu đơn danh và một vòng có nghĩa là mỗi đơn vị bầu cử bầu ra một dân biểu và các ứng cử viên ra tranh cử với tư cách pháp lý cá nhân, dù có thể mang nhãn hiệu của một chính đảng, ai được số phiếu cao nhất sẽ đắc cử. Lối bầu cử này có lợi cho các chính đảng lớn, loại các đảng nhỏ và bảo đảm sự hiện hữu thường trực của một đa số để thành lập và điều hành chính phủ một cách ổn vững, ngược lại nó không cho phép các khuynh hướng thiểu số có tiếng nói tại nghị trường. Trên thực tế nó thường đưa tới chế độ lưỡng đảng. Như vậy lối đầu phiếu đơn danh và một vòng là giải pháp kỹ thuật cho ưu tư có một chính quyền ổn vững mà không cần giới hạn tự do chính trị về mặt pháp chế.

Bầu theo tỷ lệ có nghĩa là đầu phiếu chung trên cả nước hay trong mỗi vùng, giữa các chính đảng với nhau, và số dân biểu đắc cử của mỗi chính đảng sẽ tỷ lệ với số phiếu của mình, thí dụ đảng được 20% số phiếu thì trên nguyên tắc cũng được 20% đại biểu. Lối đầu phiếu này rất dân chủ vì cho phép mọi khuynh hướng có tiếng nói và chỗ đứng trong quốc hội, nhưng ngược lại nó có nguy cơ đưa tới một quốc hội phân tán trong đó không có đảng nào có đa số đủ để cầm quyền.

Giải pháp tối ưu là một sự phối hợp giữa hai lối đầu phiếu này để vừa đảm bảo dân chủ vừa đảm bảo sự ổn vững tương đối của chính quyền. Về mặt kỹ thuật có thể có vô số công thức, kể cả lối đầu phiếu đơn danh hai vòng với tác dụng kết hợp các đảng có cùng khuynh hướng trong vòng hai.

Những nhận định này cho phép ta khẳng định rằng viện lý do ổn định chính trị để giới hạn hoạt động chính đảng là vô căn cứ. Trong nước Việt Nam tương lai không cần có, và cũng không thể có, bất cứ một giới hạn nào đối với quyền thành lập và phát triển các chính đảng.

Cũng cần chấm dứt một sự lẫn lộn gian trá về ổn định.

Ổn định có hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là ổn định dân sự, nghĩa là ổn định trong cuộc sống của mỗi công dân, là đảm bảo không bị bắt bớ, tịch thu tài sản, cấm kinh doanh, không là nạn nhân của những thay đổi luật pháp đột ngột và thường xuyên, hay những quyết định tùy tiện của chính quyền. Ổn định này rất cần thiết cho phát triển kinh tế, vì có như thế người dân mới có thể yên trí để tiên liệu và hoạch định sinh hoạt của mình. Ổn định này đòi hỏi dân chủ, nhân quyền và nhà nước pháp trị.

Nghĩa thứ hai là ổn định của tập đoàn cầm quyền, hay nói khác đi là sự kéo dài của một chính quyền với cùng những người cầm quyền. Sự kéo dài này, nếu không do bầu cử tự do mà là do một chế độ độc tài bạo ngược, còn rất mâu thuẫn với ổn định dân sự và do đó hoàn toàn mâu thuẫn với phát triển, bởi vì người dân luôn luôn phải sống trong sợ sệt, không dám và không thể lập những kế hoạch kinh doanh lâu dài.

Kinh nghiệm cho thấy ổn định dân sự rất cần cho phát triển, trong khi ổn định của tập đoàn cầm quyền hoàn toàn không cần thiết, thậm chí còn có ảnh hưởng xấu vì các chính quyền kéo dài quá lâu gần như chắc chắn đưa tới lạm quyền và tham nhũng. Tại Nhật, từ sau Thế Chiến II tới nay, ít có chính phủ nào kéo dài được hai năm. Tại Ý, tuổi thọ trung bình của các chính phủ còn ngắn hơn nhiều. Mặc dầu vậy kinh tế của cả hai nước này đều phát triển nhanh chóng, họ đều là thành viên của nhóm bảy nước phát triển nhất. Trong khi các nước có những chính quyền kéo dài như Việt Nam, Cuba, Bắc Triều Tiên và nhiều nước thuộc Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh lại rất trì trệ và lạc hậu.

Khi các tập đoàn độc tài -như ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam- nói cần phải có ổn định để phát triển, nhiều người đồng ý với họ vì hiểu đó là ổn định dân sự trong khi họ thực hiện ổn định theo nghĩa thứ hai, nghĩa là ổn định của tập đoàn cầm quyền. Đó là một sự gian trá cần được tố giác.

### *1.2. Thống nhất và tản quyền*

Lo âu thứ hai là phải chăng tản quyền có thể phương hại tới thống nhất lãnh thổ và tái lập lại tình trạng sứ quân.

Câu trả lời dứt khoát là không.

Các vùng không phải là những quốc gia, tự quản không đồng nghĩa với độc lập. Luật pháp của vùng không thể mâu thuẫn với luật pháp quốc gia.

Cũng nên có một cái nhìn lành mạnh hơn về thống nhất, vượt lên trên sự thống nhất hành chính, nặng nề và bàn giấy. Thống nhất chủ yếu là thống nhất trong lòng người. Khi mỗi người và mỗi địa phương cảm thấy có chỗ đứng và tiếng nói trong cộng đồng quốc gia trong khi những nét đặc thù của mình vẫn được tôn trọng thì họ càng cảm thấy hòa nhập vào quốc gia, và hòa hợp dân tộc càng mạnh thêm. Ngược lại, trong thế giới vừa dồn dập vừa phức tạp hiện nay và trong một quốc gia với gần một trăm triệu người, một chính quyền trung ương tập quyền không thể nào định đoạt tất cả, các địa phương trên thực tế vẫn tự trị, nhưng tự trị một cách bất hợp pháp, nghĩa là luôn luôn ở trong thế xung đột hợp lý nhưng bất hợp pháp với chính quyền trung ương, và do đó với cộng đồng quốc gia. Trung ương tập quyền vì vậy đưa tới sự quân thay vì thống nhất. Chính vì tác dụng đoàn kết dân tộc của nó mà tản quyền cần được thực hiện cả trên bình diện quốc gia lẫn trong tổ chức của mỗi vùng.

Tản quyền là xu hướng áp đảo của thời đại này, và là kết luận của hai thế kỷ thử nghiệm dân chủ trên trái đất. Điều đáng ngạc nhiên là các dân tộc đã mất một thời gian dài như vậy để khám phá một sự thật đơn giản: một nội các chỉ có thể gồm một số ít người, và một số ít người không thể quyết định tất cả cho một quốc gia rộng lớn với số người đông đảo, sinh sống trên những vùng đất với những điều kiện địa lý và nhân văn khác nhau.

Tản quyền có những ưu điểm rõ rệt: nó khuyến khích sinh hoạt chính trị tại các địa phương, nó đem dân chủ tới mọi nơi với mọi người, nó tránh được những đường dây hành chính dài và phức tạp cho sinh hoạt thường ngày với hậu quả là sự tập trung quá đáng dân số vào những thành phố lớn, nó kích thích sinh hoạt văn hóa và báo chí địa phương, nó cho phép mỗi địa phương chọn lựa công thức sinh hoạt phù hợp nhất với đặc tính của mình và nhờ đó mà phát triển.

Các vùng nghèo khó sẽ có được một chính quyền riêng dành tất cả ưu tư cho việc phát triển vùng và đưa vùng lên ngang tầm phát triển của cả nước, thay vì bị quên lãng bởi một chính quyền trung ương bận rộn với những vấn đề dồn dập của các vùng đã phát triển và có hoạt động mạnh. Không ai báo động một cách thành tâm và chính xác tình trạng khó khăn của một vùng bằng một chính quyền của vùng mà sứ mạng duy nhất là phát triển vùng.

Tản quyền còn đóng góp vào sự ổn vững của quốc gia và của dân chủ. Một mặt nó vô hiệu hóa những âm mưu đảo chính (lật đổ chính quyền trung ương rồi làm gì với các chính quyền địa phương?). Mặt khác nó tránh các khủng hoảng đáng lẽ không có ở cấp trung ương, bởi vì vấn đề có thể đặt ra ở từng địa phương một vào những thời điểm khác nhau. Một ưu điểm vô cùng quan trọng khác của tản quyền là nó làm giảm bớt xung đột chính trị, bởi vì một đảng có thể thua ở cấp trung ương nhưng vẫn có thể nắm quyền tại một số địa phương, nơi mà họ được tín nhiệm.

Xung khắc chính quyền - đối lập vì vậy sẽ bớt gay gắt. Trong hoàn cảnh lịch sử hiện nay của Việt Nam, tản quyền vì vậy tránh được tình trạng được thì được hết, thua thì thua luôn, và đóng góp tích cực cho hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Tản quyền cho phép những khuynh hướng thiểu số, các tôn giáo và các sắc tộc ít người có trọng lượng chính trị đáng kể tại những địa phương mà họ hiện diện đông đảo, do đó làm dịu bớt những tâm trạng bất mãn và các ý đồ ly khai, tự trị.

Một điểm lợi quan trọng khác của tản quyền là chính nhờ các chính quyền địa phương mà mỗi khi có thay đổi chính quyền thì những người lên cầm quyền ở trung ương cũng không phải là những người tập sự mà ít nhất đã có kinh nghiệm ở cấp địa phương.

Tuy nhiên, muốn tản quyền có nội dung và tác dụng thực sự của nó, các vùng phải có một diện tích và một dân số khả dĩ có thể tồn tại và phát triển được.

Nước ta hiện nay có trên 90 triệu dân, khi đà gia tăng dân số đã khựng lại, dân số của chúng ta sẽ ổn định ở một mức độ nào đó chung quanh con số 110 triệu dân. Chúng ta có thể có từ mười đến mười lăm vùng, mỗi vùng từ năm tới mười lăm triệu người.

Để tránh những phiền phức về hành chính và nhất là về hộ tịch, các vùng sẽ là sự kết hợp của một số tỉnh hiện

có. Việc tập trung các tỉnh vào một vùng sẽ dựa trên các tiêu chuẩn cấu tạo sắc tộc, chức năng kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và giao thông.

Mỗi vùng sẽ có một nghị viện riêng được quyền bổ nhiệm chính quyền vùng, ban hành các luật lệ vùng không mâu thuẫn với hiến pháp và pháp luật quốc gia, biểu quyết mức độ của một số sắc thuế, biểu quyết ngân sách địa phương.

Chính quyền vùng do nghị viện địa phương bầu ra để thi hành những chính sách đã được nghị viện địa phương biểu quyết.

Các vùng không có quyền có quân đội, không được phát hành tiền tệ riêng, không có đại diện ngoại giao, không được quyền ký hiệp ước với các nước khác, không được làm chủ các công ty có mục đích kinh doanh, không được tổ chức những trưng cầu dân ý có mục đích chính trị. Mọi cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý phải được chính quyền trung ương đồng ý trước và nhìn nhận kết quả sau đó mới có giá trị.

Các vùng không được ký hiệp ước với nhau. Việc phối hợp giữa các vùng cũng như các vụ việc liên quan đến nhiều vùng hoặc có liên hệ tới an ninh quốc gia thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương.

Mỗi công dân có quyền chọn lựa nơi cư trú trên toàn lãnh thổ. Các vùng không có quyền cấm cản sự nhập cư

vào vùng mà chỉ có quyền giới hạn phạm vi lưu thông của các công dân trong tình trạng điều tra pháp lý.

Số lượng cảnh sát vùng không được vượt quá một tỷ lệ, do chính quyền trung ương quy định, so với số cảnh sát quốc gia hiện diện tại vùng.

Chính quyền trung ương được quyền ấn định một nội dung tối thiểu cho mỗi trình độ giáo dục. Các bằng cấp cho phép hành nghề tự do phải được chính quyền trung ương chuẩn nhận.

Các cơ quan chính quyền tỉnh và dưới cấp tỉnh sẽ do một đạo luật quốc gia quy định theo nguyên tắc tản quyền.

## **2. Chế độ chính trị**

*2.1. Chế độ đại nghị: thể chế dân chủ và ổn vĩng nhất*

Quyết tâm của chúng ta là thực hiện dân chủ một cách hiệu quả nhất và ngăn chặn sự trở lại của bất cứ một hình thức độc tài nào. Chúng ta lựa chọn thể chế chính trị trên căn bản của quyết tâm đó. Việc đầu tiên phải làm là chọn lựa giữa một trong ba công thức: chế độ tổng thống, chế độ bán tổng thống và chế độ đại nghị.

Trước hết, chúng ta dứt khoát loại bỏ chế độ tổng thống, nghĩa là chế độ trong đó một người được dân chúng trực tiếp bầu cử theo phổ thông đầu phiếu và nắm trọn quyền hành pháp. Chế độ này có nhiều tật nguyên không



thể chấp nhận được. Ta có thể kể hai tật nguyên thông thường nhất.

Tật nguyên đầu tiên ở ngay trong thể thức bầu cho một người thay vì cho một chính đảng. Lỗi bầu này khiến các chính đảng không lớn mạnh được vì điều kiện chính để nắm chính quyền là một nhân vật có sức thu hút cử tri, như thể điều kiện cốt lõi là có một ủy ban vận động tranh cử tốt chứ không phải một bộ máy đảng. Ông hay bà ta có thể được bầu vì những lý do hời hợt như trẻ đẹp, đi đứng duyên dáng, nói năng hùng hồn, v.v. hơn là vì uy tín của đảng mình và khả năng chính trị của mình. Ứng cử viên này một khi đã đắc cử sẽ chế ngự đảng chứ không lệ thuộc đảng. Kinh nghiệm cho thấy là trong mọi chế độ tổng thống, kể cả Hoa Kỳ, không có những chính đảng mạnh như trong các chế độ đại nghị và đây là một thiệt hại lớn vì các chính đảng vừa là lò đào tạo ra nhân tài chính trị vừa là môi trường sản xuất và sàng lọc các ý kiến trên những vấn đề lớn đặt ra cho đất nước.

Tật nguyên thứ hai là nó dành quá nhiều quyền cho một người trong một thời gian được quy định trước. Trong hoàn cảnh của một nước chưa có truyền thống dân chủ, nó rất dễ dẫn tới lạm quyền và độc tài với hậu quả là đàn áp, bạo loạn, thậm chí nội chiến. Hơn nữa nếu tổng thống vì bất cứ lý do nào bị mất uy tín giữa nhiệm kỳ thì sinh hoạt quốc gia sẽ bế tắc nguy hiểm trong suốt thời gian còn lại vì tổng thống không thể bị thay thế.

Trên mặt thuần túy lý thuyết chế độ tổng thống có ưu điểm là đảm bảo một chính quyền mạnh có khả năng quyết định mau chóng những chọn lựa chiến lược cần thiết, nhưng thực tế hiện nay là nguy cơ chiến tranh không còn nữa, ngay cả chiến tranh lạnh cũng đã chấm dứt, nhu cầu có một chính quyền mạnh để lấy những quyết định quan trọng một cách nhanh chóng không còn đặt ra nữa. Và lại điều gì một tổng thống có thể làm, một thủ tướng được đa số trong quốc hội yểm trợ cũng có thể làm. Sự thật lịch sử là cho tới nay, trừ trường hợp của Hoa Kỳ, tất cả mọi chế độ tổng thống trên thế giới đều đã thất bại, hoặc dẫn tới một chế độ độc tài cá nhân, như trường hợp của hầu hết các quốc gia theo chế độ này, hoặc dẫn tới một xung đột bế tắc giữa hành pháp và lập pháp.

Chính sự thất bại của các chế độ tổng thống đã đưa đến sự xuất hiện của các chế độ "bán tổng thống", nghĩa là vừa có một tổng thống vừa có một thủ tướng. Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa chia sẻ một phần quyền hành pháp, nhiều hay ít theo quy định của hiến pháp, với một thủ tướng chịu trách nhiệm trước quốc hội trong đa số các trường hợp. Tổng thống do phổ thông đầu phiếu trực tiếp bầu ra nên uy thế rất lớn, ngang hàng với một tổng thống trong chế độ tổng thống thuần túy ngay cả khi quyền hiến định có thể khác. Uy thế này là một bảo đảm cho ổn vững chính trị, tương tự như một chế độ tổng thống, bù lại cái giá phải trả là, một mặt, một số bất lợi của chế độ tổng thống và, mặt khác, những mâu thuẫn về thẩm quyền

không tránh khỏi trong nội bộ hành pháp giữa tổng thống và thủ tướng.

Các chế độ bán tổng thống có tác dụng giảm bớt những bất lợi của chế độ tổng thống bằng cách dung hòa nó với chế độ đại nghị. Đã có một số chế độ bán tổng thống thành công. Tuy nhiên, chế độ bán tổng thống là một chế độ rất phức tạp, bản chất và nội dung chế độ có thể thay đổi tùy theo những yếu tố tình cờ: tổng thống và thủ tướng cùng đảng hay khác đảng, nhiệm kỳ của tổng thống và của quốc hội ngắn dài bằng nhau hay khác nhau, tổng thống hay quốc hội mới được bầu gần đây, v.v.

Trong một chế độ đại nghị, quyền hành pháp ở trong tay một thủ tướng do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội. Như thế khi bầu ra một quốc hội, một cách gián tiếp, người dân cũng chọn lựa một thủ tướng. Ưu điểm của chế độ đại nghị là người dân bầu trước hết cho một dự án chính trị của một đảng thay vì cho một người và sau đó chọn lựa một dân biểu trong số những ứng cử viên sinh hoạt gần gũi với họ mà họ có điều kiện để đánh giá; qua dân biểu của họ, họ cũng có khả năng theo dõi và kiểm soát một cách thường trực sinh hoạt của chính phủ.

Thể chế đại nghị là thể chế dân chủ nhất và cũng là thể chế đúng đắn nhất, với điều kiện là không dẫn tới tình trạng lạm phát chính đảng và một quốc hội tê liệt vì bị phân hóa giữa nhiều khuynh hướng đối nghịch. Điều kiện này, như kinh nghiệm đã chứng minh, có thể thỏa mãn được

bằng cách bầu tất cả hoặc phần lớn các dân biểu quốc hội theo phương thức bầu cử đơn danh và một vòng.

Chúng ta chọn lựa chế độ đại nghị vì sự giản dị và tính dân chủ cao của nó.

## *2.2. Tổ chức chính quyền*

Một thể chế tân quyền đưa tới sự hiện hữu tất nhiên của hai nghị viện ở cấp trung ương. Thượng nghị viện đại diện cho các vùng, trong khi quốc hội đại diện cho quần chúng. Ở mỗi vùng, chỉ cần một nghị viện giữ vai trò của quốc hội ở cấp địa phương.

Thượng nghị viện chỉ có ở cấp trung ương. Mỗi vùng có một số thượng nghị sĩ bằng nhau do cử tri toàn vùng trực tiếp bầu ra, cộng đồng người Việt hải ngoại cũng sẽ được đại diện. Thượng nghị viện có vai trò: bảo đảm sự thống nhất và hòa hợp quốc gia qua các vùng, đề nghị các dự luật, phúc thẩm, nếu cần, các đạo luật do quốc hội biểu quyết, khuyến cáo và đề nghị với chính phủ về các chính sách và về việc bổ nhiệm nhân sự cấp cao. Thượng nghị viện có quyền đòi các viên chức chính quyền mọi cấp ra điều trần.

Quốc hội gồm các dân biểu mà đại đa số sẽ được bầu theo lối đầu phiếu đơn danh và một vòng, số còn lại được bầu theo tỷ lệ. Trong một nước Việt Nam với dân số 100 triệu, quốc hội có thể gồm khoảng 500 dân biểu, trong đó khoảng 450 được bầu theo thể thức đơn danh và một vòng,

số còn lại bầu theo tỷ lệ trên cả nước. Việc đa số được bầu theo thể thức đơn danh và một vòng bảo đảm rằng sẽ không có tình trạng lạm phát chính đảng và sẽ có một đa số (của một đảng hay do liên minh của một vài đảng cùng khuynh hướng) để thành lập một chính phủ. Thiểu số bầu theo tỷ lệ cho phép mọi đảng phái có mặt trong quốc hội và cũng cho phép những người lãnh đạo các chính đảng có tầm vóc quốc gia khỏi phải tranh cử tại địa phương và để tập trung cố gắng cho những vấn đề của cả nước.

Tại mỗi vùng, phần nghị viên được bầu theo tỷ lệ có thể cao hơn, các nghị viên có thể được bầu một nửa theo phương thức đơn danh một vòng, một nửa theo tỷ lệ.

Để giới hạn con số các chính đảng, cần đặt một mức tối thiểu để có thể hiện diện trong quốc hội hay nghị viện vùng qua lối bầu tỷ lệ, thí dụ 5%.

Về hành pháp, ở cấp trung ương, thủ tướng do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội. Các bộ trưởng do thủ tướng chỉ định. Tại các vùng, hành pháp nằm trong tay một thống đốc do nghị viện vùng bầu ra và chịu trách nhiệm trước nghị viện vùng.

Vị nguyên thủ quốc gia, tổng thống, có thể do một cử tri đoàn gồm tất cả dân biểu, thượng nghị sĩ ở cấp trung ương bầu ra. Vị nguyên thủ quốc gia này vì được bầu ra do một cử tri đoàn hùng hậu sẽ có một uy tín rất cao. Tổng thống không giữ một quyền hành cụ thể nào cả, nhưng là vị nguyên thủ quốc gia đúng nghĩa, đứng ngoài và đứng

trên cả lập pháp, hành pháp lẫn tư pháp, có vai trò bảo đảm sự liên tục, ổn vững và đoàn kết của quốc gia.

Pháp Viện Tối Cao, gồm những thẩm phán được chọn trong các luật gia, có nhiệm kỳ dài, khoảng mười năm, do tổng thống, chủ tịch thượng nghị viện và chủ tịch quốc hội bổ nhiệm, mỗi vị một phần ba. Pháp Viện Tối Cao có quyền phán quyết tính hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, trọng tài những tranh tụng giữa các cơ quan quyền lực, xét xử những cấp lãnh đạo cấp cao, xét lại các bản án do các tòa án quốc gia cũng như địa phương.

### *2.3. Các chính đảng: một thành tố nền tảng của quốc gia*

Trong một thể chế như vậy sẽ có thể có rất nhiều chính đảng, nhưng do thể thức bầu cử -đại đa số dân biểu được bầu theo thể thức đơn danh một vòng- ở cấp trung ương sẽ chỉ có vài đảng lớn. Ở mỗi địa phương cũng sẽ chỉ có một số đảng địa phương giới hạn bên cạnh các đảng có tầm vóc quốc gia.

Mọi chế độ dân chủ đích thực đều phải trân trọng sinh hoạt chính đảng. Không thể có sinh hoạt chính trị nghiêm túc nếu không có chính đảng. Trong hoàn cảnh nước ta, sau bao năm dài dưới các chế độ độc tài trong đó mọi sinh hoạt chính trị bị đàn áp, các chính đảng không những cần thiết mà còn cần được khai sinh, khuyến khích và nuôi dưỡng. Các chính đảng là yếu tố không thể thiếu

cho đất nước, và vì thế quốc gia không những không được cấm cản mà còn phải yểm trợ sinh hoạt chính đảng.

Các chính đảng phải tự tài trợ trước hết bằng đóng góp của đảng viên và cảm tình viên, nhưng các đảng có tầm vóc sẽ được ngân sách tài trợ. Bù lại, mọi phương thức kinh tài khác kể cả việc nhận ủng hộ tài chánh của các công ty, xí nghiệp sẽ bị chế tài nghiêm khắc theo luật pháp. Một tỷ lệ khoảng 1% ngân sách quốc gia sẽ được dành cho việc tài trợ các chính đảng ở cấp trung ương và một tỷ lệ tương đương ở cấp ngân sách vùng. Nguồn tài trợ, tại trung ương cũng như tại địa phương, chia làm hai phần: một phần chia cho các chính đảng theo số dân biểu hoặc nghị viên; một phần chia theo tổng số phiếu của mỗi chính đảng. Để tránh tình trạng lạm phát chính đảng, cần ấn định một tầm vóc tối thiểu - dựa theo số dân biểu, nghị viên hay số phiếu được bầu- để được hưởng trợ cấp. Chi phí chính đảng này dĩ nhiên là lớn, nhiều người có thể nghĩ là quá lớn, nhưng sẽ tránh cho chúng ta những thiệt hại còn nặng nề hơn gấp nhiều lần khi các chính đảng, vì không được tài trợ, trở thành con tin của những thế lực tài phiệt hay khi họ phải kiếm tài nguyên bằng những biện pháp bất chính. Một khi cộng đồng quốc gia đã tài trợ cho các chính đảng thì bù lại cộng đồng quốc gia cũng có quyền đòi hỏi nơi các chính đảng một sự trong sạch mẫu mực. Sinh hoạt chính trị sẽ được kính trọng và dân chủ cũng vì thế mà lành mạnh hơn.

### 3. Hiến pháp Cộng Hòa Việt Nam

Hiến pháp Cộng Hòa Việt Nam chính thức hóa thể chế chính trị trên đây đồng thời thể hiện quyết tâm xây dựng dân chủ theo mô hình xã hội chứa đựng trong tư tưởng nền tảng và các định hướng lớn.

Ngay trong lời nói đầu, Cộng Hòa Việt Nam sẽ long trọng tuyên bố coi Tuyên Ngôn Nhân Quyền Phổ Cập của Liên Hiệp Quốc và các công ước đi kèm như là thành phần khảng khít của hiến pháp, lấy hòa giải và hòa hợp dân tộc làm tinh thần chủ đạo của mọi chính sách.

Ngay trong chương đầu sẽ có những điều khẳng định trong nước Việt Nam không thể có những ý kiến cấm nêu ra và cũng không thể có những đề tài cấm bàn đến; nhân dân và nhà nước Việt Nam lên án nội chiến và mọi ý đồ sử dụng bạo lực để đạt mục tiêu hay giải quyết những mâu thuẫn; nhà nước Việt Nam không tán thành và bãi bỏ án tử hình.

Sau những chương và điều về tổ chức bộ máy nhà nước, hiến pháp cũng sẽ có một chương đặc biệt gồm những điều có mục đích nhấn mạnh các mục tiêu quốc gia lớn: chức năng của Việt Nam là một nước thương mại, công nghiệp, dịch vụ và du lịch; Việt Nam dồn mọi cố gắng để sống chung trong tinh thần hữu nghị và hợp tác với các quốc gia khác, góp phần củng cố hòa bình trong vùng và trên thế giới; trách nhiệm đặc biệt trọng đại của nhân dân và nhà nước Việt Nam là gìn giữ và không ngừng cải thiện



môi trường, không khí, cây rừng, bờ biển, thềm lục địa và lãnh hải.

Để xây dựng luật pháp bắt đầu từ hiến pháp chúng ta chọn phương pháp thực nghiệm, nghĩa là ban hành, hoặc sửa đổi để giữ lại, những bộ luật căn bản giản dị nhưng chính xác và minh bạch lúc ban đầu, sau đó dựa theo các án lệ để giải quyết những trường hợp tương tự, đồng thời bổ túc và chỉnh sửa các bộ luật.

## VII. Đấu tranh thiết lập dân chủ đa nguyên

Vấn đề trọng đại trước mắt của chúng ta là chấm dứt chế độ độc tài đảng trị trong thời gian ngắn nhất và trong những điều kiện tốt đẹp nhất. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã là một đại họa cho dân tộc ta. Nó đã là thủ phạm của cuộc nội chiến kéo dài ba mươi năm làm đất nước tan nát và nhiều triệu người thiệt mạng. Trong cơn mê cuồng áp đặt chủ nghĩa cộng sản nó cũng đã phạm những tội ác kinh khủng, tàn sát có chủ mưu hàng trăm ngàn người yêu nước hoặc vô tội. Nó đã không chừa một thủ đoạn nào để cướp lấy chính quyền và sau khi cướp được chính quyền đã thất bại trong mọi địa hạt và trên mọi phương diện khiến nước ta nghèo khổ và tụt hậu một cách bi đát so với thế giới. Chúng ta là một trong những dân tộc cuối cùng trên trái đất vẫn còn bị phủ nhận những quyền làm người cơ bản. Đã thế nước ta còn lệ thuộc nước ngoài và mất đất, mất biển, mất đảo. Chế độ cộng sản tự duy trì thuần túy bằng bạo lực và đàn áp.

Không ai có thể phủ nhận quyền chống lại một bạo quyền như vậy bằng mọi phương tiện, kể cả bằng bạo lực. Tuy nhiên chúng ta dứt khoát khước từ bạo lực nhân danh trí tuệ và lòng yêu nước. Đất nước Việt Nam cũng đã chịu quá nhiều đổ vỡ để có thể chấp nhận một cuộc nội chiến mới, chúng ta cũng không thể chấp nhận ngay cả một giai đoạn hỗn loạn hậu cộng sản. Lịch sử thế giới gần đây cũng đã chứng tỏ rằng đấu tranh bất bạo động là phương thức

phù hợp nhất và hiệu quả nhất để giành thắng lợi cho dân chủ. Đó là phương thức chúng ta chọn.

Nét đậm nhất của đất nước hiện nay là mọi người Việt Nam đều đồng ý rằng chế độ độc tài đảng trị là một tai họa, đấu tranh thiết lập dân chủ đa nguyên là đồng thuận dân tộc. Dầu vậy Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn ngoan cố bám lấy một chủ nghĩa chuyên chính không những sai hoàn toàn mà còn bị lên án là một tội ác đối với nhân loại, hơn nữa còn ngang ngược tự cho mình độc quyền cai trị đất nước trong thời gian vô hạn định. Sự kéo dài của chế độ cộng sản là một thách đố lớn đối với mọi logic và đối với danh dự của dân tộc Việt Nam. Các thế hệ Việt Nam mai sau sẽ không thể hiểu nổi giai đoạn lịch sử này và sẽ không biết phải đánh giá thế nào những con người hôm nay. Nghịch lý này có một nguyên nhân mà chúng ta phải nhận diện, đó là sự thiếu vắng một giai cấp trí thức chính trị. Do truyền thống Khổng Giáo chúng ta chỉ có những người khoa bảng chuyên môn với chức năng làm công cụ cho chính quyền chứ không có những con người dám và có thể suy tư một cách độc lập về những vấn đề của đất nước và dám chấp nhận mọi thử thách để tranh đấu cho lập trường của mình, nghĩa là những trí thức chính trị. Chính sự thiếu vắng những trí thức chính trị đã khiến chúng ta không ý thức được rằng chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ là cuộc cách mạng lớn nhất trong lịch sử nước ta và không nhìn thấy những điều kiện phải có hoặc phải tạo ra để thành công cuộc cách mạng này. Cũng vì sự thiếu vắng này mà

chúng ta không đồng ý được với nhau về lộ trình vận động dân chủ và những việc phải làm cho mỗi giai đoạn.

### **1. Bốn điều kiện cần và đủ của cuộc cách mạng dân chủ**

Lịch sử các cuộc vận động chính trị lớn tại các quốc gia qua các thời đại cho thấy có bốn điều kiện vừa cần vừa đủ để một cuộc cách mạng - hiểu theo nghĩa tích cực của một sự thay đổi toàn diện của cả chế độ lẫn định hướng quốc gia - thành công:

Điều kiện thứ nhất là mọi người trong nước đồng ý rằng chế độ hiện hữu là tệ hại và phải thay đổi.

Điều kiện thứ hai là đảng hay giai cấp cầm quyền, vì mất đồng thuận trên lý tưởng chung hay vì bị ung thối, đã chia rẽ, phân hóa và đã mất bản năng tự tồn của một đoàn thể.

Điều kiện thứ ba là đại đa số quần chúng đạt tới đồng thuận về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới.

Điều kiện thứ tư là có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm hội tụ cho những khát vọng đổi mới.

Dĩ nhiên không bao giờ có điều kiện nào được thực hiện xong 100% cả, nhưng tới một mức độ chín muồi nào đó ta có thể coi một điều kiện là đã đạt được.

Nhìn vào bối cảnh hiện tại của đất nước chúng ta có thể khẳng định là hai điều kiện đầu đã có. Toàn dân đã chán ghét chế độ và đang nôn nóng chờ đợi thay đổi. Khát vọng dân chủ ngày càng lên cao trong dân chúng; hơn thế nữa sự chuyển hóa về dân chủ ngày càng được nhìn như một lẽ tự nhiên và một sự bắt buộc, càng trì hoãn chừng nào càng gây thiệt hại cho đất nước chừng đó. Không những dân chúng mà cả một số lượng đông đảo cán bộ và đảng viên cộng sản cũng đang mất kiên nhẫn trước sự trì hoãn của ban lãnh đạo cộng sản.

Mặt khác, Đảng Cộng Sản cũng đã ruồng nát. Cán bộ đảng viên đã mất hết mọi tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và nhìn ban lãnh đạo đảng như những đầu sỏ tham nhũng, ngược lại ban lãnh đạo đảng cũng đánh giá đa số đảng viên là gian trá, thiếu khả năng và phẩm chất. Những xung đột rất trầm trọng đã xảy ra ngay giữa các cấp lãnh đạo cao nhất. Tâm lý nự trị trong đảng là thi nhau giành giật, mạnh ai nấy sống. Đảng Cộng Sản đã mất ý chí và sức sống của một đoàn thể. Khỏi ba triệu đảng viên cộng sản hiện nay không còn là một chính đảng mà là một giai cấp thống trị chia rẽ.

Điều kiện thứ ba cũng đã gần đạt được. Đại bộ phận quần chúng, kể cả đảng viên cộng sản, đều đã đồng ý rằng chế độ chính trị tương lai của Việt Nam bắt buộc phải là một thể chế dân chủ đa nguyên, dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người; mọi người đều đã đồng ý rằng nền kinh tế của Việt Nam phải là kinh tế thị trường

lấy tư doanh làm nền tảng, lấy cạnh tranh làm sức mạnh và lấy lợi nhuận làm chất kích thích. Hơn thế nữa chúng ta còn ý thức được rằng phải thực hiện cuộc cách mạng dân chủ này bằng đường lối bất bạo động, trong tinh thần hòa giải dân tộc. Chúng ta chỉ còn thiếu một dự án chính trị rõ ràng và minh bạch, đặt ra những vấn đề lớn của đất nước cùng với những hướng giải quyết. Trong tinh thần đó dự án chính trị này là một đóng góp.

Sau cùng chúng ta cũng đã thấy xuất hiện những cố gắng kết hợp quan trọng. Một số những khuôn mặt tranh đấu, thuộc những quá khứ chính trị khác nhau cũng đang dần dần trở nên quen thuộc nhau và với quần chúng. Ý thức về sự cần thiết bắt buộc của đấu tranh có tổ chức cũng ngày càng được nhiều người chia sẻ. Những điều kiện cho một sự tập hợp các lực lượng dân chủ đang trở nên ngày càng thuận lợi hơn.

Như vậy việc còn lại phải làm là hoàn tất điều kiện thứ ba, nghĩa là đạt tới đồng thuận trên một dự án chính trị, và xây dựng điều kiện thứ tư, nghĩa là hình thành một kết hợp dân chủ có tầm vóc. Có thể nói chúng ta đã đi được ba phần tư lộ trình dẫn đến dân chủ. Nhưng đoạn đường còn lại, xây dựng một tập hợp chính trị làm tụ điểm cho khát vọng dân chủ, cũng là đoạn đường cam go nhất. Lý do là vì chúng ta gặp phải một liên minh gắn bó giữa, một bên, là chính sách đàn áp thô bạo của một đảng cầm quyền cực kỳ lì lợm và, bên khác, là sự thụ động của một dân tộc đã rã hàng sau quá nhiều thất vọng và thương tổn, một sự thụ

động được khuyến khích bởi chính sự thiếu vắng một kết hợp dân chủ có tầm vóc.

## **2. Năm giai đoạn của cuộc vận động dân chủ**

Làm thế nào để xây dựng ra tập hợp dân chủ đó? Lịch sử của các nước, các thời cũng đã chứng tỏ rằng mọi cuộc đấu tranh cách mạng muốn thành công đều phải qua năm giai đoạn rõ rệt. Cuộc vận động dân chủ, tuy bao dung về tinh thần và bất bạo động trong phương pháp, cũng vẫn là một cuộc đấu tranh cách mạng bởi vì nó nhằm thay đổi cả chế độ chính trị lẫn tổ chức xã hội. Như thế chúng ta cũng phải qua lộ trình năm giai đoạn đó, một lộ trình dài và khó khăn đòi hỏi những cố gắng bền bỉ trong nhiều năm.

### *2.1. Xây dựng một cơ sở tư tưởng*

Cơ sở tư tưởng của một kết hợp chính trị, ngoài những giá trị được tâm đắc và tôn vinh, gồm một dự án chính trị, những lý luận bảo vệ cho những chọn lựa trong dự án, và một đồng thuận trong chiến lược đấu tranh. Dự án đó phải là một tổng hợp công phu giữa một nhận định nghiêm túc về bối cảnh đất nước và những tư tưởng đúng đắn nhất của thời đại. Một phong trào chính trị muốn thành công cần được xây dựng trên một cơ sở tư tưởng mạnh. Cơ sở tư tưởng phải là một lý tưởng đủ đẹp và đủ tính khả thi để vừa gắn bó mọi chí hữu với nhau vừa tranh thủ được sự ủng hộ cho phong trào. Giai đoạn xây dựng cơ sở tư tưởng có thể coi là tạm hoàn tất khi đã có dự án chính trị được

thành phần có trí tuệ nhất của đất nước đánh giá là nghiêm túc và khả thi.

### *2.2. Xây dựng một đội ngũ cán bộ nòng cốt*

Tranh thủ sự ủng hộ cho dự án chính trị, tổ chức nhân lực và phương tiện để đưa cuộc đấu tranh tới thành công là công việc của đội ngũ cán bộ nòng cốt. Trong cuộc vận động dân chủ hiện nay chúng ta đang gặp khó khăn lớn là những người có khả năng chính trị vừa ít vừa phân tán. Cố gắng chính như vậy phải là, một mặt, bằng mọi cách quy tụ những phân tử quý hiếm đó và, mặt khác, cố gắng đào tạo ra những cán bộ nòng cốt mới. Công việc này tuy rất khó nhưng không thể né tránh bởi vì cuộc đấu tranh chính trị nào xét cho cùng cũng vẫn là cuộc đọ sức giữa những đội ngũ cán bộ. Một tổ chức chính trị luôn luôn phải tôn trọng một tỷ lệ nào đó giữa đội ngũ cán bộ nòng cốt và tổng số thành viên. Sức khỏe cần hơn sức vóc. Phẩm chất cần hơn số lượng. Trong thời đại hiện nay, khi mà các phương tiện truyền thông hiện đại cho phép một nhóm nhỏ quan hệ trực tiếp và thường xuyên với quần chúng, vai trò của đội ngũ cán bộ nòng cốt lại càng quan trọng.

### *2.3. Xây dựng và kiểm điểm phương tiện*

Cuộc đấu tranh nào muốn thành công cũng cần những phương tiện. Phương tiện không phải chỉ là phương tiện vật chất. Phương tiện có thể là của tổ chức, do các thành viên và cảm tình viên đóng góp, cũng có thể là của các tổ chức đồng minh, và cũng có thể là khả năng vận



động những sự yểm trợ của các tổ chức quốc tế, các cơ quan truyền thông, các tổ chức bảo vệ nhân quyền và tự do báo chí, các nhân vật có uy tín trong một bối cảnh nào đó. Các phương tiện có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức và đến từ nhiều nguồn khác nhau. Điều quan trọng là phải tiên liệu được và hoạch định được sự sẵn sàng của chúng. Xây dựng và kiểm điểm phương tiện là điều tối quan trọng bởi vì trong đấu tranh chính trị hoặc phải có các phương tiện cần thiết cho đường lối của mình, hoặc sẽ phải không nhiều thì ít thực hiện đường lối của kẻ cung cấp phương tiện.

#### *2.4. Xây dựng cơ sở quần chúng*

Cơ sở quần chúng cần được hiểu trước hết là tập thể thành viên ngoài đội ngũ cán bộ nòng cốt. Sự kiện một thành viên thuộc vào đội ngũ nòng cốt hay cơ sở có thể là do trình độ chính trị nhưng cũng có thể vì những lý do khác: sức khỏe, thời giờ có thể dành cho cuộc tranh đấu, hoàn cảnh gia đình và cá nhân ở một thời điểm. Cơ sở quần chúng cũng là những tập thể các thân hữu, đặc biệt là các thân hữu có uy tín. Sau cùng, cơ sở quần chúng cũng là vốn cảm tình mà tổ chức đã tranh thủ được. Cố gắng xây dựng cơ sở quần chúng chủ yếu là một cố gắng tuyên truyền nhằm hai mục tiêu: một là thuyết phục quần chúng về sự cần thiết phải đóng góp vào một giải pháp chung cho đất nước chứ mỗi người không thể tự giải quyết các vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân; hai là tranh thủ sự đồng tình của quần chúng đối với tổ chức. Cơ sở quần

chúng có thể coi là khả quan khi đã đủ mạnh để làm đại truyên giữa tổ chức và nhân dân tại các thành phố lớn.

### *2.5. Tiến công giành chính quyền*

Chỉ sau khi bốn giai đoạn trên đã được thực hiện, nghĩa là tổ chức đã đủ mạnh, mới có thể nghĩ đến việc tiến công giành chính quyền và phương pháp để giành chính quyền mới có thể được quyết định. Trong thực tế những người dân chủ Việt Nam phải dứt khoát loại bỏ giải pháp vũ trang ngay từ đầu vì giành chính quyền bằng bạo lực đòi hỏi phát động nội chiến điều mà mọi người Việt Nam phải dứt khoát lên án. Không gì tàn phá một quốc gia bằng nội chiến và không ai có quyền nhân danh bất cứ gì để phát động nội chiến. Thế giới văn minh đã từ bỏ bạo lực như một phương tiện đấu tranh chính trị, dân tộc Việt Nam sau những kinh nghiệm đau đớn của giai đoạn nội chiến vừa qua lại càng phải từ khước bạo lực một cách dứt khoát hơn. Chiến lược của những người dân chủ Việt Nam là diễn tiến hòa bình. Chiến lược đó có nghĩa là thắng lợi của dân chủ sẽ đến do áp lực từ xã hội. Áp lực này thể hiện chủ yếu qua hai hình thức; một là sự thay đổi cách suy nghĩ và hành động của người dân đặt chế độ vào thế việc vị lộ bịch, ngôn ngữ chính thức của chính quyền trở thành trò cười, các cấp lãnh đạo xấu hổ vì chức vụ của họ; hai là quần chúng dần dần trút bỏ được sự sợ hãi và ngày càng có thể được động viên để tham gia những cuộc biểu tình lớn; tới một điểm nào đó chính quyền sẽ bị đặt trước chọn lựa hoặc nhượng bộ hoặc sẽ bị lật đổ vì quần chúng đứng dậy. Dĩ nhiên

chúng ta mong muốn kích bản chính quyền cộng sản nhượng bộ và tham gia vào tiến trình dân chủ hóa.

Nhưng làm thế nào để động viên quần chúng. Mọi nghiên cứu và kinh nghiệm đều cho thấy một quần chúng dù bất mãn tới đâu cũng chỉ nổi dậy đấu tranh nếu có đủ ba điều kiện:

*Một là:* mọi người cảm thấy gắn bó trong một số phận chung và chỉ có thể có lối thoát chung chứ mỗi người không thể luôn lách để tìm giải pháp cá nhân; mặt khác mọi người đồng ý rằng thảm kịch chung đến từ một tập thể được nhận diện rõ rệt. Nói cách khác phải có ý thức về hai tập thể rõ rệt, một "tập thể ta" nạn nhân của một "tập thể địch". Trong trường hợp Việt Nam điều kiện này có nghĩa là quần chúng Việt Nam ý thức rằng Đảng Cộng Sản là nguyên nhân của tình trạng tệ hại hiện nay và chỉ có thể có giải pháp chung cho cả đất nước chứ mỗi người không thể luôn lách để tìm một giải pháp cá nhân.

*Hai là:* có một tổ chức để động viên và lãnh đạo quần chúng; vai trò cốt lõi của tổ chức là để giữ nguyên khí thế đấu tranh, tránh những sai lầm gây chán nản. Quần chúng không kiên nhẫn. Cố gắng động viên quần chúng sẽ thất bại nếu có những tổ chức khác nhau đưa ra những lời kêu gọi khác nhau, hay nếu có chia rẽ trong tổ chức lãnh đạo.

*Ba là:* tổ chức lãnh đạo phải đủ mạnh để quần chúng tin tưởng chắc chắn vào thắng lợi. Quần chúng không lãng mạn.

Trong vài năm qua đã có nhiều cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc xâm lấn hay phản kháng chính quyền cướp đoạt đất đai. Tất cả những cuộc biểu tình này, nếu mục tiêu là thay đổi chế độ, đều còn ở rất dưới mức độ cần thiết, ngay cả để đạt một kết quả tương đối, vì chúng đều sai tiến trình. Vận động quần chúng chỉ có thể là giai đoạn cuối cùng trong năm giai đoạn kể trên. Hơn nữa những cuộc biểu tình này cũng không có được một điều kiện nào trong ba điều kiện cần có để động viên quần chúng.

Năm giai đoạn phải đi theo thứ tự nhưng không nhất thiết là giai đoạn trước phải hoàn tất giai đoạn kế tiếp mới bắt đầu. Các giai đoạn gối đầu lên nhau. Tiến trình năm giai đoạn là một công thức hướng dẫn hành động, nó là một điều kiện cần nhưng không phải là điều kiện đủ. Đi sai tiến trình này thì chắc chắn thất bại nhưng theo đúng tiến trình chưa chắc đã thành công. Sự thành công còn tùy thuộc nhiều yếu tố định lượng: cơ sở tư tưởng được hưởng ứng đến mức độ nào, cán bộ nhiều hay ít và khả năng thế nào, phương tiện dồi dào tới mức nào.

Một nhận xét rất quan trọng là hai giai đoạn đầu, xây dựng một cơ sở tư tưởng và hình thành đội ngũ cán bộ nòng cốt, chiếm gần hết thời giờ và công lao của một cuộc cách mạng. Phải vài thập niên mới có nổi một cơ sở tư tưởng đúng đắn, lành mạnh, được quần chúng chia sẻ và một đội ngũ cán bộ chừng vài trăm người với vài chục người là những cán bộ thực sự nòng cốt, nắm vững cơ sở tư tưởng, có bản lĩnh, có quyết tâm, có kỹ thuật và kỷ luật đấu tranh.

Nhưng một khi hai yếu tố này đã có, tổ chức có thể dựa vào một vận hội lịch sử mà phát triển rất nhanh chóng và giành được thế chủ động trong vòng vài năm, thậm chí vài tháng.

Nhận định của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là cuộc vận động dân chủ hiện nay mới chỉ ở giữa giai đoạn thứ nhất và bước đầu của giai đoạn thứ hai. Nhưng không phải vì thế mà có thể kết luận bi quan rằng thắng lợi của dân chủ còn xa.

### **3. Nội dung của cuộc vận động dân chủ**

Từ những phân tích trên, cố gắng đấu tranh để chấm dứt chế độ độc tài và xây dựng dân chủ của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẽ tập trung vào những công tác trọng điểm sau đây.

#### *3.1. Thức tình quần chúng về sự cần thiết của một giải pháp chung cho cả dân tộc*

Sự mâu thuẫn đáng phẫn nộ giữa tiềm năng to lớn và hiện trạng bi đát của dân tộc, giữa ước vọng dân chủ rộng khắp và sự kéo dài thách đố của chế độ độc tài toàn trị có một nguyên nhân chính: đó là tâm lý luồn lách để tìm những giải pháp cá nhân cho những vấn đề cá nhân. Tâm lý đó là di sản lịch sử và văn hóa của hàng ngàn năm trong đó con người hoàn toàn không có tiếng nói, phải chịu đựng chính quyền như một định mệnh và tìm cách thích ứng để tự tồn. Luồn lách để tồn tại đã, một mặt, buộc người dân

phải chấp nhận làm những điều không lương thiện và góp phần làm ung thối thêm xã hội, mặt khác, khiến người dân phải thỏa hiệp với chế độ, đóng góp cho chế độ và do đó giúp chế độ tồn tại, một điều không ai muốn.

Cố gắng đầu tiên, trọng đại và cam go của những người dân chủ là thức tỉnh dân chúng rằng bắt buộc phải có một giải pháp chung, nghĩa là một thay đổi chế độ chính trị, chứ mỗi người không thể xé lẻ và luồn lách để tự giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân. Sẽ chỉ có một thiểu số không đáng kể thành công như vậy và sự thành công nếu có cũng chỉ là tạm bợ và đầy bất trắc.

Phải đánh đổ trước hết chủ nghĩa luồn lách và phát huy ý chí sống lương thiện, xứng đáng và trách nhiệm. Chừng nào quần chúng còn chưa tin là mọi người Việt Nam đều gắn bó với nhau trong một số phận chung, và do đó cần một giải pháp chung, cuộc vận động dân chủ vẫn chưa thể thành công và chế độ độc tài vẫn tồn tại, hay nếu có sụp đổ do sự ruồng nát của chính nó thì cũng chỉ nhường chỗ cho một tình trạng hỗn loạn vô chính phủ còn tồi tệ hơn cả một chế độ độc tài.

Khó khăn chính của cuộc cách mạng tâm lý này là nó đòi hỏi cả lý luận lẫn sự kích thích và do đó chỉ có những kết hợp chính trị mới có thể vận động được một cách hữu hiệu. Các nhà nghiên cứu, các nhà tư tưởng, ngay cả các nhân sĩ uy tín, nếu có, cũng bất lực vì chính sự kiện họ đứng một mình cũng đã không nhiều thì ít chứng tỏ họ

chọn lựa giải pháp cá nhân và khiến cho những hô hào của họ về một ý thức chung mất rất nhiều tác dụng. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên hiểu trách nhiệm và vai trò của mình trong cuộc đột phá tâm lý này.

### *3.2 Giành thắng lợi dứt khoát về mặt tư tưởng và lý luận*

Trong đấu tranh cách mạng thắng lợi về tư tưởng và lý luận cuối cùng sớm muộn cũng đưa tới thắng lợi chính trị; ngược lại một chính quyền không còn gì để nói trước sau cũng bị đào thải. Hiện nay chính quyền cộng sản đã hoàn toàn bối rối trên mặt trận ý thức nhưng đối lập dân chủ Việt Nam cũng chưa giành được thắng lợi dứt khoát. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh tư tưởng để bẻ gãy hẳn những lý luận nguy hiểm có lợi cho chế độ độc tài và giải tỏa những lẩn tránh còn tồn tại trong nhân dân và một số người dân chủ. Cuộc đấu tranh tư tưởng này rất quan trọng, ngay cả sau khi dân chủ đã được thiết lập, vì đó chính là cuộc vận động cốt lõi để thay đổi cách suy nghĩ và hành động, nghĩa là thay đổi hướng đi của lịch sử.

Chúng ta phải bẻ gãy lập luận cho rằng dân chủ sẽ đưa tới hỗn loạn. Chúng ta cần chứng minh rằng dân chủ là điều kiện căn bản để bảo đảm không có hỗn loạn, là phương thức sinh hoạt cho phép xã hội tiến hóa và đổi mới không ngừng trong trật tự. Chúng ta cần khẳng định rằng đất nước sẽ không thể vươn lên được nếu không đẩy lùi

được tham nhũng vì tham nhũng làm hỏng tất cả mọi kế hoạch, dự án, công trình. Nhưng kinh nghiệm của mọi quốc gia trên thế giới đã chứng tỏ rằng người ta không thể cải tiến một chính quyền tham nhũng mà chỉ có một giải pháp duy nhất là thay thế chính quyền tham nhũng bằng một chính quyền khác. Dân chủ chính là thể chế cho phép thay đổi chính quyền mà không gây hỗn loạn; dân chủ vì vậy là giải pháp bắt buộc cho những nước mắc nạn tham nhũng nặng như Việt Nam.

Chúng ta phải bẻ gãy lập luận cho rằng muốn phát triển cần có kỷ luật và muốn có kỷ luật cần hy sinh dân chủ, giới hạn tự do và nhân quyền. Nhân dân Việt Nam cần được giải thích rõ ràng không thể có kỷ luật quốc gia nào khác hơn là hiến pháp và luật pháp. Nhân dân Việt Nam cũng cần được thuyết phục rằng dân chủ, tự do và nhân quyền không những không là những trở ngại mà còn là những điều kiện không có không được cho một phát triển lành mạnh, liên tục và bền vững; những tiến bộ ban đầu tại một số nước độc tài như Trung Quốc và Việt Nam chỉ là hậu quả của việc nói lỏng một số tự do và tháo gỡ một phần chính sách quản lý độc đoán và sẽ mau chóng đạt tới giới hạn nếu không có chuyển biến thực sự về dân chủ. Trên thực tế đã phát triển tại hai nước này đã khựng lại vì hai chính quyền Trung Quốc và Việt Nam không chịu đẩy mạnh thêm cải tổ theo chiều hướng dân chủ hóa.

Chúng ta phải bẻ gãy lập luận cho rằng xã hội phương Đông khác với xã hội phương Tây, và do đó không



thể chấp nhận những giá trị của phương Tây như tự do cá nhân, dân chủ và nhân quyền. Tự do, dân chủ và nhân quyền là những giá trị phổ cập của cả loài người, không riêng gì của phương Tây. Các giá trị đó có mặt trong mọi nền văn minh, kể cả tại Việt Nam. Ưu điểm của các nước phương Tây là đã biết phát huy mạnh mẽ những giá trị đó, nhờ thế họ đã phồn vinh và vượt xa phần còn lại của thế giới. Chúng ta cần phát huy những giá trị đó để tiến lên. Và vì chúng ta đã chậm trễ nên cần phát huy một cách mạnh mẽ và quả quyết.

Chúng ta cần phơi bày sự sai trái của lập luận cho rằng các giá trị văn hóa Châu Á có lợi cho phát triển hơn các giá trị văn hóa phương Tây. Đằng sau lập luận mị dân đó là ý đồ biện hộ cho những chế độ độc tài chuyên chính. Không phải ngẫu nhiên mà chế độ cộng sản Trung Quốc đang cố gắng phục hồi Khổng Giáo và cũng không có gì ngạc nhiên nếu chế độ cộng sản Việt Nam sẽ hưởng ứng. Chúng ta phải cảnh giác để làm thất bại kế hoạch tuyên truyền này. Dĩ nhiên các nền văn hóa Châu Á có nhiều điểm tích cực nhưng những điểm tiêu cực còn nhiều hơn và trầm trọng hơn. Các nước Châu Á phát triển nhất đã phát triển nhờ chấp nhận cách suy nghĩ, tổ chức và làm việc dân chủ của người phương Tây chứ không vì phủ nhận phương Tây và đề cao những nét đặc thù của mình. Và lại, các nước Châu Á có những nền văn hóa và phong tục rất khác nhau, nên không thể nói một cách chung chung tới những giá trị phương Đông hay Châu Á được.

Chúng ta cần ý thức rằng đây không phải chỉ là những cuộc tranh luận lý thuyết. Đằng sau những lập luận ngụy biện bênh vực cho các chế độ độc tài là những nhà tù khắc nghiệt, những đày đọa thô bạo mà những con người đáng quý nhất của đất nước là nạn nhân, trong khi một thiểu số cường hào tha hồ vơ vét tài nguyên quốc gia.

Chúng ta cũng cần phải cực lực bác bỏ một thứ "chủ nghĩa kinh tế" mà một số chính quyền, trong đó có chính quyền cộng sản Việt Nam, đã lấy làm lý cứ để phủ nhận hoặc giới hạn tự do, dân chủ và nhân quyền. Kinh tế không phải là tất cả, và ngay cả trên địa hạt thuần túy kinh tế tỷ lệ tăng trưởng cũng không phải là tất cả. Một thành tích tăng trưởng kinh tế 10% không cho phép một chính quyền tự mãn là có công rồi áp đặt một chế độ độc tài lên dân chúng, nhất là khi sự tăng trưởng đó chỉ là rút ngắn một phần sự tụt hậu do chính họ gây ra và đất nước phải trả bằng một giá rất đắt về văn hóa, đạo đức, môi trường. Mục tiêu quốc gia mà chúng ta phấn đấu để toàn dân Việt Nam chia sẻ là một xã hội phồn vinh, có văn hóa cao, có sự phân phối hợp tình hợp lý lợi tức quốc gia, có cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi người, có liên đới giữa người và người và giữa mọi người với đất nước, có bảo đảm tự do và phẩm giá cho mọi người, có khả năng không ngừng vươn lên, có môi trường thiên nhiên được bảo vệ và liên tục cải thiện.

Một cố gắng khác, rất quan trọng, là thuyết phục mọi đảng viên cộng sản và viên chức nhà nước rằng họ hoàn toàn không có lý do chính đáng nào để lo ngại sự cáo chung

của chế độ độc tài đảng trị cả, trái lại họ còn có mọi lý do để vui mừng trước những thắng lợi của dân chủ. Danh dự, nhân phẩm và những quyền lợi hợp pháp của họ sẽ được tôn trọng. Hơn thế nữa, họ còn trút bỏ được mặc cảm tội lỗi tiếp tay cho một chế độ tồi dở và gian trá. Họ sẽ có niềm tự hào đóng góp đưa đất nước tiến lên với phúc lợi càng ngày càng lớn cho mọi người, kể cả chính họ.

Cố gắng tranh thủ sự hưởng ứng của những cán bộ đảng viên cộng sản không khó về mặt lý luận vì trong đại bộ phận họ cũng đều là nạn nhân của chế độ và cũng rất bất mãn. Khó khăn là ở di sản tâm lý do cuộc chiến và cách cai trị thô bạo của Đảng Cộng Sản để lại. Nhiều người không tin rằng hận thù có thể xóa bỏ dễ dàng, trong khi đó thì vẫn còn những luận điệu cực đoan của một thiểu số vô ý thức và vô trách nhiệm gây thêm sự lo ngại. Bởi vậy cuộc vận động dân chủ, một mặt, phải khẳng định một cách thật quả quyết tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc và, mặt khác, phải cam kết một cách hùng hồn rằng sẽ không có bất cứ một biện pháp phân biệt đối xử nào. Muốn như thế hàng ngũ dân chủ phải quy tụ mọi người xuất phát từ mọi quá khứ chính trị. Một tập hợp chính trị dù có thiện chí và đường lối đúng đắn đến đâu mà chỉ gồm những người xuất phát từ một trong hai phe quốc gia cũ hay cộng sản cũ cũng vô vọng.

Để giành thắng lợi dứt khoát trong mặt trận tư tưởng và lý luận chính những người dân chủ phải có tư tưởng và lý luận đúng. Cố gắng đầu tiên và quan trọng nhất là thuyết

phục những người muốn đóng góp cho cuộc vận động dân chủ, trí thức cũng như quần chúng, rằng đấu tranh chính trị không bao giờ có thể là đấu tranh cá nhân cả mà luôn luôn chỉ có thể là đấu tranh có tổ chức. Cuộc đấu tranh để chấm dứt chế độ độc tài đảng trị và thiết lập dân chủ là một cuộc đấu tranh chính trị rất khó khăn. Nó phải có tổ chức, và tổ chức không thể thành hình nhanh chóng được mà đòi hỏi những cố gắng thông minh và bền bỉ trong rất nhiều năm. Nhưng xây dựng tổ chức là điều không thể tiết kiệm. Các chuyên gia, nhà bình luận, văn nghệ sĩ có thể đóng góp với tư cách cá nhân những thông tin, lý luận và tình cảm có lợi cho cuộc vận động dân chủ nhưng họ không đánh bại được chế độ độc tài, đánh bại được chế độ độc tài hay không là ở các tổ chức dân chủ. Chúng ta trân trọng những đóng góp đó nhưng cũng phải nhận định giới hạn của chúng. Ngược lại những người này cũng cần nhìn thấy giới hạn của chính mình và nhìn nhận sự cần thiết của tổ chức, ngay cả nếu họ có những lý do riêng để không tham gia một tổ chức nào. Đấu tranh chính trị mà không tham gia một tổ chức nào phải được coi là một ngoại lệ chứ không thể là một thông lệ.

Vấn đề là hiện nay vẫn còn nhiều người nghĩ rằng có thể đấu tranh cho dân chủ mà không tham gia một tổ chức nào cả. Một số còn tự hào là không thuộc tổ chức nào, coi đó là dấu hiệu của tinh thần khách quan và đúng đắn. Họ cần được cảnh tỉnh rằng đây là một thái độ rất sai, có hại cho cuộc vận động dân chủ và mâu thuẫn với ước vọng của chính họ. Họ cần hiểu rằng đấu tranh chính trị cá nhân chỉ

thực sự có hiệu quả nơi một số rất ít người có uy tín và trình độ rất cao hoặc có địa vị rất đặc biệt, trong gần như mọi trường hợp tác dụng tích cực không bằng tác dụng tiêu cực là đánh lạc sự chú ý khỏi cố gắng đúng đắn và cần thiết nhất, nghĩa là xây dựng tổ chức dân chủ.

Một sai lầm lớn khác cần được cảnh giác là nghĩ rằng một tổ chức chính trị có thể thành lập được một cách nhanh chóng. Niềm tin nông nổi này đưa tới tình trạng đã quá quen thuộc là nhiều người háo hức thành lập vội vã các tổ chức mỗi khi bối cảnh chính trị tỏ ra thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ, với kết quả sau cùng là đóng góp làm lỡ cơ hội vì đánh lạc sự chú ý khỏi những cố gắng nghiêm chỉnh. Phân tích những điều kiện để một cuộc cách mạng thành công và những giai đoạn phải đi qua đã cho thấy một tổ chức chính trị nghiêm túc chỉ có thể là thành quả của những cố gắng thông minh, liên tục và bền bỉ trong nhiều năm, khởi đầu từ một tư tưởng chính trị hoàn chỉnh. Kinh nghiệm thực tế cũng đã cho thấy là trong bốn thập niên qua đã có hàng ngàn tổ chức được manh nha nhưng hầu như tất cả đều đã tan biến, không những thế ngay cả những chính đảng kỳ cựu đã đóng góp nhiều hy sinh và tranh thủ được nhiều uy tín cũng đã tàn lụi đi vì không cập nhật được tư tưởng chính trị. Xây dựng một tổ chức chính trị như vậy đòi hỏi rất nhiều trí tuệ, cố gắng và thời gian, kể cả may mắn. Những manh động thành lập tổ chức mới thay vì đóng góp cho một tổ chức nghiêm chỉnh có sẵn vì vậy không nên được khuyến khích.

Cũng cần cảnh giác với một ngộ nhận cho rằng chỉ cần tập trung mọi cố gắng xây dựng các tổ chức xã hội dân sự. Đúng là sự thiếu vắng xã hội dân sự đã là nguyên nhân chính khiến chúng ta thua kém so với thế giới và khiến dân tộc ta bất lực trước một chế độ độc tài bạo ngược. Không ai phủ nhận sự cần thiết của xã hội dân sự nhưng phải nhìn đúng vai trò của nó. Mỗi tổ chức xã hội dân sự đúng nghĩa chỉ có thể dành quan tâm đặc biệt cho một vấn đề của xã hội và vì thế có tiếng nói uy tín trên vấn đề đó nhưng, ngược lại, không quán triệt mọi vấn đề của xã hội và cũng không thể có tham vọng chính trị. Mỗi tổ chức phơi bày những sai trái của chế độ độc tài và gây áp lực trên một địa hạt mà mình đặc biệt quan tâm và đã trải nghiệm nên có tiếng nói thẩm quyền. Sức mạnh của các tổ chức xã hội dân sự chính là ở chỗ chúng có mục tiêu nhất định rõ rệt. Chúng là những hỗ trợ quý báu cho cuộc vận động dân chủ nhưng chúng không có chức năng lãnh đạo cuộc đấu tranh cho dân chủ. Đó là chức năng của các tổ chức chính trị.

### *3.3. Hình thành của một mặt trận dân chủ và đấu tranh đòi bầu cử tự do*

Cuộc đấu tranh chấm dứt chế độ độc tài và thiết lập dân chủ bắt buộc phải có lãnh đạo thống nhất để có thể tranh thủ hậu thuẫn của thế giới, đem lại lòng tin vào thắng lợi và động viên quần chúng. Đặc biệt công tác động viên quần chúng chắc chắn sẽ thất bại nếu phong trào dân chủ phân tán để chỉ có những lời kêu gọi và chỉ thị mâu thuẫn.

Lãnh đạo thống nhất đó có thể là một tổ chức vượt hẳn các tổ chức khác về lực lượng cũng như uy tín buộc các tổ chức khác phải hợp tác vì không có chọn lựa nào khác. Thực tế cho thấy là khả năng này hầu như không có. Giải pháp thực tế là một mặt trận dân chủ quy tụ những tổ chức dân chủ chân chính.

Không một người dân chủ nào không nhận thức được sự cần thiết của một mặt trận dân chủ -hay một liên minh dân chủ- có tầm vóc.

Mặt trận dân chủ này cần thiết để đổi lập dân chủ Việt Nam xuất hiện dưới mắt thế giới như một giải pháp thay thế đáng tin cậy, tránh tình trạng các tổ chức đua nhau tranh giành hậu thuẫn của các chính phủ và các tổ chức quốc tế tạo ra hình ảnh một đổi lập Việt Nam phân tán và thiếu tự trọng.

Mặt trận này cũng là điều kiện bắt buộc phải có để đem lại cho quần chúng niềm tin vào thắng lợi, do đó có thể động viên được quần chúng và sau đó để có thể lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi chế độ cộng sản phải nhượng bộ.

Mặt trận này có thể thành lập được vì thời gian đã gạt bỏ những ý kiến và ngày nay chỉ còn rất ít những khác biệt về quan điểm.

Bước đầu của cố gắng hình thành mặt trận dân chủ này là đẩy mạnh hơn nữa những tiếp xúc và trao đổi bộ

trực trong tinh thần tương kính về bối cảnh quốc tế và về hiện tình đất nước, về những chọn lựa cơ bản cho tương lai, về những vấn đề cấp bách phải giải quyết và về hướng giải quyết cho những vấn đề đó. Chính qua những cuộc trao đổi này mà một đồng thuận có thể đạt tới và những con người cần có để giành thắng lợi cho nó có thể tìm ra.

Giai đoạn vận động này cần được xúc tiến ở cả trong lẫn ngoài nước song song với cố gắng phổ biến rộng rãi lý tưởng dân chủ đa nguyên tới quần chúng. Nó có mục đích tìm ra những người cùng chí hướng để kết hợp hành động. Nó cũng có mục đích tìm hiểu và đối chiếu mọi lập trường chính trị để nhận diện ra những tổ chức chính trị dù không hoàn toàn chia sẻ quan điểm của nhau nhưng vẫn có thể phối hợp hành động. Quan trọng không kém, nó cho phép phát hiện những tổ chức mạo danh dân chủ do Đảng Cộng Sản dựng lên trong mục đích phá hoại phong trào dân chủ.

Sự kết hợp trong một mặt trận dân chủ này phải vượt lên trên mọi ngăn cách do quá khứ để lại, trong tinh thần hòa giải dân tộc thành thực và trọn vẹn, hoàn toàn hướng về tương lai. Sức mạnh của kết hợp này chủ yếu dựa trên đồng thuận về mục đích và phương pháp đấu tranh, cùng với sự tin tưởng lẫn nhau. Kết hợp này phải mở cửa cho mọi cá nhân và đoàn thể thuộc mọi xuất xứ miễn là thành thực chia sẻ lý tưởng dân chủ đa nguyên, thành thực tán thành tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc và quả quyết từ khước bạo lực. Mọi bất đồng quan điểm khác đều có thể thỏa hiệp.



Chúng ta khẳng định mặt trận dân chủ này là một mặt trận chống tất cả mọi hình thức độc tài trong đó độc tài cộng sản chỉ là một, chống sự áp bức, chống sự tòi dờ và gian trá. Mặt trận dân chủ này hoàn toàn không phải là sự kéo dài của cuộc xung đột trong quá khứ, mà là một kết hợp hướng về tương lai. Nó mở cửa cho mọi người dân chủ thuộc mọi quá khứ chính trị và mọi cương vị. Nhưng ngược lại, nó cũng chỉ mở cửa cho những người thật sự dân chủ.

Để có hiệu năng, như mọi liên minh chính trị, mặt trận dân chủ sẽ cần một tổ chức thành viên làm đầu tàu để bảo đảm sự ổn vững. Với nhận định đó Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một mặt, sẽ nỗ lực phát triển chính mình để có thể đảm nhiệm vai trò đầu tàu đó nhưng, mặt khác, sẽ sẵn sàng nhường vai trò lãnh đạo cho một tổ chức dân chủ khác có ưu thế hơn hoặc bằng mình.

Tuy nhiên, nhận thức về sự cần thiết của một tổ chức đầu tàu không thể làm chúng ta quên rằng những xảo thuật để giành thế thượng phong chỉ làm xấu thêm một hoàn cảnh tự nó đã khó khăn. Mọi tổ chức đều phải coi những cố gắng của mình như những đóng góp cho thắng lợi của dân chủ. Mọi tổ chức, kể cả những tổ chức lớn do sự kết hợp của nhiều tổ chức, đều phải tự coi mình là những thành tố, những chặng đường của một kết hợp càng ngày càng lớn hơn. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cam kết luôn luôn hành xử theo phương châm đó.

Hình thức, chiến thuật và lãnh đạo sẽ uyển chuyển theo tình huống. Khi chính quyền cộng sản đã nhượng bộ và chấp nhận luật chơi dân chủ, cuộc vận động sẽ công khai và cơ quan lãnh đạo mặt trận sẽ đặt ở trong nước. Chừng nào chính quyền cộng sản vẫn còn ngoan cố tiếp tục chính sách đàn áp, hoạt động trong nước sẽ kín đáo và cơ quan lãnh đạo sẽ đặt tại hải ngoại.

Trong cả hai trường hợp chúng ta cần một sự hiện diện tích cực trên cả nước và trong mọi địa hạt. Chúng ta sẽ tận dụng mọi kẽ hở, nắm lấy mọi cơ hội, kết thân với mọi người muốn đổi mới đất nước để tạo ra và nhân lên những cơ sở đối lập càng ngày càng tích cực, càng ngày càng công khai. Một mặt chúng ta nỗ lực để mở rộng thêm cánh cửa bùng bít của chính quyền cộng sản và tận dụng luồng giao lưu giữa trong và ngoài nước, mặt khác chúng ta vận dụng mọi sáng kiến để tạo áp lực càng ngày càng mãnh liệt và nhiều mặt lên chế độ, tiên công tập đoàn cộng sản thủ cựu trên mọi mặt trận, chặn đánh mọi lối thoát của nó, trừ lối thoát về dân chủ thực sự.

Sứ mạng của mặt trận dân chủ là đấu tranh đòi dân chủ và bầu cử tự do. Sứ mạng đó coi như đã hoàn tất sau cuộc bầu cử thực sự tự do đầu tiên. Sự tiếp nối hay không, và tiếp nối thế nào nếu có, là quyết định sau đó của các tổ chức thành viên.

Cuộc bầu cử tự do này sẽ không thể do chính quyền cộng sản quyết định một mình và tổ chức một mình. Bầu

định chế nào, bầu vào lúc nào, bầu như thế nào, những ai được quyền đi bầu và những ai được quyền ứng cử là những quyết định trên đó đôi lập dân chủ Việt Nam phải có tiếng nói.

Bầu cử tự do chỉ có thể diễn ra khi mọi quyền tự do chính trị cơ bản đã được chính thức và long trọng xác nhận và các luật lệ mâu thuẫn với các quyền tự do chính trị đã được bãi bỏ.

Bầu cử tự do phải diễn ra trong tinh thần hòa giải dân tộc, vượt lên trên mọi hàng rào hành chính do chính quyền hiện tại tạo ra hay do hoàn cảnh mà có. Một cách cụ thể, trước khi có bầu cử mọi chính trị phạm phải được trả tự do và phục hồi quyền công dân trọn vẹn, các tiền án chính trị phải được xóa bỏ, người Việt hải ngoại cũng phải được nhìn nhận quốc tịch Việt Nam và quyền bầu cử và ứng cử.

Bầu cử tự do cũng phải được tổ chức bởi một chính quyền hội đủ điều kiện để được nhìn nhận là có khả năng đảm bảo cho bầu cử được công bằng và lương thiện. Chính quyền này sẽ hoan nghênh sự hiện diện không giới hạn của những quan sát viên quốc tế vô tư trong những cuộc bầu cử tự do.

Những đòi hỏi trên đây dù rất khiêm tốn và rất hợp tình hợp lý nhưng chắc chắn sẽ gặp sự chống đối của chính quyền cộng sản, vì thế phải vận dụng mọi áp lực quân chúng và quốc tế trong mọi lãnh vực để buộc Đảng Cộng Sản phải nhượng bộ và tham gia vào tiến trình dân chủ hóa.

Thực ra Đảng Cộng Sản không có chọn lựa nào khác. Dân chủ đã trở thành luật chơi chung của thế giới và một làn sóng dân chủ mới đang trào dâng trong khi Trung Quốc, chỗ dựa cuối cùng của họ đã lung lay. Họ chỉ còn chọn lựa làm tác nhân hay làm nạn nhân của một chuyển hóa tất yếu.

Kết quả của cuộc bầu cử tự do thật ra không quan trọng lắm. Ngay trong trường hợp Đảng Cộng Sản, hoặc hậu thân của nó dưới một danh xưng khác, giành được thắng lợi thì nó cũng không thể là một đảng cầm quyền độc đoán nữa; chế độ dân chủ đã được thiết lập, cuộc vận động dân chủ đã thành công và người thắng lớn vẫn là dân tộc Việt Nam. Tuy vậy với tình trạng bi đát của đất nước và những trách nhiệm của Đảng Cộng Sản -sai lầm cũng như tội ác- được phơi bày qua thảo luận dân chủ chúng ta có thể dự đoán mà không sợ sai lầm là Đảng Cộng Sản sẽ thảm bại, thậm chí có thể bị xóa bỏ, ngay trong cuộc bầu cử tự do đầu tiên. Và lại có mọi triển vọng là cuộc tranh cử sẽ không diễn ra giữa Đảng Cộng Sản và các tổ chức dân chủ mà giữa thành phần thủ cựu còn lại của Đảng Cộng Sản với các lực lượng dân chủ, bởi vì ngay khi dân chủ và bầu cử tự do đã được chấp nhận trên nguyên tắc, chắc chắn một phần đáng kể đảng viên cộng sản, kể cả một số cơ sở của Đảng Cộng Sản, sẽ ly khai và gia nhập hàng ngũ dân chủ.

Trong đấu tranh đề đòi bầu cử tự do cũng như để giành thắng lợi qua các cuộc bầu cử tự do đó, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên lúc nào cũng chủ trương xóa bỏ hận thù,

tôn trọng mọi người và mọi chính kiến để hợp tác với nhau và cùng nhau xây dựng tương lai Việt Nam chung. Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc này không thể bị đồng hóa với thái độ sẵn sàng cấu kết và đồng lõa với bất cứ ai. Thái độ của Tập Hợp rất minh bạch. Tập Hợp có mục tiêu và đường lối rõ ràng và Tập Hợp sẽ kiên trì theo đuổi. Tập Hợp sẽ dồn mọi cố gắng để giành thắng lợi trong bầu cử tự do. Nếu thắng, Tập Hợp sẽ cùng với các tổ chức chính trị đồng minh chia sẻ trách nhiệm trước dân tộc. Nếu không may thắng lợi về tay những lực lượng khác lập trường, Tập Hợp sẽ tiếp tục đấu tranh trong cương vị của một đối lập đứng đắn và trách nhiệm.

Như tất cả mọi cuộc vận động chính trị, cuộc đấu tranh này sẽ đòi hỏi nhiều thỏa hiệp. Đấu tranh bất bạo động có nghĩa là chấp nhận đi đến thắng lợi sau cùng qua các thỏa hiệp giai đoạn. Tập Hợp sẽ chấp nhận những thỏa hiệp giai đoạn, nhưng sẽ không sợ đánh mất chính mình vì đã có tư tưởng nền tảng và những định hướng lớn làm kim chỉ nam. Tập Hợp sẽ chấp nhận những thỏa hiệp giai đoạn có tác dụng rút ngắn lộ trình dân chủ nhưng sẽ không nhân nhượng trên ba lập trường căn bản: lý tưởng dân chủ đa nguyên, tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, và phương thức đấu tranh bất bạo động.

## VIII. Chuyển tiếp thành công về dân chủ

### 1. Bài toán chuyển tiếp

Sau khi chế độ độc tài đảng trị chấm dứt chúng ta sẽ trải qua một giai đoạn chuyển tiếp cực kỳ khó khăn. Trong một khoảng thời gian chừng năm năm, nước ta sẽ phải làm những cố gắng rất phi thường để vượt qua những thử thách vô cùng cam go trước khi có thể trở thành một quốc gia bình thường và hội nhập thực sự vào cộng đồng quốc tế.

Chúng ta sẽ phải chuyển đổi từ một hệ thống nhất nguyên, tập trung, chuyên quyền sang một chế độ đa nguyên, tản quyền và phân quyền.

Chúng ta sẽ phải thay thế một kinh tế hoạch định đặt nền tảng trên các xí nghiệp quốc doanh bằng một kinh tế thị trường lấy các xí nghiệp tư làm sức mạnh.

Chúng ta sẽ phải biến một guồng máy chính quyền tham nhũng, quan liêu, bàn giấy, công cụ của một đảng thành một nhà nước hữu hiệu, trách nhiệm, lành mạnh, phục vụ cho công ích.

Chúng ta sẽ phải chấm dứt lối quản lý tùy tiện bằng nghị quyết và chỉ thị để thiết lập một nhà nước dân chủ pháp trị đúng nghĩa.

Chúng ta sẽ phải thay thế bộ máy công an được quan niệm và tổ chức như một dụng cụ đàn áp của Đảng Cộng Sản bằng một bộ máy công an bảo vệ trật tự an ninh và dân

quyền; thay thế các tòa án được coi như cánh tay nối dài của công an bằng những tòa án độc lập chỉ có sứ mạng thể hiện luật pháp.

Chúng ta sẽ phải thay thế một nền giáo dục tuyên truyền, nhồi sọ và thiếu phẩm chất bằng một nền giáo dục khách quan, khai phóng và phẩm chất cao. Chúng ta coi giáo dục và đào tạo là cuộc đấu sống còn của đất nước.

Chúng ta kế thừa một đất nước suy kiệt toàn diện, trộm cướp lộng hành, tham nhũng đã thành định chế, dối trá và gian lận đã thành một phần xạ quốc gia, các bệnh truyền nhiễm lan tràn một cách không kiểm soát, tuổi trẻ thất học và bỏ học, con người suy nhược, bi quan và chán nản, chênh lệch giàu nghèo lộ liễu và thách đố, hàng chục triệu người sống trong cảnh nghèo khổ cùng cực, hàng triệu dân oan sống trong tức tưởi từ nhiều năm nay sau khi bị truất hữu đất và chỉ được bồi thường với giá cưỡng đoạt, môi trường sinh thái bị hủy hoại và ô nhiễm, chủ quyền và ngay cả đất đai đã mất nhiều về tay người ngoại quốc. Chúng ta sẽ phải biến đất nước đó thành một đất nước lương thiện và lành sạch, có kỷ cương, có đầy đủ chủ quyền, có lòng tin, có liên đới, có sức bật kinh tế và có sức thu hút đầu tư nước ngoài.

Chúng ta kế thừa một đất nước chồng chất hận thù do chiến tranh và các chính sách phân biệt đối xử để lại. Chúng ta sẽ phải hàn gắn những đổ vỡ mà không gây ra những đổ vỡ mới. Chúng ta sẽ phải phục hồi danh dự cho

những người đã bị xúc phạm mà không xúc phạm những người khác, phải bồi thường thiệt hại cho những nạn nhân mà không tạo ra những nạn nhân mới.

Xã hội Việt Nam đang khủng hoảng niềm tin trầm trọng. Người dân, với lý do chính đáng, đồng hóa chính trị với thống trị, kinh doanh với móc ngoặc trục lợi. Giai đoạn chuyển tiếp phải là bước đầu quả quyết và thuyết phục của một cố gắng liên tục hòa giải quần chúng với chính trị và kinh doanh. Nó phải mở đầu một triết lý hoạt động chính trị mới và một cách kinh doanh mới, với những chính trị gia là những người đã chọn phục vụ xã hội thay vì làm giàu, những doanh nhân là những người hiểu biết, sáng tạo, dám và biết chấp nhận rủi ro.

Chúng ta cần minh định: vấn đề đặt ra không phải là đi tìm một công thức mẫu nhiệm nào có thể biến đất nước thành giàu mạnh, không làm gì có một công thức như vậy. Vấn đề là từ những thực tại của đất nước và bối cảnh thế giới nhận diện những vấn đề cần được giải quyết ưu tiên và đề ra những giải đáp.

Mục tiêu của giai đoạn chuyển tiếp này là đặt nền tảng cho một chính quyền dân chủ lương thiện và trách nhiệm, tăng sản lượng quốc gia lên gấp đôi trong khoảng thời gian năm năm, đồng thời cải thiện được môi trường và giềng mối xã hội, hóa giải mọi hận thù và hiềm khích, giải tỏa những bế tắc tâm lý, thực sự đưa một Việt Nam hòa hợp vào quỹ đạo tiến bộ. Mục tiêu này có thể đạt được,



và sẽ phải đạt được, bằng những chính sách và biện pháp không mâu thuẫn với những định hướng lớn đã vạch ra.

Chúng ta có quá nhiều vấn đề văn hóa xã hội trầm trọng và cấp bách cần giải quyết nhưng lại chỉ có những tài nguyên rất eo hẹp. Nếu chúng ta dành quá nhiều tài nguyên cho các vấn đề ấy thì chúng ta sẽ không còn tài nguyên để phát triển kinh tế và sẽ dấn chân tại chỗ trong cảnh đói khổ. Ngược lại có những vấn đề văn hóa xã hội gay gắt đến độ nếu không được giải quyết sẽ triệt tiêu mọi cố gắng kinh tế. Phải nhìn nhận một thực tế phũ phàng là chúng ta sẽ còn phải chung sống với sự nghèo khổ cơ cực nhiều năm nữa. Trong hoàn cảnh ngân sách eo hẹp chúng ta sẽ phải thiết lập một thứ tự ưu tiên cho các vấn đề. Tinh thần chỉ đạo là giải quyết cấp bách những vấn đề tối cần thiết cho hòa giải dân tộc, an ninh xã hội và phát triển kinh tế, các vấn đề khác sẽ được giải quyết theo một thứ tự ưu tiên khác ngay khi khả năng kinh tế cho phép.

## **1. Những biện pháp chính trị**

### *1.1. Trả chính quyền về cho nhân dân*

Mọi người Việt Nam yêu nước và sáng suốt đều phải mong muốn cuộc chuyển hóa về dân chủ diễn ra trong hòa bình và trật tự, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Chúng ta sẽ làm mọi cố gắng để Đảng Cộng Sản tham gia vào tiến trình dân chủ hóa. Nhưng trong mọi trường hợp giai đoạn chuyển tiếp sẽ bắt đầu với một Hiến Ước Lâm Thời của Cộng Hòa Việt Nam trả lại chính quyền về cho

nhân dân đồng thời long trọng xác nhận những quyền tự do căn bản kể cả quyền tự do ngôn luận và báo chí, quyền tự do thành lập và tham gia các tổ chức, quyền tự do bầu cử và ứng cử, quyền sở hữu đất. Hiến Ước Lâm Thời này sẽ tóm lược những nguyên tắc chứa đựng trong các định hướng lớn để xây dựng một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên và sẽ hướng dẫn mọi hành động của chính phủ chuyển tiếp cho đến khi hiến pháp mới của Cộng Hòa Việt Nam đã được biểu quyết và đi vào áp dụng.

Việc cụ thể đầu tiên phải làm là phi chính trị hóa guồng máy chính quyền, quân đội và công an. Công chức và quân nhân có quyền gia nhập các tổ chức chính trị nhưng không được có hoạt động chính trị. Mọi sinh hoạt đảng phái trong mọi cơ quan hành chính, an ninh và quân sự của nhà nước sẽ bị nghiêm cấm. Bộ máy hành chính, quân đội và công an phải là những công cụ phi chính trị, hoàn toàn độc lập với mọi chính đảng, tuyệt đối tôn trọng hiến pháp, tuyệt đối phục tùng mọi chính quyền dân cử. Quân đội và công an sẽ trở lại với sứ mạng cao cả là bảo vệ đất nước, giữ gìn trật tự an ninh, và do đó cần được tách rời hẳn khỏi mọi hoạt động kinh doanh. Các công ty hiện do quân đội và công an làm chủ sẽ được giải tư. Những người đang làm việc tại các công ty đó nếu muốn có thể được giải ngũ để tiếp tục công việc.

Quân đội sẽ được hiện đại hóa về trang bị và huấn luyện, đồng thời cũng sẽ được tinh giản quân số.

Ngân sách quốc phòng sẽ chủ yếu ưu tiên tăng cường hải quân và không quân.

Các tổ chức ngoại vi do Đảng Cộng Sản lập ra để mạo danh và khống chế xã hội dân sự -dù dưới danh xưng mặt trận, công đoàn hay hiệp hội- sẽ mất tất cả mọi vai trò cũng như quyền lợi chính thức và nếu tiếp tục tồn tại sẽ chỉ là những hiệp hội bình thường ngang hàng trước pháp luật với mọi tổ chức xã hội dân sự khác.

### *1.2. Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc*

Một cố gắng phải bắt đầu ngay và tiếp tục trong nhiều năm là thực hiện đường lối hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một quốc sách của giai đoạn chuyển tiếp và sẽ là triết lý chính trị của Việt Nam sau đó. Hòa giải và hòa hợp dân tộc đòi hỏi phải song phẳng với quá khứ và trân trọng đối với tương lai.

Mọi chính trị phạm sẽ được trả tự do và phục hồi quyền công dân ngay tức khắc.

Mọi người vì lý do chính trị, vì các chính sách đánh tư sản, cải cách ruộng đất, hay vì đã từng là công chức quân nhân của miền Nam mà đã bị giam cầm, hạ nhục sẽ được phục hồi danh dự và sẽ được bồi thường thiệt hại ít nhất là một cách tượng trưng.

Nhà nước sẽ nhân danh sự liên tục quốc gia nhận lỗi về những sai lầm trong quá khứ, nhất là đối với những

người đã chết oan dù ở trong hàng ngũ nào và trong giai đoạn nào.

Những người đã bị tịch thu tài sản vì lý do chính trị sẽ được nhà nước nhận bồi hoàn, sự bồi hoàn thực sự sẽ được thi hành dần dần với thời gian theo khả năng kinh tế của nhà nước.

Mọi công dân có quyền đòi hỏi nhà nước xét lại những bản án mà họ hoặc thân nhân đã là nạn nhân nếu có bằng chứng rằng họ đã bị xử oan. Các thẩm phán bị chứng minh đã phản bội luật pháp và lương tâm chức nghiệp để cố ý xử án oan theo mệnh lệnh sẽ không được hành nghề thẩm phán nữa, trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị truy tố.

Mọi công dân bị truất hữu đất có quyền yêu cầu chính quyền xét lại trường hợp của mình để hoặc được trả lại đất hoặc được bồi thường xứng đáng hơn; họ cũng có quyền tố giác những vụ cưỡng ép bán đất với giá thấp để trục lợi lạm dụng danh nghĩa lợi ích công cộng.

Người Việt hải ngoại, nếu muốn, được nhìn nhận quốc tịch Việt Nam, cho họ cũng như cho con cái sinh ra tại nước ngoài.

Một cơ quan đặc biệt, cấp bộ, sẽ được thành lập để thực hiện chính sách hòa giải dân tộc, đặc biệt là để nhận và giải quyết những hồ sơ khiếu nại và đòi bồi thường của dân chúng. Một ủy ban của quốc hội sẽ có trách nhiệm đảm

bảo rằng mọi luật lệ và quy định không đi ngược với quốc sách hòa giải và hòa hợp dân tộc. Một hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc, độc lập với chính quyền và gồm đại diện của các chính đảng, đại diện các tôn giáo, đại diện các sắc tộc và các nhân vật có uy tín thuộc xã hội dân sự sẽ được thành lập để giám sát việc thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Nhà nước sẽ nghiêm cấm mọi hành động trả thù báo oán và phân biệt đối xử. Mọi người Việt Nam dù có quá khứ nào đều được đối xử bình đẳng trong nghĩa vụ cũng như trong quyền lợi. Mọi công chức, quân nhân trên nguyên tắc sẽ được duy trì ở lại chức vụ đang giữ. Mọi thay đổi nhân sự đều sẽ phải có lý do khách quan và chính đáng.

Việc thực thi hòa giải và hòa hợp dân tộc sẽ cần một thời gian rất dài. Mọi biện pháp của nhà nước phải luôn luôn chứng tỏ thiện chí muốn thực sự hàn gắn những đổ vỡ do quá khứ để lại, để mọi người Việt Nam hài lòng bắt tay nhau xây dựng đất nước.

Để chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc có nền tảng chính đáng và thêm sức mạnh, một đạo luật về hòa giải và hòa hợp dân tộc sẽ được soạn thảo để toàn dân biểu quyết qua trung cầu dân ý.

### *1.3 Ban hành một hiến pháp mới cho Cộng Hòa Việt Nam và tu chỉnh luật pháp*

Hiến pháp này sẽ do một quốc hội lập hiến, cơ chế đầu tiên được bầu ra, biểu quyết. Hiến pháp này phù hợp với chế độ chính trị đa nguyên, đại nghị và tản quyền đã được chọn lựa và trình bày, và sẽ không được mang bất cứ một quy chiếu nào về một chủ nghĩa, một tôn giáo hay một chính đảng nào. Nó cũng sẽ khẳng định sự hội nhập dứt khoát và trọn vẹn của Việt Nam vào cộng đồng thế giới; Tuyên Ngôn Nhân Quyền Phổ Cập của Liên Hiệp Quốc và các công ước đính kèm sẽ được coi là thành phần khẳng định của hiến pháp Việt Nam. Án tử hình sẽ được bãi bỏ vì nó phản văn minh và thực ra nó cũng không có cái hiệu lực mà sự dã man của nó có thể làm ta lầm tưởng. Tội "phản quốc" sẽ được xóa bỏ trong ngôn ngữ luật pháp Việt Nam. Sau khi hiến pháp mới đã biểu quyết xong, quốc hội lập pháp - có thể là ngay chính quốc hội lập hiến biểu quyết tự biến thành quốc hội lập pháp nếu hoàn cảnh cho phép - sẽ biểu quyết các bộ luật căn bản. Tinh thần chỉ đạo cho việc soạn thảo các bộ luật căn bản này là giản dị, sáng sửa, dễ hiểu và dễ tôn trọng trong bối cảnh đất nước. Các đạo luật đầu tiên không nhất thiết phải hoàn chỉnh. Điều quan trọng là đặt những nền tảng lành mạnh cho sinh hoạt quốc gia, các đạo luật sau đó sẽ được bổ túc thêm để càng ngày càng đầy đủ và hoàn chỉnh. Các đạo luật hiện hành sẽ được rà soát lại; một số đạo luật mới có thể xuất phát từ các đạo luật hiện hành, sau khi đã loại bỏ các quy chiếu về chủ nghĩa xã hội và Đảng Cộng Sản, và các điều khoản phản dân chủ hay trái ngược với các quyền tự do hiến định.

#### *1.4. Bắt đầu đem tản quyền vào thực tế*

Ngay sau đó cần đem tản quyền vào sinh hoạt chính trị. Điều này có nghĩa là cần một đạo luật tổ chức lãnh thổ quy định quyền hạn của các vùng, số vùng, ranh giới của từng vùng và một lịch trình bầu cử và thành lập các chính quyền địa phương. Nguyên tắc chỉ đạo là các vùng sẽ gồm tỉnh sẵn có giáp ranh với nhau và phải khá thuần nhất về mặt địa lý, giao thông, cấu tạo sắc tộc, chức năng kinh tế, và phải có diện tích và dân số đầy đủ để có thể là những thực thể tồn tại và phát triển được. Một mục tiêu quan trọng mà chính quyền dân chủ tìm kiếm và dồn cố gắng để đạt tới qua chính sách tản quyền là giảm một cách đáng kể sự tập trung dân số quá đáng hiện nay tại hai thành phố Hà Nội và Sài Gòn.

#### *1.5. Giữ đất nước Việt Nam cho người Việt Nam*

Từ nhiều năm nay, chính quyền cộng sản đã làm ngơ, thậm chí cố tình, để nhiều vùng đất có giá trị chiến lược lọt vào tay người ngoại quốc. Việc mua bán đất này, nhiều khi được thực hiện qua trung gian của những người Việt cho mượn tên đứng làm chủ, là một mất mát lớn cho đất nước. Nhiều khu rừng đầu nguồn có tầm quan trọng chiến lược cao đã bị chính quyền cho nước ngoài thuê dài hạn và đã gần như trở thành những khu của nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Nhiều khu sinh sống gần như của riêng người nước ngoài cũng đã hình thành trên thực tế. Tình trạng này không thể dung túng. Cần duyệt xét lại những sang nhượng

đất để chặn đứng vụ bán đất mờ ám cho người ngoại quốc. Những khu đất chuyển nhượng bất chính sẽ bị thu hồi, trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị tịch thu không bồi hoàn.

Một biện pháp vừa dung hòa được nhu cầu thu hút tư bản vừa giữ được đất Việt cho người Việt là không những cho phép mà còn khuyến khích người Việt định cư ở nước ngoài có quốc tịch Việt Nam mua nhà và đất. Đó cũng là biện pháp để gắn bó người Việt hải ngoại với quê hương.

Quan trọng hơn nữa là rà soát lại các hiệp ước mà đảng và nhà nước cộng sản đã ký với nước ngoài, nhất là những hiệp ước mà nội dung chưa được công bố. Những hiệp ước chỉ do Đảng Cộng Sản Việt Nam ký kết với nước ngoài sẽ bị tuyên bố tức khắc là vô giá trị; những hiệp ước do đại diện nhà nước cộng sản ký nhưng không được quốc hội thông qua hay không được công bố trước nhân dân cũng sẽ bị phủ nhận. Chỉ những hiệp ước phù hợp với quyền lợi dân tộc mới được duy trì, sau khi đã thương thuyết lại nếu cần.

## **2. Những biện pháp văn hóa xã hội**

Những vấn đề gay gắt nhất và cấp bách nhất đang đặt ra cho đất nước không phải là những vấn đề kinh tế mà là những vấn đề văn hóa xã hội.



### *2.1. Tăng cường trật tự an ninh*

Mặc dù không có nội chiến và nội loạn, Việt Nam ngày hôm nay trên thực tế đang dần dần trở thành một trong những nước thiếu an ninh nhất thế giới. Mối đe dọa an ninh đầu tiên chính là đảng và nhà nước cộng sản. Bất người trái phép, giam cầm và đánh đập dã man đã trở thành thông lệ. Tình trạng thiếu an ninh cũng do những thành phần bất hảo ngày càng đông đảo và ngày càng lộ hành, trong nhiều trường hợp với sự bao che của công an. Dĩ nhiên những tệ đoan xã hội là sản phẩm tự nhiên của xã hội bé tắc hiện nay và chắc chắn sẽ giảm sút với sự trở lại của hy vọng và niềm tin, nhưng dầu sao đi nữa thì đất nước ta cũng sẽ còn bất ổn trong một thời gian khá lâu và an ninh trật tự sẽ là một vấn đề nhức nhối cho một chính quyền dân chủ vừa được thành lập. Bảo đảm trật tự an ninh không có nghĩa là giới hạn tự do mà còn là một điều kiện bắt buộc để có tự do thực sự.

Luật pháp cần nghiêm minh chứ không cần phải khe khắt, và nhất là không cần phải hung bạo.

Mọi người Việt Nam đến tuổi trưởng thành đều được cấp thẻ căn cước và giấy thông hành, có quyền ở bất cứ nơi nào mình muốn và di chuyển tự do trên lãnh thổ hay ra nước ngoài.

Luật pháp không rõ ràng cũng là một nguyên nhân đưa đến phạm pháp. Trong tương lai đất nước ta cần một

luật pháp thật giản dị, thật dễ hiểu và dễ tôn trọng nhưng cũng rất nghiêm khắc với những sai phạm.

Chính quyền hiện nay có rất nhiều công an, nhưng công an được sử dụng trước hết vào việc bảo vệ độc quyền chính trị của Đảng Cộng Sản thay vì bảo vệ trật tự an ninh, để đàn áp những khát vọng tự do dân chủ hơn là để ngăn chặn những tệ đoan xã hội. Bởi vậy ngay trong giai đoạn chuyển tiếp một phần lớn các cơ quan công an tình báo, bảo vệ chính trị sẽ được chuyển qua lực lượng bảo vệ trật tự an ninh và môi trường. Việc tăng cường trật tự an ninh như vậy chủ yếu là một sự cải tổ guồng máy an ninh. Sự cải tổ này không những không tốn kém mà còn có thể tiết kiệm rất nhiều cho ngân sách. Một chính quyền Việt Nam thực sự dân chủ, không có nhu cầu đàn áp đối lập có thể giảm ngân sách an ninh và đồng thời tăng cường đáng kể trật tự xã hội.

## *2.2 Khắc phục tham nhũng và các tệ nạn xã hội*

Chúng ta hiện đang chứng kiến một quan hệ nhập nhằng giữa chính quyền cộng sản và các băng nhóm làm ăn bất chính được sự bao che của quan chức nhà nước. Buôn lậu, trốn thuế, kinh doanh bất hợp pháp trở thành bình thường. Tệ trạng này phải chấm dứt vì nó là một thách thức đối với quốc gia, một mất mát lớn cho ngân sách và một cản trở nguy hiểm cho kinh doanh đúng đắn.

Chống tham nhũng sẽ được dành ưu tiên cao nhất của giai đoạn chuyển tiếp bởi vì nếu không đẩy lùi được

tham nhũng thì bất cứ chính sách quốc gia nào, dù hoàn chỉnh đến đâu cũng sẽ thất bại. Tệ tham nhũng ngày nay đã đạt tới một mức độ ngạt thở. Nguyên nhân chính của tham nhũng trước hết là chính bản chất của chế độ độc tài toàn trị trong đó việc bổ nhiệm và thay thế các quan chức hoàn toàn không tùy thuộc vào quần chúng và dư luận. Thêm vào đó là guồng máy nhà nước áp đảo và kênh càng, là luật lệ rườm rà, mâu thuẫn cho phép những giải thích chủ quan, thiên vị và tùy tiện đồng thời khuyến khích sự câu kết thành băng đảng để bao che lẫn nhau giữa các quan chức.

Chính quyền cộng sản là nguyên nhân của tham nhũng, do đó một giai đoạn thuận lợi để chống tham nhũng sẽ mở ra ngay khi một chính quyền dân chủ đã thay thế chính quyền cộng sản. Vấn đề của chính quyền chuyển tiếp là giáng cho tham nhũng một đòn chí tử và không cho nó gượng dậy sau đó. Tham nhũng là lợi dụng công quyền, do đó muốn chống tham nhũng trước hết phải giảm trọng lượng của quyền lực nhà nước, nghĩa là phải thay thế guồng máy nhà nước nặng nề và toàn quyền bằng một nhà nước nhẹ và quyền lực giới hạn. Sau đó cần một luật pháp giản dị, minh bạch khiến người dân biết chắc chắn những gì mình có thể làm và những gì mình không được làm và không còn là những con tin của các quan chức nhà nước. Để đánh dấu một giai đoạn mới chính quyền dân chủ sẽ phải có những biện pháp gây ấn tượng mạnh như cấm tuyệt đối công chức không được nhận quà cáp trong bất cứ trường hợp nào, buộc mọi công chức phải kê khai tài sản

hàng năm, buộc mọi cơ quan kiểm điểm định kỳ kết quả của cố gắng chống và ngăn ngừa tham nhũng, v.v.

Chính quyền dân chủ sẽ thẳng tay tiêu diệt các băng đảng xã hội đen. Chúng sẽ không được hưởng bất cứ một sự khoan dung nào trong bất cứ trường hợp nào vì bất cứ lý do nào.

Chống tham nhũng cũng như chống buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác cần phải có quyết tâm nhưng cũng cần có lòng tin và hậu thuẫn của toàn dân. Một trong những đồng minh của ta trong trận chiến cam go này là tự do ngôn luận. Trong một chế độ thực sự tự do, nạn tham nhũng và hà hiếp dân chúng nếu không bị dẹp hẳn thì cũng phải rút xuống ở một mức độ thấp. Sự tố cáo của những người công dân tự do biết rõ mọi quyền của mình là vũ khí chống tham nhũng hiệu lực nhất.

Mọi sáng kiến sẽ được hoan nghênh để tranh thủ sự hưởng ứng tích cực của toàn dân vào cố gắng lành mạnh hóa quốc gia này.

### *2.3 Bãi bỏ hoàn toàn mọi chính sách và biện pháp kiểm duyệt*

Hiến Ước Lâm Thời cũng như hiến pháp mới sau đó sẽ long trọng nhìn nhận quyền tự do sáng tác và phát hành sách báo và văn hóa phẩm, đồng thời cấm chỉ mọi đạo luật theo chiều hướng kiểm duyệt. Trong nước Việt Nam tương lai sẽ không thể có một sự giới hạn nào về tự do phát biểu.

Luật pháp sẽ chỉ chế tài những phát biểu trắng trợn kêu gọi bạo lực, xúc phạm đến danh dự và quyền lợi của các công dân hay các đoàn thể công dân và bị chính các cá nhân hay đoàn thể này khởi kiện. Các hiệp hội công dân như vậy sẽ nắm một vai trò then chốt trong việc bảo vệ sự lành mạnh của văn hóa. Chúng ta đừng quên rằng xã hội dân sự là nền tảng của thể chế dân chủ đa nguyên.

*2.4. Bảo đảm sự khách quan của giáo dục  
và một trình độ văn hóa tối thiểu cho mọi  
công dân*

Sẽ không có vấn đề nhà nước áp đặt sách giáo khoa chính thức. Quyền sáng tác sách giáo khoa sẽ không bị giới hạn và quyền chọn sách giáo khoa hoàn toàn thuộc các nhà giáo. Một định chế độc lập với chính quyền, xuất phát từ các nhà giáo, sẽ soạn thảo ra những sách giáo khoa đầu tiên, và sau đó có thẩm quyền giới thiệu, nhưng không áp đặt, với các nhà giáo những sách nào có phẩm chất đầy đủ để có thể được dùng làm sách giảng dạy. Giáo dục là một đầu tư chiến lược rất tốn kém của đất nước vì vậy nó phải thuần túy hướng về mục tiêu truyền bá kiến thức và mở mang trí tuệ chứ không thể bị lợi dụng cho những tuyên truyền một chiều.

Một chú trọng đặc biệt dành cho việc giảng dạy Việt văn. Đó là điều mà ta không thể tiết kiệm được bởi vì một trình độ văn hóa tối thiểu và một khả năng truyền thông tối thiểu vừa là điều kiện không có không được cho phát triển

kinh tế, vừa là một điều kiện cần thiết cho sự ổn vững của xã hội, cho hòa bình giữa những con người.

Từ nhiều năm nay chính quyền cộng sản hầu như đã bỏ rơi hoàn toàn mọi cố gắng về giáo dục. Chúng ta đã mất đi rất nhiều học sinh, sinh viên và phẩm chất của giáo dục ở mọi cấp đã sút giảm trầm trọng, nhất là từ khi chế độ cộng sản thực hiện chính sách kinh tế thị trường hoang dại. Phải thi hành cưỡng bách giáo dục và giáo dục miễn phí ít nhất tới hết lớp 9. Rất có thể là ngân sách sẽ không cho phép tuyển dụng đủ số giáo chức cần có, trong trường hợp này chúng ta cần phát động một phong trào liên đới quốc gia về văn hóa, sinh viên tiếp tay dạy học sinh, lớp trên tiếp tay dạy lớp dưới trong tinh thần tình nguyện hay với thù lao tượng trưng. Cũng cần lưu ý rằng tình trạng bị đát của ngành giáo dục hiện nay không khó khắc phục. Sự xuống cấp của giáo dục hiện nay phần chính do chính sách của nhà nước cộng sản. Giáo dục bị xem là dịch vụ kiếm tiền cho nhà nước thay vì một đầu tư vào tương lai. Nhà nước cộng sản cũng không phân biệt giáo dục với tuyên truyền. Học sinh bị nhồi sọ những kiến thức mà cả người dạy lẫn người học đều biết là sai và vô ích. Thêm vào đó sự bế tắc của kinh tế cũng như sự băng hoại của xã hội khiến cho thanh thiếu niên và phụ huynh không biết học để làm gì. Tất cả những nguyên nhân đó sẽ tan biến dưới một chế độ tôn trọng tự do, tôn trọng con người và coi giáo dục và đào tạo là cuộc chiến đấu sống còn của dân tộc.

## 2.2. *Cải thiện môi trường và tổ chức đất nước như một thành phố lớn*

Chúng ta là một quốc gia đã bị quá nhiều tàn phá, do đó chúng ta phải gìn giữ và bảo trì cẩn trọng các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh. Đó là những tài sản quý báu, những nguồn tự hào và là những gạch nối gắn bó người Việt Nam với nhau. Việc trùng tu các di tích này sẽ không tốn kém lắm vì số lượng ít ỏi, và cũng có thể không tốn kém gì hết cho nhà nước. Chúng ta sẽ cho đấu thầu quyền khai thác và nghĩa vụ bảo trì một số di tích và thắng cảnh có giá trị du lịch cho các công ty tư nhân Việt Nam, sẽ giao phó một số di tích có tính tôn giáo cho các giáo hội.

Nước ta đất hẹp người đông nên phải được quan niệm và tổ chức như một thành phố lớn, nghĩa là sạch, đẹp và an ninh, với cơ sở hạ tầng, các cơ quan hành chính, pháp luật, văn hóa, giáo dục, y tế trải đều trên khắp lãnh thổ thay vì tập trung vào những thành phố lớn -nhất là Hà Nội và Sài Gòn- như hiện nay, với các khu rừng được săn sóc như những công viên, những nơi gặp gỡ và tiêu khiển của các công dân bình đẳng.

Cần quy định và thực hiện nghiêm minh những tiêu chuẩn về xây dựng để ngăn chặn việc xây cất thiếu an toàn hoặc xô bồ làm hại cảnh quan. Du lịch sẽ là một sinh hoạt kinh tế quan trọng và chúng ta khó hình dung kỹ nghệ du lịch có thể thành công nếu đất nước ta không đẹp.

Chính sách đánh bắt vô tổ chức hiện nay đã làm suy giảm trầm trọng nguồn hải sản của ta. Chúng ta cần có ngay những quy định giản dị, minh bạch và được áp dụng triệt để nhằm cứu vùng biển và cứu nguồn hải sản. Phong trào phá rừng bán gỗ bừa bãi -vẫn còn tiếp tục- đang có cơ nguy biến nước ta thành căn cõi; phong trào này phải được chặn đứng ngay tức khắc. Việc phục hồi lại cây rừng vừa cần nhiều vốn lại vừa cần sự bảo vệ và chăm sóc đều đặn cho nên có thể ngân sách nhà nước không đáng đáng nổi. Cần nghiên cứu giải pháp giao khoán từng vùng rừng, từng khu rừng cho các công ty tư nhân Việt Nam phục hồi và khai thác, với những quyền lợi và những cam kết rõ rệt.

Song song với cố gắng phát triển công nghiệp cũng phải có những quy định rõ ràng về cách xử lý các loại phế liệu.

Đình chỉ tức khắc và vĩnh viễn dự án khai thác bô-xít tại Tây Nguyên.

Đình chỉ các dự án xây dựng các nhà máy điện nguyên tử chừng nào các kỹ thuật xử lý an toàn chất thải vẫn chưa được tìm ra và Việt Nam chưa đủ khả năng bảo đảm an ninh tuyệt đối trong việc điều hành các nhà máy.

### **3. Những biện pháp kinh tế**

Về mặt kinh tế việc đầu tiên mà một chính quyền dân chủ phải làm là chấm dứt lối cai trị bằng nghị quyết, thông cáo, quyết định, chỉ thị và thay vào đó bằng những luật lệ



rõ ràng, minh bạch và ổn vững. Một bộ luật kinh doanh mới là điều không thể thiếu và cũng không thể đợi. Đồng thời chúng ta cần tập trung cố gắng quốc gia vào những vấn đề cấp bách.

### *3.1. Giải tư đại bộ phận các xí nghiệp quốc doanh và tư hữu hóa ruộng đất*

Nhà nước không có chức năng sản xuất xe, bán quần áo, mở công ty du lịch và cửa hàng ăn uống, quản lý khách sạn và vũ trường. Những công ty quốc doanh, nông trường quốc doanh làm mất tinh thần chấp nhận rủi ro, làm trì trệ các sáng kiến và làm mất tinh thần trách nhiệm. Chúng ta coi tư doanh là nền tảng của kinh tế quốc gia, do đó giải tư các xí nghiệp quốc doanh và tư hữu hóa ruộng đất là một chính sách cốt lõi của giai đoạn chuyển tiếp. Kinh nghiệm của các nước chuyển hóa về kinh tế thị trường cho thấy việc giải tư phải được thực hiện với tất cả cảnh giác để tránh tệ nạn đầu cơ, tẩu tán tài sản quốc gia, làm xuống cấp các xí nghiệp cần giải tư.

Chúng ta sẽ giải tư tức khắc tất cả mọi công ty, xí nghiệp quốc doanh có thể giải tư được, nghĩa là đang hoạt động một cách bình thường trong một ngành không có bí mật quốc phòng, để đem lại cho kinh tế một sinh lực mới.

Chúng ta sẽ xúc tiến ngay việc tư hữu hóa ruộng đất theo nguyên tắc trả quyền sở hữu lại cho những người đang canh tác trên đất của mình, tùy trường hợp cấp không hoặc bán lại cho nông dân những đất đai đang được nhà nước

giao phó. Đứt khoát bãi bỏ chủ trương nhà nước thống nhất quản lý đất.

Nguyên tắc chỉ đạo của chính sách giải tư và tư hữu hóa ruộng đất là những gì tư nhân có thể làm được nhà nước sẽ không làm. Chính sách này sẽ phải hoàn tất về cơ bản sau năm năm.

### *3.2. Khuyến khích tối đa đầu tư kể cả đầu tư từ nước ngoài*

Bãi bỏ từng bước các luật đầu tư và doanh nghiệp hiện nay vì chúng còn quá gò bó và vì chúng dành cho người ngoại quốc những quyền mà người Việt Nam không có, chúng còn chia rẽ người trong nước với người sống ở nước ngoài. Trong tương lai người đầu tư nước ngoài sẽ có tất cả mọi quyền mà họ đang có và sẽ có nhiều tự do hơn hẳn hiện nay nhưng sẽ không thể có những quyền mà người Việt Nam không có. Thời gian để hoàn tất mọi thủ tục thành lập công ty sẽ không thể quá một tuần lễ. Cần nhận thức giá trị rất tương đối của các bộ luật nâng đỡ đầu tư. Nếu những đặc quyền chỉ có hiệu lực ngắn hạn thì luật đầu tư chỉ lôi kéo được những đầu tư hời hợt, còn nếu những đặc quyền về đầu tư có hiệu lực dài hạn thì luật đầu tư sẽ có khuynh hướng trở thành luật lệ bình thường. Và lại, quyết định đầu tư chỉ tùy thuộc rất ít vào những biện pháp khuyến khích và tùy thuộc rất nhiều vào bối cảnh chính trị và kinh tế.

### *3.3. Đòn cố gắng cho hai công trình giao thông chiến lược*

Trong cố gắng tăng cường và cải thiện cơ sở hạ tầng, hai công trình lớn mà chúng ta phải bắt đầu ngay và phải tiếp tục trong nhiều năm, qua nhiều giai đoạn, là công trình hiện đại hóa và mở rộng theo đúng tiêu chuẩn quốc tế đường xe lửa Thống Nhất và công trình xa lộ hóa quốc lộ Xuyên Việt nối liền Hà Nội và Sài Gòn. Đây là những công trình vừa tối cần thiết cho các hoạt động kinh tế, vừa cụ thể hóa sự thống nhất của đất nước, lại vừa tạo nhiều công ăn việc làm trên khắp lãnh thổ. Những dự kiến hiện nay cho hai công trình này còn ở mức rất thấp so với nhu cầu của nước ta mà phần lớn sinh hoạt tập trung dọc theo trục giao thông này. Mở rộng và hiện đại hóa hai công trình này cũng là điều cần thiết cho dự án xây dựng và khai thác cảng Cam Ranh, một dự án trọng điểm mà ta sẽ tiến hành mạnh mẽ trong nhiều năm để đem lại sức mạnh kinh tế cho cả nước và cho miền Trung, miền nhiều triển vọng nhất của đất nước do vị trí bờ biển nhưng hiện nay là vùng kém mở mang nhất.

Với hình thể rất đặc biệt của nước ta cũng như với giai đoạn lịch sử khó khăn gần đây xa lộ Xuyên Việt phải vừa là trục giao thông chính vừa là một thắng cảnh vĩ đại làm biểu tượng cho sự thống nhất tốt đẹp và bền vững của đất nước

#### **4. Những nguồn tài chính của cố gắng phục hưng**

Một chương trình phục hưng dù khiêm nhường đến đâu cũng đòi hỏi rất nhiều chi phí. Những mục tiêu cho giai đoạn chuyển tiếp cũng rất tham vọng. Chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng chúng ta cũng sẽ có những nguồn tài trợ.

Trước hết là chấm dứt những phí phạm do chính quyền cộng sản tạo ra mà phí phạm lớn nhất là do chính Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hiện nay hàng trăm ngàn người được trả lương chỉ để làm việc cho bộ máy của Đảng Cộng Sản. Hàng ngàn nhà và phòng ốc bị chiếm dụng trái phép làm trụ sở, văn phòng cho các chi bộ đảng. Cán bộ, đảng viên tham những lợi dụng quyền thế biến thủ một phần quan trọng tổng sản lượng quốc gia. Trong tương lai khi Đảng Cộng Sản phải chấp nhận một chỗ đứng bình thường ngang hàng với các chính đảng khác, nhà nước sẽ tiết kiệm được một khoản ngân sách lớn, giải tỏa một nguồn nhân lực lớn và thu hồi một số tài sản lớn.

Nguồn tài trợ thứ hai là do sự tiết giảm ngân sách an ninh quốc phòng. Chúng ta không có ý đồ chinh phục nước nào và ngược lại cũng không còn lo ngại bị chinh phục bằng quân sự. Sự phòng vệ các vùng biên giới, biển và hải đảo cũng không cần đến một lực lượng bộ binh đông đảo như hiện nay mà cần một quân đội cơ giới tinh nhuệ, chủ yếu là không quân và hải quân. Guồng máy công an - chính thức và phụ trợ - hiện nay của nhà nước cộng sản có thể

gồm trên hai triệu người nhưng trước hết nhằm bảo vệ Đảng Cộng Sản và đàn áp những nguyện vọng dân chủ. Một nhà nước dân chủ thực sự có thể giảm không những một phần quan trọng chi phí mà còn tăng cường hẳn khả năng bảo vệ lãnh thổ và duy trì trật tự an ninh.

Nguồn tài trợ thứ ba là do sự giải tư các xí nghiệp quốc doanh. Như đã trình bày ở phần trên, mục đích chính của chính sách giải tư là hợp lý hóa và lành mạnh hóa sinh hoạt kinh tế. Tuy vậy chương trình giải tư cũng sẽ đem lại một tài nguyên quan trọng.

Nguồn tài trợ thứ tư do sự đóng góp tích cực hơn của cộng đồng Việt Nam hải ngoại sau khi một chế độ dân chủ thực sự, phù hợp với nguyện vọng sâu xa của đồng bào hải ngoại đã được thiết lập. Khỏi người Việt hải ngoại, với trên ba triệu người, phần lớn định cư tại các nước phát triển và một thu nhập thường niên trên 50 tỷ USD có khả năng tiết kiệm 10 tỷ USD mỗi năm. Nhưng cộng đồng người Việt hải ngoại không chỉ là một nguồn đầu tư mà còn có thể có những đóng góp quan trọng khác về văn hóa, khoa học và kỹ thuật. Một khi quan hệ với trong nước đã được bình thường hóa, cộng đồng người Việt hải ngoại sẽ là một đòn bẩy lớn cho cố gắng phát triển đất nước.

Nhưng nguồn tài trợ quan trọng nhất và càng ngày càng dồi dào hơn là do chính sự phát triển của kinh tế. Hiện nay rất nhiều ngành nghề bị tê liệt, rất nhiều tài năng bị triệt tiêu do bị cấm cản hay sách nhiễu. Trả lại tự do kinh

doanh thực sự cho dân chúng với những bảo đảm của một chế độ dân chủ pháp trị chân chính là ta đã khai thông được nhiều sinh lực mới và có thể chờ đợi những đóng góp mới. Chính sách kinh tế đúng đắn và lương thiện này cũng sẽ có khả năng động viên nguồn tài chính còn lại trong nhân dân. Không có sức mạnh nào lớn hơn sức mạnh mà chúng ta sẽ có nhờ giải tỏa và động viên sinh lực của một dân tộc gần 100 triệu người cần mẫn. Chúng ta có quyền chờ đợi những thành quả nhanh chóng và to lớn. Mục tiêu tăng gấp đôi tổng sản lượng quốc gia trong vòng năm năm của giai đoạn chuyển tiếp đòi hỏi một tỷ lệ tăng trưởng 15% mỗi năm nhưng đó là một mục tiêu trong tầm tay vì chúng ta là một nước bờ biển với một vị trí thuận lợi và một dân tộc cần mẫn, khả năng lôi kéo đầu tư nước ngoài rất lớn. Đó là tỷ lệ mà ngay cả các tỉnh duyên hải của Trung Quốc cũng đã đạt được dù dưới chế độ cộng sản. Hơn nữa nước ta còn rất nhiều tiềm năng chưa khai thác. Chúng ta tụt hậu không phải vì khó khăn khách quan mà vì sự tồi đờ và tham nhũng của chính quyền cộng sản.

### **5. Chuyển tiếp về dân chủ sẽ thành công, đất nước sẽ vươn lên**

Chúng ta có quyền hy vọng và lạc quan. Đất nước ta tuy có vấp ngã nhưng vẫn còn khả năng đứng dậy và đi tới.

Chúng ta không cần trông đợi ở một phép màu hay một ân huệ nào cả. Phép màu ấy chúng ta có thể tự tạo ra

cho mình, ân huệ ấy chúng ta có thể tự ban cho mình một cách giản dị.

Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước là của mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa nào. Nhìn nhận chổ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Cởi bỏ những xiềng xích của hận thù và bất dung để nhìn nhau như anh em. Đem lại lạc quan và niềm tin ở một nhà nước thành tín và lương thiện. Đem lại những đảm bảo rõ rệt, chắc chắn cho quyền tư hữu và quyền kinh doanh. Thi hành triệt để những đạo luật được thảo luận và quy định một cách lương thiện. Quyết tâm bài trừ tham nhũng và những tệ đoan xã hội đang phá hoại cơ thể quốc gia. Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm được và có thể làm ngay được. Rồi chúng ta sẽ thấy đất nước này thay da đổi thịt, rồi chúng ta sẽ thấy dân tộc này vùng dậy chồm tới chinh phục tương lai. Chúng ta sẽ khám phá ra sự màu nhiệm của những giá trị rất đơn giản như tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc. Chúng ta sẽ thấy là một chế độ dân chủ pháp trị thành công ngay cả trong những điều kiện kỹ thuật, văn hóa, xã hội và nhân sự khó khăn vì có khả năng tự điều chỉnh và cải tiến. Đất nước nhất định sẽ đứng dậy, đi tới và tiến lên rất mạnh mẽ.

## **IX. Chung một giấc mơ Việt Nam**

Nước ta có khả năng trở thành một nước lớn và giàu mạnh nếu động viên được mọi trái tim, mọi khối óc, mọi bàn tay trong sự nghiệp xây dựng tương lai chung. Tuy vậy thực tế đáng buồn là ngày hôm nay chúng ta vẫn còn đang phải đấu tranh cam go để có được điều mà hầu hết các dân tộc đã có: dân chủ.

Cuộc đấu tranh đã dài hơn chúng ta mong muốn vì ngoài những khó khăn đã được nhận diện còn thêm một lý do khác: đây là cuộc đấu tranh hoàn toàn mới trong lịch sử nước ta. Từ trước đến nay chúng ta đã chỉ có những cuộc nội chiến tranh giành quyền lực giữa các thế lực thống trị, hay những cuộc chiến chống ngoại xâm mà mục đích, xét cho cùng, cũng chỉ là để đổi một ách nô lệ ngoại bang lấy một ách nô lệ bản xứ. Chúng ta chưa bao giờ là một dân tộc tự do. Lần này chúng ta chiến đấu để mở ra cả một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên thứ hai của lịch sử nước ta, kỷ nguyên của những con người Việt Nam tự do và của một nước Việt Nam dân chủ.

Đó là cuộc chiến đấu để đưa người Việt Nam và đất nước Việt Nam từ bóng đêm của nô lệ và nghèo khổ sang ánh sáng của tự do và phồn vinh. Lần đầu tiên chúng ta có một cuộc chiến đấu thực sự xứng đáng để chiến đấu. Như vậy những con người Việt Nam hôm nay cần ý thức rằng họ đang đứng trước cơ hội để tạo ra biến cố lịch sử lớn nhất



và vinh quang nhất, cơ hội mà các thế hệ mai sau sẽ không thể có.

Thử thách trước mặt chúng ta tuy rất lớn, nhưng hy vọng thôi thúc chúng ta còn lớn hơn bởi vì cuộc chiến đấu này không chỉ xứng đáng và vinh quang mà còn tất thắng. Chúng ta được chuyên chở và thúc đẩy bởi cả một làn sóng dân chủ toàn cầu và bởi nguyện ước chung của một dân tộc đã dần dần hồi phục sau những thương tích. Chúng ta đang được tiếp viện của cả một thế hệ mới đã tự khai phóng và quyết tâm làm những con người tự do. Đằng sau những trở ngại là cả một tương lai rực sáng.

Chúng ta nhất định thành công. Dân tộc Việt Nam đã thức tỉnh sau khi đã phải trả giá rất đắt cho hận thù và chia rẽ, cho óc độc quyền lẽ phải, cho sự cuồng tín và tôn thờ bạo lực. Chúng ta đã hiểu bằng máu và nước mắt và đã chấp nhận trong da thịt những giá trị giản dị nhưng mâu nhiệm như tự do, dân chủ, hòa bình, công lý, bao dung, cố gắng. Chúng ta đã nhuần thấm tình dân tộc nghĩa đồng bào trong sự tủi nhục chung vì thua kém. Chúng ta đã nhận ra rằng tất cả mọi người Việt Nam đều ràng buộc với nhau trong một số phận chung. Chúng ta đang có một đồng thuận dân tộc lớn nhất kể từ ngày ông cha mở nước. Đồng thuận ấy sẽ là vũ khí vô địch giúp chúng ta vượt mọi trở ngại.

Bài học lớn nhất của lịch sử thế giới là một dân tộc muốn vươn lên chỉ cần ba yếu tố: một xã hội tự do, những

con người cần miễn và đồng thuận dân tộc. Chúng ta là một dân tộc cần miễn đã có đồng thuận dân tộc và sắp có tự do. Chúng ta sẽ vươn lên. Chúng ta có quyền lạc quan trong cuộc hành trình về tương lai.

Lạc quan và hãnh diện vì cuộc đấu tranh của ta trong sáng. Nó không nhắm tiêu diệt hay hạ nhục một ai, nó là cuộc đấu tranh để tôn vinh mọi người, tôn vinh quyền làm người và quyền được hưởng hạnh phúc như một dân tộc lớn mà dân tộc ta rất xứng đáng để có.

Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó chúng ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ, bao dung, đùm bọc, kỷ nguyên vinh quang của những cố gắng chung và của thành công chung.

Chúng ta hãy nắm tay nhau cùng cất cao một lời nguyện:

*Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn.*

*Làm người Việt Nam cho tới nay đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong một tương lai gần sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hãnh diện.*

*Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao*

*dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ điêu tàn và đổ nát.*

Đó là lý tưởng của thời đại chúng ta. Đó là di sản mà chúng ta sẽ để lại cho các thế hệ mai sau. Đó là giấc mơ Việt Nam mà các chí hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cùng theo đuổi và muốn chia sẻ với mọi người Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, hôm nay và ngày mai.





Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó chúng ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ, bao dung, đùm bọc, kỷ nguyên vinh quang của những cố gắng chung và của thành công chung.

Chúng ta hãy nắm tay nhau cùng cất cao một lời nguyện:

*Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn.*

*Làm người Việt Nam cho tới nay đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong một tương lai gần sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện.*

*Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ điêu tàn và đổ nát.*

Đó là lý tưởng của thời đại chúng ta. Đó là di sản mà chúng ta sẽ để lại cho các thế hệ mai sau. Đó là giấc mơ Việt Nam mà các chí hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cùng theo đuổi và muốn chia sẻ với mọi người Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, hôm nay và ngày mai.



**ISBN: 978-2-907857-06-9**